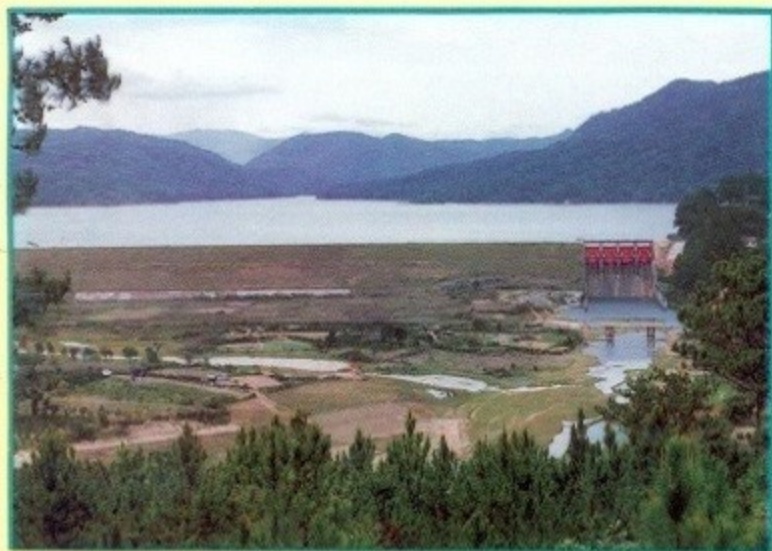


ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐƠN DƯƠNG



SƠ THẢO

TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH
CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG BỘ VÀ
NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
(1930 - 1975)



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

SƠ THẢO

**TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRÁNH
CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG BỘ VÀ
NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
(1930 - 1975)**

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

1997



*Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ huyện Đơn Dương
tại thị trấn Thạnh Mỹ*

LỜI NÓI ĐẦU

Đơn Dương là một huyện miền núi của tỉnh Lâm Đồng, có vị trí chiến lược quan trọng về quân sự, chính trị, kinh tế. Bốn mươi lăm năm đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đơn Dương đã góp phần to lớn về sức người, sức của vì sự nghiệp cách mạng, cùng đồng bào cả nước đưa công cuộc chống thực dân, đế quốc đến thắng lợi hoàn toàn.

Ôn lại truyền thống vẻ vang trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc của nhân dân Đơn Dương là nhằm khơi dậy lòng tự hào đối với lớp lớp ông cha từng cống hiến máu xương vì cách mạng, nâng cao giá trị tinh thần của thế hệ hôm nay và mai sau trong sự nghiệp cách mạng mới, cổ vũ ý chí phấn đấu vươn lên với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy bản chất, truyền thống tốt đẹp của các thế hệ đi trước, xây dựng quê hương Đơn Dương ngày càng giàu mạnh.

Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc biên soạn truyền thống đấu tranh cách mạng địa phương, Ban Thường vụ Huyện ủy Đơn Dương quyết định thành lập bộ phận sưu tầm, tập hợp tư liệu và biên tập truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Đơn Dương.

Quá trình nghiên cứu, sưu tầm và soạn thảo, bộ phận biên tập thường xuyên nhận được sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện uỷ, sự giúp đỡ tận tình của bộ phận nghiên cứu lịch sử Đảng thuộc Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Lâm Đồng, nhiều ý kiến tham gia đóng góp với trách nhiệm cao của đồng chí, đồng bào trong huyện, của các cán bộ từng hoạt động ở địa phương trước cách mạng tháng 8-1945 và trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng việc tập hợp sự kiện, tư liệu qua 45 năm đấu tranh cách mạng của nhân dân Đơn Dương vẫn chưa đầy đủ. Do trải qua thời gian dài nhiều tư liệu không có điều kiện lưu giữ bằng văn bản, bộ phận biên tập chủ yếu dựa trên hồi ký cung cấp của cán bộ, chiến sĩ hoạt động ở địa phương, trình độ, kinh nghiệm biên soạn còn nhiều hạn chế nên chắc chắn không tránh khỏi nhiều thiếu sót và chưa chuẩn xác. Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu sơ thảo truyền thống đấu tranh cách mạng của đảng bộ và nhân dân huyện Đơn Dương, rất mong nhận được sự tham gia ý kiến của nhân dân, cán bộ, chiến sĩ để tu chỉnh, sửa chữa được hoàn chỉnh hơn.

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY ĐƠN DƯƠNG

**BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG**

(1975 - Về trước)

TỈ LỆ 1/500.000



PHẦN MỞ ĐẦU :

ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN VỀ THIÊN NHIÊN VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

I/ Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên :

Huyện Đơn Dương có diện tích tự nhiên 63.800 ha, ở về Đông Cao nguyên Lâm Viên (Langbiang), phía Bắc giáp thành phố Đà Lạt, phía Nam giáp tỉnh Bình Thuận, phía Đông giáp tỉnh Ninh Thuận, phía Tây giáp huyện Đức Trọng.

Nằm trên độ cao từ 950 mét đến 1200 mét so với mặt biển. Đơn Dương có nhiệt độ trung bình hàng năm 24°C, ít bị ảnh hưởng gió bão, mỗi năm chia làm hai mùa: mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10 và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Thời tiết tương đối ôn hòa, đất đai thích hợp cho trồng cây công nghiệp, lương thực, cây ăn trái; Đơn Dương có nhiều tiềm năng kinh tế có thể khai thác. Rừng và đất rừng Đơn Dương cũng là một thế mạnh với nhiều chủng loại gỗ, trong đó chủ yếu là thông và các lâm sản như mây, tre, nứa dùng làm nguyên liệu cho nông nghiệp chế biến; Rừng còn cung

cấp một số cây dược liệu quý như trầm hương, hà thủ ô, hoặc thích hợp cho việc trồng cây canh ki na. Kiến tạo thiên nhiên đã hình thành ở Đôn Dương những cánh đồng không rộng nhưng bằng phẳng tại thị trấn Dran, Ka Đô, K'Den, Thanh Mỹ, Proh... từ lâu được nhân dân địa phương khai phá trồng cây lương thực, thực phẩm.

Do địa hình đồi núi lượn sóng, Đôn Dương có các ngọn núi cao trên 1.400 mét (Yenpar, Kanan) nằm về hướng Đông và Tây Bắc, là nơi bắt nguồn của các con sông, suối lớn đổ về vùng đồng bằng các tỉnh phía Nam. Sông Đa Nhím xuất phát từ Bắc thị trấn Dran, qua hết chiều dài địa phận của huyện, chảy về sông Đồng Nai. Nhờ có độ dốc cao, năm 1961 Đa Nhím được ngăn dòng để xây dựng một công trình thủy điện với công suất 16 KVA, cung cấp điện cho thành phố Sài Gòn và một số tỉnh phía Nam. Công trình thủy điện Đa Nhím là nơi có thể xây dựng thành khu du lịch đẹp thu hút du khách.

Ở vị trí cửa ngõ dẫn đến Đà Lạt, Đôn Dương có hệ thống giao thông thuận lợi giao lưu giữa các vùng trong tỉnh và các tỉnh bạn. Về phía đông, quốc lộ 11 nối liền thành phố Đà Lạt với Dran, qua đèo Krôngpha xuống Phan Rang đi các tỉnh miền Trung. Quốc lộ 21Bis (nay gọi là đường 27) qua địa bàn huyện có chiều dài 26 Km từ Dran đến Finôm tiếp giáp đường 20 Đà Lạt về Sài Gòn, nối liền các tỉnh phía Nam. Ngoài quốc lộ, nhiều con đường xuyên qua buôn làng, núi cao tạo thành mạng

lưới giao thông gắn liền địa bàn huyện với các huyện và tỉnh bạn, tạo thế hành lang trong 2 cuộc kháng chiến, bảo đảm cho lực lượng của ta hoạt động, xây dựng cơ sở cách mạng vùng địch tạm chiếm.

Đơn Dương được thiên nhiên ưu đãi, có nhiều thế mạnh về nông nghiệp và lâm nghiệp, có khả năng phát triển du lịch và dịch vụ, là nơi hội tụ của đồng bào các dân tộc trên các miền đất nước về đây sinh sống, đang từng bước được khai thác tiềm năng phục vụ đời sống nhân dân, vươn lên làm giàu cho quê hương, cho Tổ quốc.

II. Huyện Đơn Dương trong quá trình phát triển :

Cuối thế kỷ 19, cuộc thám hiểm của bác sĩ A-léch-xan-đơ Y-éc-xanh (Alexandre Yersin) lên Cao nguyên Langbiang thành công⁽¹⁾ đã mở đầu cho ý đồ khai thác tài nguyên giàu có, biến vùng Cao nguyên mát mẻ thành nơi nghỉ dưỡng và hậu cứ an toàn của thực dân Pháp ở Đông Dương sau này.

Khi thành lập các tỉnh Tây Nguyên đặt dưới quyền cai trị trực tiếp của chính phủ Pháp, vùng đất này (Đran)

(1) Ngày 21/6/1893, đoàn do bác sĩ Alexandre Yersin dẫn đầu đặt chân lên Đà Lạt, kết thúc cuộc thám hiểm Cao nguyên Lanbiang.

thuộc tỉnh Đồng Nai Thượng⁽¹⁾. Năm 1901, tỉnh Đồng Nai Thượng bị bãi bỏ, nơi đây thuộc huyện Tân Khai tỉnh Ninh Thuận. Năm 1920, cùng với việc tái lập tỉnh Đồng Nai Thượng, quận Dran⁽²⁾ được thành lập. Ranh giới của quận lúc bấy giờ rất rộng, phía Đông và Nam giáp với Ninh Thuận, Bình Thuận, phía Tây kéo dài đến đại Ninh (giáp Di Linh), phía Bắc giáp Đắc Lắc⁽³⁾.

Từ năm 1958 trở về trước, quận Dran có nhiều tổng⁽⁴⁾ bao gồm cả tổng kinh và dân tộc : An Lạc (Xuân Trường), Càn Rang, M'lon (Thanh Mỹ), Linh Nhân, Tà In, Tu Tra, Loan, Phú Thạnh, Đình Văn, Phú Hội, Langbiang, K'lăngtô, K'Men, K'lang Dueng v.v... Thời Pháp thuộc, Càn Rang là nơi giao lưu buôn bán nhộn nhịp nên được lấy làm trung tâm của quận.

Theo sắc lệnh số 126 NV ngày 19-5-1958, chính

(1) Haut Don Nai

(2) - (3) Quận Dran cũ bao gồm huyện Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà, Lạc Dương và các xã Xuân Trường, Xuân Thọ (thuộc Đà Lạt) hiện nay. Do hoàn cảnh lịch sử và địa lý cho nên trong cuốn sơ thảo này có lúc chúng tôi dùng tên gọi là quận Dran, có lúc là huyện Đơn Dương xen kẽ.

(4) Hiện chưa có số liệu đầy đủ về tên các tổng thời kỳ này, một số tên tổng trên đây để tham khảo làm cơ sở tiếp tục bổ sung, chỉnh lý về sau.

quyền Ngô Đình Diệm thành lập tỉnh Tuyên Đức, chia Dran thành 3 quận Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương. Quận Đơn Dương trước năm 1975 có các xã : Xuân Thọ (Trạm Bò), Xuân Trường (Cầu Đất), Lạc Nghiệp, Lạc Xuân, Lạc Lâm, Thạnh Mỹ ⁽¹⁾, xã Loan, xã Tà Năng.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, do yêu cầu chỉ đạo, Ban cán sự Đảng tỉnh Lâm Viên đã quyết định chia quận Dran thành 2 khu vực gọi là huyện Chiến Đấu⁽²⁾ và huyện Chiến Thắng. Huyện Chiến Thắng bao gồm các xã Xuân Thọ, Xuân Trường, thị trấn Càng Rạng của quận Dran và khu vực Trại Mát thuộc Đà Lạt.

Khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, sau nhiều lần thiết lập lại hệ thống hành chính, vùng đất Bắc Hội, Bồng Lai (Thạnh Mỹ), xã Loan, xã Tà Năng được giao về huyện Đức Trọng; Xuân Trường, Xuân Thọ giao cho thành phố Đà Lạt. Tháng 4/1977, huyện lỵ Đơn Dương chuyển từ Càn Rang (Lạc Nghiệp) về Thạnh Mỹ, tạo thuận lợi cho sự chỉ đạo và phát triển.

Trải qua nhiều biến đổi, đến năm 1986, địa giới

-
- (1) Thạnh Mỹ trước đây gồm có Quảng Hiệp, Nam Hiệp, Nghĩa Hiệp (nay là xã Ka Đô và Quảng Lập), Bắc Hội, Bồng Lai, Lạc Sơn, Lạc Lâm Làng, M'ráng.
- (2) Huyện Chiến Đấu bao gồm vùng Đức Trọng, Lâm Hà và Tây Bắc huyện Lạc Dương hiện nay.

hành chính của Đơn Dương đã được ổn định. Ngày nay, Đơn Dương là một huyện của tỉnh Lâm Đồng, có hai thị trấn Dran, Thạnh Mỹ và 7 xã Lạc Xuân, Lạc Lâm, Ka Đô, K'Đen, Tu Tra, Quảng Lập, Proh.

Là một khu vực chịu ảnh hưởng trực tiếp nhiều mặt về kinh tế, chính trị, xã hội của Đà Lạt nên khi đặt ách cai trị thực dân Pháp đã có các dự án xây dựng nhằm biến Dran và vùng phụ cận Đà Lạt trở thành nơi giao lưu kinh tế, văn hóa phục vụ cho chủ nghĩa thực dân. Lợi dụng chính sách đó, một số tư sản người Pháp và người Việt tranh thủ thời cơ mở mang đồn điền, nhà máy, khai thác tiềm năng đất đai, bóc lột nhân công rẻ mạt của xứ thuộc địa. Từ năm 1920 đến năm 1945, toàn bộ ruộng đất màu mỡ và cơ sở kinh tế ở quận Dran đều thuộc về tài sản của 25 nhà tư sản và một số quan chức Pháp - Việt.

Bằng các thủ đoạn như bỏ vốn đầu tư, sử dụng máy móc khai phá đất đai, thực dân Pháp đã chiếm dụng hàng ngàn ha để lập đồn điền, nhà máy. Năm 1926, đồn điền canh-ki-na (quinquina) được thành lập ở Lạc Xuân, sau này do viện Pát-tơ (Pasteur) quản lý, khai thác, có diện tích 1500 ha. Cùng năm này hai công ty của Pháp và Hà Lan hùn vốn lập sở trà Cầu Đất⁽¹⁾ có diện tích 2000 ha và đồn điền cà phê Fi Vàng 750 ha. Ở khu vực

(1) Tên cũ viết tắt P.I.T (Plantation Indochinoise de Thé).

Trạm Hành, đất đai màu mỡ, bằng phẳng và thuận tiện giao thông bị một số tư sản người Pháp chiếm để mở các cơ sở chăn nuôi bò, trồng rau, khai thác chế biến gỗ. Tại quận lỵ Dran, công ty Aviát của một tư sản Pháp thầu làm tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt đã chiếm đất, xây dựng nhà máy cưa xẻ gỗ, trồng cam. Đồn điền trà, cà phê của nhà tư sản người Việt tên là Lê Tấn Phát ở Phú Sơn có diện tích 250 ha... Ngoài cơ sở kinh tế lớn, các đồn điền có diện tích vừa, các nhà máy nhỏ được thành lập ở Cầu Đất, Trạm Hành, Càn Rang. Đi đôi với việc lập đồn điền, nhà máy, để chuẩn bị cho công cuộc khai thác kinh tế, thiết lập bộ máy cai trị, thuận tiện cho các hoạt động đàn áp quân sự, thực dân Pháp đã mở mang đường sá, xây dựng đồn bót. Từ năm 1920 đến năm 1935, quốc lộ 11, 21 Bis, đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt qua địa phận quận Dran được xây dựng.

Việc mở mang đồn điền, nhà máy, đường giao thông đã tạo nên đội ngũ công nhân và những người lao động ngày càng đông đảo. Chính ở những nơi này, truyền thống đấu tranh cách mạng đã được phát huy.

Ngoài cơ sở kinh tế của các nhà tư sản Pháp - Việt, nền kinh tế ở quận Dran chủ yếu là nông nghiệp. Từ lâu đời, đồng bào các dân tộc ít người đã canh tác cây lương thực, tạo ra sản phẩm chính cho đời sống. Tuy vậy, do địa hình rừng núi, việc sản xuất lương thực không đủ trang trải nhu cầu, đồng bào kinh đến sinh sống ở đây

phải trồng rau và các loại cây công nghiệp ngăn ngày để trao đổi lương thực với các tỉnh đồng bằng về cung cấp ở địa phương. Do đặc điểm này, công tác hậu cần của ta trong 2 cuộc kháng chiến gặp không ít khó khăn vì lương thực, thực phẩm thiếu phải phụ thuộc vào những nơi khác, nhất là thời kỳ địch khống chế, ngăn chặn cơ sở tiếp tế cho cách mạng.

Mặt khác, những phức tạp về dân tộc, tôn giáo, dân cư đã ảnh hưởng, chi phối đến quá trình vận động cách mạng và tổ chức kháng chiến ở Đơn Dương.

Từ cuối thế kỷ thứ 19 trở về trước, đồng bào các dân tộc ít người đã cư trú trên mảnh đất này. Đơn Dương có nhiều dân tộc nhưng đông nhất là K'Ho, Chu ru, Chil, Stiêng, Rắc Lay,... Phong tục tập quán lạc hậu, sống du canh, du cư, nền kinh tế tự cung, tự cấp. Trong cộng đồng các dân tộc ít người, quan hệ gia đình theo chế độ mẫu hệ, tôn giáo tín ngưỡng còn nặng tính chất nguyên thủy, thờ cúng thần linh. Về xã hội, do nhiều tác động, dần dần có bị phân hóa giàu nghèo nhưng chưa phân chia thành giai cấp. Mối quan hệ trong buôn làng thường dơ tộc trưởng, già làng điều khiển tương đối chặt chẽ và hà khắc, tuy còn mang dấu ấn của thời kỳ chiếm hữu nô lệ nhưng phần nào cũng giữ được nét riêng bản sắc từng dân tộc.

Khi thực dân Pháp đến và thực hiện chính sách đô hộ thuộc địa, đất đai phì nhiêu bị chúng chiếm làm đồn điền, phương thức sản xuất tự cung, tự cấp không cạnh

tranh nổi với sản xuất tư bản, một bộ phận người dân tộc phải bỏ nương rẫy, bán sức lao động cho chủ đồn điền để nuôi mình và có tiền đóng thuế.

Lợi dụng yếu tố lạc hậu, mê tín dị đoan, thực dân Pháp tìm cách thực hiện âm mưu chia rẽ các dân tộc, kìm hãm sản xuất và đẩy đồng bào ta vào cuộc sống đói khổ. Chính sách thuế nặng nề, chính sách lừa mị đầu độc về tinh thần đã đụng chạm đến bản chất chân thực, truyền thống bất khuất của đồng bào các dân tộc ít người, nhen lên ngọn lửa căm thù trong các buôn làng. Vì vậy, cuộc đấu tranh chống Pháp, bất hợp tác với bọn thực dân đã nung nấu trong vùng đồng bào dân tộc ở Đôn Dương.

Về tôn giáo, từ lâu đời, đồng bào các dân tộc ít người đã giao lưu và chịu ảnh hưởng văn hóa, tôn giáo người Chăm (Ninh Thuận). Khi đặt ách đô hộ, bọn thực dân, đế quốc rất chú ý các hoạt động tôn giáo nhằm lôi kéo, lừa mị quần chúng, phục vụ cho mục đích xâm lược và chống phá phong trào cách mạng.

Từ khi đặt chân lên Đôn Dương, nhiều linh mục người Pháp đã mở nhà thờ, truyền đạo thiên chúa giáo, nhưng số người theo còn ít. Năm 1954, Mỹ - Diệm đưa đồng bào miền Bắc di cư vào và thực hiện nhiều đặc quyền nên thiên chúa giáo phát triển, nhà thờ được xây dựng ở Lạc Lâm, Châu Sơn, Lạc Nghiệp, Phát Chi. Trong vùng đồng bào dân tộc, lợi dụng đời sống khó khăn địch tìm cách mua chuộc, cung cấp vật chất, đào

tạo nhiều mục sư người dân tộc, xây dựng nhà thờ nên hầu hết người dân tộc theo đạo tin lành. Tại Đơn Dương, đạo Phật, đạo Cao Đài đã xuất hiện rất sớm kể từ khi người kinh đến vùng này. Trong huyện nhiều nhất là Phật giáo rồi đến Thiên chúa giáo, các tôn giáo khác có số lượng ít hơn.

Trong quá trình hình thành và phát triển, dân số ở huyện Đơn Dương ngày càng đông thêm nhưng biến động qua mỗi thời kỳ. Đầu thế kỷ 20, cư dân còn thưa thớt và chỉ có đồng bào các dân tộc ít người sống rải rác tại các vùng sâu. Bệnh tật và thiếu điều kiện chăm sóc y tế, tỷ lệ tử vong cao, dân số tăng ít. Từ năm 1917, thực dân Pháp đến mở đồn điền, nhà máy, chúng mộ phu ở nhiều miền đất nước nhưng đông nhất là người các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên. Khi đường sá, đồn điền đã xây dựng xong, họ ở lại khai khẩn đất, lập làng sinh sống. Một số địa danh đã hình thành : Làng Cầu Đất, Lạc Xuân thành lập năm 1929, Thạnh Hòa, Lạc nghĩa (Thạnh Nghĩa ngày nay), Lạc Lâm Làng năm 1935, Đồng Thạnh 1940... Cho đến năm 1945, dân số quận Dran có khoảng 20.000 người, tập trung đông nhất ở thị trấn Càn Rang. Năm 1946, khi Pháp tái chiếm Dran, phần đông tản cư xuống Phan Rang, Phan Thiết, mỗi làng còn lại vài chục người. Cùng với sự phát triển kinh tế, số người trở lại đơn Dương tăng dần. Trước năm 1975 dân số đã lên tới 47.717 người và theo điều tra cuối năm 1993, toàn huyện có 70.700 người, trong đó 19.800

là đồng bào các dân tộc ít người (K'Ho chiếm 6428 người, Chu Ru 6.800 người, Chil 3792...)

Về văn hóa xã hội, chính sách “khai hóa” của thực dân Pháp đã kìm hãm nhân dân trong vòng ngu dốt. Trước năm 1945, tại Dran 95% người dân bị mù chữ, toàn quận có 2 trường sơ học yếu lược chỉ mở đến lớp ba, chương trình học chủ yếu dạy bằng tiếng Pháp, học sinh là con em những gia đình giàu có. Sau năm 1946, chính quyền thực dân mới mở thêm lớp bốn, lớp năm ở trường tiểu học.

Cuộc sống của người lao động ở Đơn Dương dưới thời Pháp thuộc rất khổ cực vì phải lao động nặng nhọc, những khi bị sốt rét, bệnh tật chỉ có một cơ sở chữa bệnh với vài y tá. Thuốc men thiếu, người dân không có điều kiện đến bệnh viện, khi ốm đau phải chữa bằng lá cây rừng hoặc tìm đến thầy mo, thầy cúng.

Đã hạn chế việc học hành chữa bệnh, lại bị thực dân, đế quốc dùng thần quyền giáo lý lừa bịp, mở rộng hệ thống nhà thờ ở khắp nơi nên đời sống văn hóa của nhân dân Đơn Dương rất thấp kém.

Về giai cấp, do chính sách của thực dân đế quốc, ruộng đất bị chiếm để mở nhà máy, đồn điền, bọn chủ ngày càng giàu lên trong lúc các tầng lớp nhân dân lao động bị bóc lột nặng nề. Chính vì vậy, xã hội dần dần phân hóa, ở Đơn Dương đã xuất hiện tầng lớp tư sản thực

dân. Mặc dù có số lượng ít, bọn tư sản thực dân mà tập trung là ở các đồn điền trà, cà phê, một số nhà máy đã dùng các thủ đoạn bóc lột lao động làm thuê, trả giá nhân công rẻ mạt, thế lực của chúng được chính quyền thực dân bảo trợ đã nhanh chóng phát triển. Chúng nắm toàn bộ các hoạt động kinh tế, tha hồ bòn rút sức lao động của nhân dân, làm cho đời sống đồng bào các dân tộc lâm vào con đường nghèo đói. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và những người lao động ở Đôn Dương với bọn thực dân, tư sản Pháp trở nên gay gắt.

Quá trình phát triển của nền kinh tế ở Đôn Dương đã hình thành nên một số nhà tư sản dân tộc và giai cấp tiểu tư sản. Họ là những chủ đồn điền, nhà máy nhỏ, những người buôn bán và thợ thủ công, viên chức, học sinh. Vốn xuất thân từ những người lao động, họ cũng bị bọn thực dân, đế quốc chèn ép. Trong quá trình vận động cách mạng, ta đã giác ngộ họ và nhiều người chứng tỏ được tinh thần yêu nước, tham gia vào phong trào của địa phương.

Giai cấp công nhân hình thành từ khi thực dân Pháp mở mang khai thác tài nguyên ở Đôn Dương. Họ vốn là những người nông dân nghèo khổ từ mọi miền đất nước phải tha phương cầu thực, đi phu, đi kiếm kế làm ăn sinh sống và trở thành công nhân trong đồn điền, nhà máy của bọn chủ tư sản. Tuy công nhân ở Đôn Dương hạn chế về số lượng nhưng có mối liên hệ với giai cấp

công nhân trong nước và mang đầy đủ bản chất của giai cấp vô sản Việt Nam.

Giai cấp nông dân bao gồm những người từ các tỉnh miền Trung đến Đôn Dương từ những năm hai mươi. Lực lượng của giai cấp nông dân ngày càng đông đảo. Chủ yếu sản xuất cây lương thực nhưng khi kinh tế phát triển, họ mở mang canh tác, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa. Phương thức sản xuất của nông dân Đôn Dương có nhiều năng động.

Dưới chế độ hà khắc của thực dân đế quốc, dù bị bóc lột nặng nề về kinh tế cùng với sự nô dịch đời sống văn hóa tối tăm, kích động chia rẽ gây thù hằn dân tộc của kẻ thù, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động ở đôn Dương vẫn vượt qua khó khăn, thử thách, đồng bào các dân tộc Đôn Dương không phân biệt Kinh, thượng, người miền Bắc, Trung hay Nam đã tỏ rõ tinh thần đoàn kết một lòng, cùng có mối thù không đội trời chung với thực dân, đế quốc. Trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù tàn bạo, tình cảm của nhân dân Đôn Dương luôn gắn bó trong đội ngũ đấu tranh chống xâm lược, chống áp bức. Chính vì lẽ đó nên trong xã hội, mâu thuẫn giữa bọn thực dân đế quốc và tay sai với nhân dân lao động, nhất là công nhân, nông dân bao giờ cũng nổi lên gay gắt và chỉ được giải quyết bằng cuộc cách mạng vô sản do Đảng ta lãnh đạo.

Với đặc điểm là một huyện nông thôn miền núi án ngữ phía Nam, phong trào cách mạng của nhân dân Đơn Dương có mối liên hệ chặt chẽ mật thiết với sự chỉ đạo của Đảng từ Đà Lạt trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Đơn Dương là bàn đạp, là vùng đứng chân, đường dây liên lạc của phong trào Đà Lạt và ngược lại, sự chỉ đạo thống nhất của Đảng và phong trào cách mạng Đà Lạt ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển cơ sở, xây dựng phong trào của Đơn Dương trong suốt quá trình vận động cách mạng, tổ chức kháng chiến chống thực dân, đế quốc và tay sai của chúng.

Quá trình phát triển kinh tế của huyện Đơn Dương là quá trình gắn liền với sự hình thành và phát triển dân cư xã hội, phát triển bộ máy cai trị của thực dân, đế quốc với nhiều chính sách, thủ đoạn thâm độc. Trong cuộc đấu tranh cải tạo thiên nhiên, chống kẻ thù xâm lược, nhân dân các dân tộc Đơn Dương dưới sự lãnh đạo của Đảng đã phát huy truyền thống cần cù, dũng cảm cùng nhân dân cả nước, nhân dân tỉnh nhà lập nên những thành tích vẻ vang trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

PHẦN THỨ NHẤT

NHÂN DÂN ĐƠN DƯƠNG ĐẤU TRANH CHỐNG ÁP BỨC, NỔI DẬY GIÀNH CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1930 - 1954)

CHƯƠNG I :

ĐẤU TRANH CHỐNG ÁP BỨC VÀ NỔI DẬY GIÀNH CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG (1930 - 1945)

I. Những cuộc đấu tranh chống áp bức từ năm 1930 đến năm 1945 :

Đầu thế kỷ 20, thực dân Pháp đẩy mạnh tốc độ khai thác kinh tế ở Việt Nam. Nhà máy, đồn điền, đường giao thông được mở mang, nhân dân ta bị bóc lột nặng nề hơn, phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân có những bước phát triển, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa thực dân và nhân dân lao động càng thêm sâu sắc.

Tại quận Dran thuộc tỉnh Đồng Nai Thượng, chính quyền thực dân khởi công xây dựng các nhà máy, đồn

điền, đường giao thông và chỉ một thời gian sau các công trình trên đã hoàn thành đưa vào khai thác. Do nhu cầu lao động ở các cơ sở kinh tế, giới chủ tư sản thực dân tuyển mộ công nhân người kinh, người dân tộc, áp dụng các biện pháp bóc lột tham lam và tàn bạo. Công nhân trong các nhà máy, công nhân làm đường xe hơi, xe lửa phải lao động nặng nhọc từ 10 - 12 giờ/ngày nhưng tiền lương thấp, thường xuyên bị giới chủ đánh đập, hạ lương, cúp lương hoặc sa thải. Phải chịu khí hậu vùng rừng thiêng nước độc, nhiều người bị bệnh tật, bị chết, cuộc sống vô cùng đen tối. Đi đôi với việc bóc lột về kinh tế và chính sách thuế nặng nề, chính quyền thực dân thiết lập một hệ thống gồm mật thám, cò cầm khép chặt để đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân ta. Người Pháp đứng đầu bộ máy cai trị và làm chủ các cơ sở kinh tế ở quận Đran. Chúng thực hiện thủ đoạn chia để trị, tranh thủ lôi kéo, mua chuộc các tầng lớp trên trong vùng đồng bào dân tộc ít người để làm tay sai, làm chỗ dựa cho chính quyền thực dân, khuyến khích các tệ nạn cờ bạc, rượu chè, mở nhà thờ, truyền bá đạo giáo hòng làm mê muội và thủ tiêu tinh thần đấu tranh của nhân dân.

Cuộc sống của người dân mất nước dưới sự áp bức đã man rợ của thực dân Pháp đã nhen lên ngọn lửa căm thù trong lòng nhân dân các dân tộc ở quận Đran, chờ thời cơ là bùng lên mạnh mẽ.

Vào thời điểm trước năm 1930, cách mạng nước ta đã có những biến đổi sâu sắc, các tổ chức cộng sản lần lượt ra đời để lãnh đạo phong trào công nhân và phong trào yêu nước đang lên mạnh. Để thống nhất sự lãnh đạo của một chính Đảng, ngày 3-2-1930 Đảng cộng sản Việt Nam ra đời trên cơ sở hợp nhất 3 tổ chức cộng sản trong nước⁽¹⁾. Đây là một sự kiện quan trọng nhằm xác lập vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, đưa phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân và những người lao động bị áp bức tiến lên trên con đường giải phóng dân tộc.

Chịu ảnh hưởng của phong trào đấu tranh từ các địa phương khác, làn sóng cách mạng nhanh chóng lan rộng tại Đà Lạt (Lâm Viên), thức tỉnh tinh thần yêu nước của công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động. Nhiều cuộc đấu tranh của công nhân nổ ra ở các nhà máy, đồn điền, công trường xây dựng. Để kịp thời lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương, tháng 4/1930, chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên của Đà Lạt thành lập, có 3 Đảng

¹) Là An Nam cộng sản Đảng, Đông Dương cộng sản Đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn, Hội nghị Trung ương Đảng họp tháng 10/1930 đổi tên Đảng cộng sản Việt Nam thành Đảng cộng sản Đông Dương.

viên, đồng chí Trần Diễm được cử làm bí thư⁽¹⁾.

Vừa mới thành lập, chi bộ Đảng cộng sản Việt Nam tại Đà Lạt tích cực xây dựng các tổ chức công hội đồ trong công nhân nhà máy đèn, hãng thầu xây dựng, khách sạn Palát... và các hội tương tế, hội ái hữu. Quận Dran tuy thuộc tỉnh Đồng Nai Thượng và chưa có chi bộ Đảng cộng sản lãnh đạo nhưng chịu ảnh hưởng trực tiếp của phong trào cách mạng Đà Lạt, nhất là khu vực Cầu Đất, nơi tập trung các nhà máy, công trường xây dựng của giới chủ tư sản Pháp, có số lượng công nhân đông hàng ngàn người. Chính ở đây, phong trào đấu tranh mạnh mẽ của công nhân đòi quyền lợi đã tiêu biểu cho phong trào cách mạng của nhân dân huyện nhà lúc bấy giờ.

Nhân ngày quốc tế lao động (1/5) chi bộ Đảng cộng sản Đà Lạt tổ chức các hoạt động kỷ niệm, qua đó cổ vũ tinh thần đấu tranh của giai cấp công nhân và

(1) Chi bộ Đảng cộng sản Đà Lạt thành lập trên cơ sở giải thể chi bộ Tân Việt; chi bộ Tân Việt Đà Lạt là chi bộ của hội Phục Việt, một tổ chức yêu nước ra đời từ năm 1925, tháng 1/1930 đổi tên là Đông Dương cộng sản liên đoàn. Sau khi hợp nhất 3 tổ chức cộng sản trong nước, Đông Dương cộng sản liên đoàn chủ trương giải thể các chi bộ cũ, thành lập chi bộ Đảng cộng sản Việt Nam.

tuyên cáo với nhân dân Đà Lạt - Lâm Viên về việc thành lập chi bộ Đảng Cộng sản. Hưởng ứng chủ trương của Đảng, tối 30/4/1930, cờ đỏ búa liềm được treo ở chợ, ga Cầu Đất; truyền đơn xuất hiện tại Cầu Đất, thị trấn Càn Rang mang nội dung đánh đổ đế quốc, phong kiến, đòi hủy bỏ thuế chợ, thuế thân... Những nội dung đó đáp ứng nguyện vọng của nhân dân, gây được lòng tin của quần chúng đối với Đảng.

Trong tình hình bị thực dân Pháp khủng bố gắt gao, chi bộ Đảng cộng sản Đà Lạt vẫn tổ chức hoạt động tuyên truyền cách mạng. Nhân dịp kỷ niệm cách mạng Tháng 10 Nga, chi bộ chỉ đạo rải truyền đơn ở Đà Lạt, Cầu Đất kêu gọi nhân dân đấu tranh chống thực dân, phong kiến, giành độc lập, tự do. Tuy chỉ tồn tại hơn một năm nhưng chi bộ Đảng cộng sản Đà Lạt đã phát động quần chúng, gây được lòng tin không chỉ đối với nhân dân Đà Lạt mà còn lan rộng ảnh hưởng đến phong trào cách mạng ở Dran. Do đó, từ đầu năm 1930, phong trào đấu tranh của công nhân trong quận, đặc biệt là khu vực Cầu Đất⁽¹⁾ có bước phát triển.

Tại đường hầm xe lửa Cầu Đất, một công trình lớn trên tuyến đường Đà Lạt - Tháp Chàm, tên chủ hãng Aviat bắt công nhân lao động nặng nhọc nhưng không có phương tiện bảo hộ, gây nên nạn sập hầm, bọn cai thầu,

(1) Nay là xã Xuân Trường thuộc Đà Lạt

đốc công đánh đập công nhân tàn nhẫn và tìm cách quỵt lương, trả lương thấp, bán hàng giá cao... Khí hậu khắc nghiệt của rừng núi cộng với điều kiện sống vô cùng gian khổ đã làm hàng trăm công nhân bị chết vì bệnh tật và tai nạn lao động. Căm tức trước sự đối xử của bọn chủ, sáng ngày 4-5-1930, toàn công trường bãi công đòi trả những tháng lương còn thiếu, tịch thu tài sản của cai thầu chia cho những người gặp khó khăn và chặn xe của chủ hãng, buộc trả lương thay cho cai thầu. Với tinh thần đoàn kết, đấu tranh quyết liệt của công nhân, cuộc đình công đã giành thắng lợi; chủ hãng phải nhượng bộ, nhận trả một nửa số lương còn thiếu. Lãnh đạo bãi công là một nhóm hội viên "Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội"⁽¹⁾ từ Tam Quan (Bình Định) đến vô sản hóa giác ngộ, tổ chức công nhân đấu tranh.

Năm 1933, công nhân trà Cầu Đất đình công đòi quyền lợi nhưng chưa tập hợp được quần chúng rộng rãi.

Thời kỳ thành lập "Mặt trận dân chủ Đông Dương"⁽²⁾, Đảng ta đã lợi dụng triệt để khả năng hợp pháp để tập hợp lực lượng chống chiến tranh, chống

(1) Tổ chức tiền thân của Đảng do đồng chí Nguyễn Ai Quốc thành lập năm 1925

(2) Do hội nghị TW Đảng cộng sản Đông Dương quyết định thành lập tháng 7/1936, lúc đầu lấy tên là Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế.

phản động thuộc địa, đòi quyền tự do dân chủ. Phong trào có tác động mạnh đến công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động ở Lâm Viên và Đồng Nai Thượng ⁽¹⁾. Trong lúc đó, mặc dù đã vượt qua cuộc khủng hoảng về kinh tế, giới chủ tư bản vẫn trả lương công nhân thấp, điều kiện lao động không có gì khác trước. Vì vậy công nhân đã tổ chức những cuộc đấu tranh mạnh mẽ với ý thức giác ngộ cao hơn.

Ngày 14/12/1936, hơn 500 công nhân đồn điền chè Cầu Đất đình công đòi chủ trả lương đủ và đúng kỳ. Chiều hôm đó cuộc đình công thắng lợi, bọn chủ buộc phải chấp nhận yêu sách của công nhân.

Phấn khởi trước kết quả đấu tranh, ngày 2/1/1937, trên 1000 công nhân chè lại đình công đòi tăng lương, chính quyền thực dân huy động lực lượng lớn đàn áp. Chánh mật thám Trung kỳ, viên công sứ Đà Lạt cùng lực lượng cảnh sát Cầu Đất đã đến tại chỗ uy hiếp. Chúng không chấp nhận yêu sách và tìm cách chia rẽ, bắt ép công nhân. Sau 2 ngày căng thẳng, một số công nhân đi làm lại, đa số vẫn tiếp tục đấu tranh, cuộc đình công kéo dài trong 5 ngày.

Ngày 3/9/1938, hưởng ứng cuộc đình công của công nhân hãn thầu Xi-đec (S.I.E.C) Đà Lạt do nhóm

(1) Lâm Viên, Đồng Nai Thượng là 2 tỉnh thời thuộc Pháp, ngày nay là tỉnh Lâm Đồng.

“Tiến bộ”⁽¹⁾ lãnh đạo, 1900 công nhân đồn điền chè, xe lửa, xưởng cơ Cầu Đất đình công đòi tăng lương, giảm giờ làm. Đây là lần thứ 3 trong 3 năm liên tục công nhân Cầu Đất đứng lên đấu tranh. Cuộc đình công có quy mô lớn nhất lúc bấy giờ, đã phản ánh được nguyện vọng thiết tha của công nhân đòi quyền tự do, bình đẳng, chống áp bức, chứng tỏ sự lớn mạnh của công nhân Cầu Đất.

Từ năm 1940 đến trước cách mạng tháng Tám, phong trào đấu tranh của công nhân trong quận Dran vẫn liên tục nổ ra.

Đầu năm 1940, công nhân sở chè Cầu Đất đấu tranh thắng lợi đòi chủ tăng lương, cấp vải trong dịp tết. Năm 1942, công nhân sân bay Liên Khàng nổi dậy đốt phá kho; Trên 100 công nhân xưởng chè Đê-phít (Defir) cùng nông dân quanh vùng đấu tranh đòi chủ không được sa thải, trả lại ruộng đất và giảm xâu thuế. Đầu năm 1945, công nhân đồn điền khai thác mỏ ngo Gù gà (Gougah) ở FiNôm đấu tranh gây thiệt hại cho chủ.

Thời kỳ 1930 đến trước 1945, các cuộc đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động ở quận Dran liên

(1) Nhóm “Tiến bộ” do một số công nhân ở Đà Lạt thành lập năm 1937.

tục nổ ra, chịu ảnh hưởng nhưng chưa được sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng đã hạn chế kết quả thắng lợi. Tuy nhiên qua đấu tranh, giai cấp công nhân và nông dân, các tầng lớp nhân dân lao động đã thể hiện được tinh thần bất khuất, lòng yêu nước nồng nàn, đoàn kết gắn bó giữa các dân tộc chống kẻ thù chung. Truyền thống đó là cơ sở cho cuộc vận động cách mạng giành chính quyền về tay nhân dân.

II. Quá trình tổ chức lực lượng chuẩn bị khởi nghĩa ở quận Dran :

Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 - 1945) đã ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình Việt Nam. Thực dân Pháp thẳng tay đàn áp cách mạng, tiêu diệt Đảng cộng sản, vơ vét của cải và tổng động viên lực lượng phục vụ nhu cầu chiến tranh. Một số thành quả cách mạng đạt được trong thời kỳ Mặt trận dân chủ do Đảng ta lãnh đạo bị xóa bỏ nhưng tinh thần của mặt trận dân chủ luôn ở trong lòng quần chúng, khơi dậy chí căm thù giặc, nung nấu khí thế của toàn dân; Đồng thời tổ chức Đảng cũng lớn mạnh trong quá trình vận động cách mạng đó.

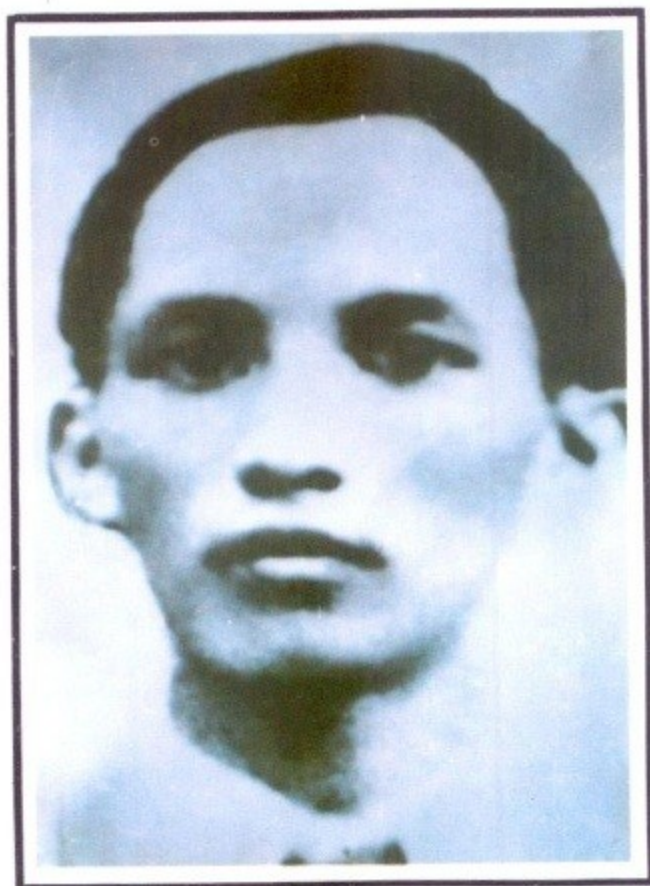
Giữa năm 1940, nhân cơ hội nước Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng, Nhật nhảy vào xâm lược Đông Dương. Trước tình hình đó, thực dân Pháp có ý đồ biến Đà Lạt thành nơi cố thủ chống Nhật. Nhiều công trình được xây

dựng thêm, số người kinh đến Đà Lạt đông hơn, dân số tăng lên cả ở Lâm Viên và Đồng Nai Thượng⁽¹⁾. Trong các đồn điền, nhà máy, lương công nhân có tăng nhưng không kịp với giá cả hàng hóa do Pháp - Nhật phát hành giấy bạc bữa bãi dẫn đến lạm phát. Đời sống nhân dân, nhất là công nhân vô cùng khốn khổ.

Thực dân Pháp, một mặt vẫn thực hiện chính sách đàn áp, bóc lột, khủng bố, vây ráp, mặt khác chúng tổ chức phong trào thể dục thể thao thường gọi là phong trào Duy-cô-roay (Ducouroy), phát triển phong trào Phật học để lừa mị, đầu độc nhân dân ta.

Tháng 9/1940, chính phủ Pháp ký hiệp định chấp nhận để Nhật vào chiếm Việt Nam. Phát xít Nhật buộc Pháp từng bước chuyển giao quyền lực cho Nhật, dùng bọn tay sai tuyên truyền thuyết Đại Đông Á để cao vai trò của Nhật ở Đông Dương. Chúng tăng cường các thủ đoạn vơ vét tài sản của nhân dân ta phục vụ chiến tranh ở chính quốc. Tại Lâm Viên và Đồng Nai Thượng, Nhật tìm cách lôi kéo những người nhẹ dạ cả tin vào tổ chức “cách mạng”, vào đoàn thanh niên “Tiền Tuyến”. Một số người do chưa nhận rõ bản chất phản động đã tham gia vào các tổ chức chính trị của Nhật, song đa số nhân

(1) Theo sơ thảo Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (1930 - 1945), dòng 14 trang 74 : dân số Đà Lạt từ 11.500 năm 1939 tăng lên 25.000 năm 1944.



Đồng chí Trịnh Lý, Bí thư Chi bộ Cầu Đất, Chi bộ đầu tiên của quận Dran (Trước năm 1945 đến ngày giành chính quyền cách mạng 22-8-1945)

dân lao động đều thấy được bộ mặt thật cướp nước, đã tỏ thái độ bất hợp tác với Nhật, chống đối quân Nhật dưới nhiều thức.

Trước tình hình chuyển biến của thế giới và để phù hợp với phát triển của cách mạng trong nước, hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng quyết định thành lập “Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh”⁽¹⁾ nhằm tập hợp lực lượng rộng rãi đánh Pháp, đuổi Nhật. Phong trào Việt Minh đã nhanh chóng phát triển rộng khắp trong nước.

Vào thời điểm từ năm 1945 về trước ⁽²⁾, một số đồng chí Đảng viên ở các nơi chuyển đến, làm việc trong ngành đường sắt tự liên lạc với nhau thành lập chi bộ Cầu Đất⁽³⁾, lấy khu vực nhà ga Trạm Hành làm chỗ sinh hoạt. Chi bộ Cầu Đất có 3 Đảng viên do đồng chí Trịnh Lý làm bí thư ⁽⁴⁾. Trong năm 1944, chi bộ Cầu Đất đã tập hợp, giác ngộ được một số công chức, thanh niên làm nòng cốt xây dựng phong trào các đoàn thể và thông qua các hình thức hoạt động từ thiện, thể dục, thể thao, các nhóm bình thơ, cứu bản... chi bộ từng bước giáo dục quần chúng theo con đường cách mạng. Hoạt động trong phong trào công nhân Cầu Đất thời kỳ này có một Đảng

(1) Gọi tắt là Việt Minh

(2) - (3) : Chưa xác định chính xác ngày thành lập của chi bộ Cầu Đất

(4) 3 Đảng viên đó là Trịnh Lý, Trần Diêu, Lê Trục.

viên Đảng cộng sản Pháp là Ang-ti-pun (Antipoul). Trước ngày tổng khởi nghĩa, chi bộ Cầu Đất kết nạp thêm đồng chí Nguyễn Ngự vào Đảng; đồng chí Cù Xuân Sắc, đảng viên của chi bộ ga xe lửa Đà Lạt được cử về tham gia sinh hoạt ở chi bộ Cầu Đất.

Đầu năm 1945, cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn cuối. Ở Đông Dương, Nhật - Pháp găm ghề tranh giành nhau ảnh hưởng chính trị và quyền lợi kinh tế. Đêm 9/3/1945, Nhật đảo chính lật đổ chính quyền Pháp. Tại Lâm Viên và Đồng Nai Thượng, Nhật bắt toàn bộ quan chức và kiều dân Pháp giam tại cư xá Đờ-cu (Decoux), Ben-lơ-vuy (Bellevue) ở Đà Lạt và khách sạn Min-lơ-voa (Mille-voie) ở Di Linh. Trước chuyển biến của tình hình thế giới và trong nước có những thuận lợi, ngày 12/3/1945, Trung ương Đảng ta ra chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", phát động phong trào chống Nhật, chuẩn bị tiến tới giành chính quyền khi có thời cơ.

Sau khi đảo chính Pháp, Nhật tập trung quân về Đà Lạt với ý đồ cố thủ đến cùng chống lại đồng minh. Ngoài số lính Nhật tại chỗ, chúng ráo riết bắt thêm lính ở thuộc địa, chuẩn bị địa đạo, hầm hào, xây dựng kho dự trữ lương thực, thực phẩm, tăng cường lực lượng chốt giữ sân bay Liên Khàng, quận lỵ Dran và những vị trí quan trọng khác. Về kinh tế, Nhật nắm ngân hàng và các công sở như đường sắt, bưu điện, giao thông đường bộ... cho công

ty của Nhật vào khai thác gỗ, nhựa thông làm nguyên liệu đóng tàu thuyền, vơ vét tài nguyên, bóc lột nặng nề nhân dân ta bằng sưu thuế. Về chính trị, Nhật đặt chức tổng đốc 4 tỉnh Lâm, Đồng, Bình, Ninh (Lâm Viên, Đồng Nai Thượng, Ninh Thuận, Bình Thuận), chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim đưa Trần Văn Lý làm tổng đốc, đưa Cao Minh Hiệu làm tỉnh trưởng Đồng Nai Thượng, Ứng An làm tỉnh trưởng Lâm Viên. Chúng sử dụng một số công chức người Việt làm việc cho Pháp giữ chức chánh mật thám, bang tá, đồn trưởng bảo an.

Vào thời điểm này, tổ chức thanh niên Tiền Tuyến⁽¹⁾ sau khi ra đời đã tập hợp đông đảo thanh niên tham gia bằng các hoạt động xã hội và luyện tập thể dục thể thao. Đoàn thanh niên tiền tuyến ở thị trấn quận lỵ Dran do ông Lê Văn Uẩn, một trí thức yêu nước có xu hướng tiến bộ phụ trách.

Tháng 4/1945, do tù nhân đấu tranh thắng lợi, Nhật buộc phải thả hết tù chính trị ở nhà lao Buôn Mê Thuật. Được tổ chức Đảng phân công, các đồng chí Nguyễn Thế Tính, Ngô Huy Diễn về Đà Lạt xây dựng các tổ chức quần chúng chuẩn bị lực lượng khởi nghĩa. Các đồng chí đã khẩn trương tuyên truyền, vận động, xây dựng được

(1) Còn gọi là tổ chức thanh niên Phan Anh (Phan Anh là bộ trưởng thanh niên trong chính phủ Trần Trọng Kim)

nhiều cơ sở cách mạng, phân phát điều lệ Việt Minh. Tháng 5/1945, Ủy ban Mặt trận Việt Minh Đà Lạt được thành lập do đồng chí Nguyễn Thế Tính làm thư ký và Tỉnh bộ Việt Minh lâm thời tỉnh Lâm Viên thành lập do đồng chí Ngô Huy Diễn làm thư ký. Ủy ban Mặt trận Việt Minh Đà Lạt và tỉnh bộ Việt Minh lâm thời tỉnh Lâm Viên đã đề ra chương trình công tác, tổ chức các đoàn thể quần chúng như công nhân cứu quốc, phụ nữ cứu quốc... Để tranh thủ nắm lực lượng thanh niên, tổ chức Việt Minh đã bố trí một số thanh niên tiến bộ giữ những cương vị chủ chốt trong đoàn thanh niên Phan Anh. Tháng 6/1945, đồng chí Lê Quang Liệu được phân công của tỉnh bộ Việt Minh về Dran hoạt động của với danh nghĩa huấn luyện viên thể dục, thể thao. Thông qua hoạt động của đoàn thanh niên thị trấn, ta từng bước tuyên truyền đường lối của Đảng, ảnh hưởng của mặt trận Việt Minh, tập hợp lực lượng thanh niên huấn luyện thể dục thể thao kết hợp với luyện tập quân sự, biến tổ chức đoàn thanh niên tiền tuyến trở thành đoàn thể cách mạng.

Cuối tháng 6/1945, do có người phản bội khai báo, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của 2 tổ chức Việt Minh ở Đà Lạt và Lâm Viên bị địch bắt cùng với các đồng chí Đảng viên, cán bộ lãnh đạo Đảng ở Đà Lạt. Tuy vậy chương trình, kế hoạch hành động và phong trào Việt Minh đã phát triển rộng rãi, ảnh hưởng mạnh mẽ ở Đà Lạt và khu vực xung quanh, nhất là Cầu Đất, quận lỵ

Dran. Cùng thời gian này, đồng chí Nguyễn Ngự được giao nhiệm vụ liên lạc với một số thanh niên do đồng chí Trịnh Lý giác ngộ đưa vào hoạt động cách mạng⁽¹⁾ ở Cầu Đất, Dran để tổ chức các đoàn thể, vận động binh lính, chuẩn bị lực lượng.

III. Khởi nghĩa giành chính quyền cách mạng tháng 8 năm 1945 :

Sau khi phát xít Đức đầu hàng Liên Xô và đồng minh, Hồng quân Liên Xô đã tuyên chiến và tiêu diệt hoàn toàn đội quân Quan Đông của Nhật tại Mãn Châu (Trung Quốc). Trước tình hình đó, đêm 13/8/1945 Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc⁽²⁾ ra mệnh lệnh tổngkhởi nghĩa trong cả nước. Ngày 15/8/1945, phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng đồng minh vô điều kiện. Quân Nhật ở Đà Lạt và nhiều nơi khác thuộc tỉnh Đồng Nai Thượng tinh thần hoang mang, bỏ dở các công trình đang xây dựng, co cụm vào một số vị trí chờ ngày về nước.

Tại Cầu Đất và quận lỵ Dran, quân Pháp không còn, quân Nhật đang điều khiển một số nhân viên người Việt ở các công sở nhưng trong tâm trạng hoang mang, chán nản, sau đó cũng rút đi hết. Bộ máy ngụy quyền tại

(1) Như các đồng chí Nguyễn Hữu Bác, Phan Bôi, Lê Văn Dụ, Tôn Thất Chúc và đồng chí Lê Quang Liệu của tổ chức Việt Minh Tỉnh cử xuống.

(2) Do Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào quyết định thành lập ngày 13/8/1945

quận tề liệt, phân hóa, không còn khả năng chống đối. Các tổ chức thanh niên, phụ nữ, nông cốt cách mạng của ta đã sẵn sàng khí thế, chờ lệnh là xông lên giành chính quyền.

Tin các nơi trong nước khởi nghĩa thắng lợi đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến tinh thần của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Tuy không liên lạc được với trên nhưng do nhạy bén trước tình hình, tối 21/8/1945, đồng chí Trịnh Lý triệu tập cuộc họp chi bộ tại khu vực ga Trạm Hành⁽¹⁾ bàn kế hoạch khởi nghĩa. Hội nghị được quán triệt phương châm hành động: có thời cơ là tổ chức quần chúng kịp thời khởi nghĩa, giành chính quyền một cách nhanh gọn, tránh đổ máu, làm xong nơi này tiếp tục làm sang nơi khác. Kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền ở Dran dự kiến vào ngày 22/8/1945, phân công nhiệm vụ như sau : Đồng chí Trịnh Lý phụ trách chung và cùng đồng chí Trần Luân trực tiếp vận động khởi nghĩa ở Cầu Đất; đồng chí Lê Trực, Trần Diêu, Nguyễn Ngự ở Trạm Hành. Khi xong các khu vực trên, đồng chí Trịnh Lý, Nguyễn Ngự, Lê Văn Dụ phối hợp với các đồng chí Lê Quang Liệu, Lê Văn Uẩn, Nguyễn Hữu Bác, Phan Bôi tiến hành vận động khởi nghĩa ở Dran vào buổi chiều.

Thực hiện theo đúng kế hoạch, sáng 22/8/1945, đồng chí Trịnh Lý, Trần Luân vận động nhân dân, công

(1) Có đồng chí Trịnh Lý, Lê Trực, Trần Diêu, Nguyễn Ngự.

nhân đồn điền Cầu Đất khởi nghĩa giành chính quyền. Địch thân đồng chí Trịnh Lý vào đồn bảo an thuyết phục đồn trưởng nộp súng, giao đồn. Khoảng 10 giờ sáng, nhân dân tập trung ở sân vận động, đồng chí Trịnh Lý tuyên bố xóa bỏ chính quyền cũ, thành lập chính quyền cách mạng do đồng chí Trần Luân⁽¹⁾ làm chủ tịch, Nguyễn Đình Uyển (tức Túc) làm thư ký. Quần chúng vô cùng phấn khởi, chính quyền từ nay đã thật sự về tay nhân dân.

Tại Trại hành, các đồng chí Nguyễn Ngự, Lê Trực, Trần Diệu và một số cán bộ vận động công nhân chiếm nhà ga, thuyết phục lý trưởng nộp ấn tín. Trưa 22/8/1945, nhân dân tập trung dự mít tinh, các đồng chí lãnh đạo khởi nghĩa tuyên bố xóa bỏ chính quyền địch, thành lập chính quyền nhân dân do đồng chí Nguyễn Đình Lịch làm chủ tịch, Hồ Văn Liên làm thư ký, thành lập lực lượng tự vệ gồm 13 người do Trịnh Cửu chỉ huy.

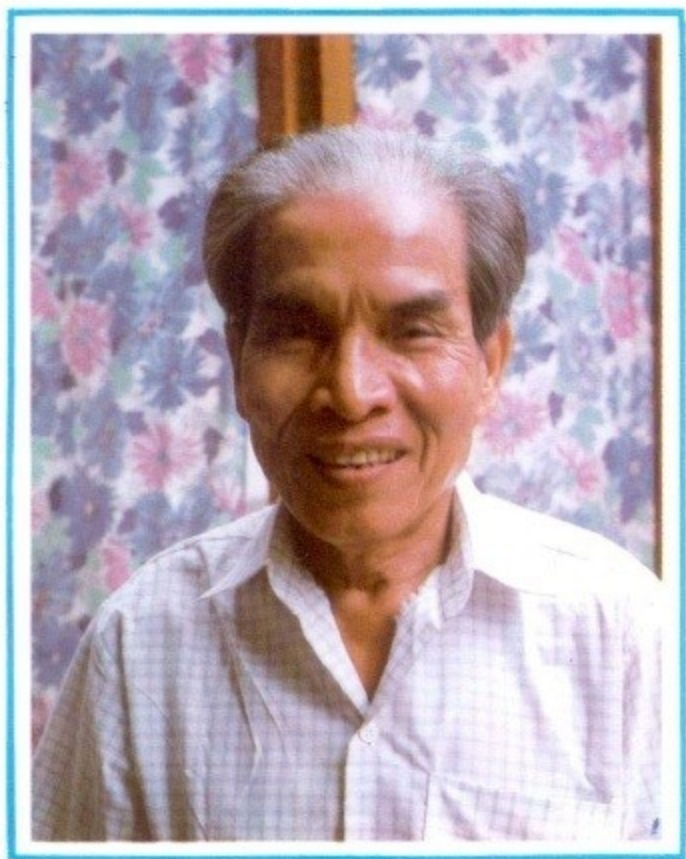
Sau khởi nghĩa thắng lợi ở Cầu Đất và Trại Hành, chiều 22/8/1945 đồng chí Trịnh Lý, Nguyễn Ngự cùng một số cốt cán và đội tự vệ xuống giành chính quyền ở Dran. Đoàn trưng dụng một xe hơi, bốn súng trường, có khoảng 25 người đi theo đường 11 và đường tắt xuống quận lỵ.

(1) Đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương, đã nghỉ hưu tại TP.HCM, quê ở Phú Yên.

Tại Dran, để chủ động thời cơ, một số công chức, thanh niên khẩn trương vận động khởi nghĩa theo đúng kế hoạch. Khoảng 15 giờ ngày 22/8, lực lượng thanh niên tập trung huấn luyện quân sự và thể dục thể thao, sẵn sàng chờ lệnh là hành động. Đúng 17 giờ 30, kêng đồn bảo an báo hết giờ làm việc, binh lính nghỉ để ăn cơm, đồng chí Lê Quang Liệu chỉ huy lực lượng thanh niên chiếm đồn. Việc lấy đồn bảo an thuận lợi do ta đã vận động từ trước, đồn trưởng Nguyễn Nhật Thăng⁽¹⁾ thỏa thuận sẽ giao đồn cho lực lượng cách mạng khi thời cơ đến. Cùng lúc, đồng chí Lê Văn Uẩn dẫn một số anh em vây bắt bang tá Hoàng Hữu Thế, thu con dấu, giấy tờ, tiếp quản các công sở trong quận. Khi đoàn của các đồng chí ở Cầu Đất xuống đến nơi, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền tại quận Dran đã cơ bản hoàn thành. Tối hôm đó, đồng chí Trịnh Lý và ban vận động khởi nghĩa cùng các đồng chí cốt cán ở Dran hội ý bàn kế hoạch xuống Di Linh, chuẩn bị lễ ra mắt ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời, ủy ban mặt trận Việt Minh quận vào sáng 23/8/1945.

Không bỏ lỡ thời cơ, ngay trong đêm 22/8, đoàn đồng chí Trịnh Lý được bổ sung lực lượng Dran, có đội

(1) Thường gọi là Đội Thăng, trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp là Đảng viên, trung đoàn phó quân đội nhân dân Việt Nam, hy sinh anh dũng tại Ninh Thuận năm 1948.



*Đồng chí Lê Quang Liệu, người chỉ huy
lực lượng thanh niên chiếm đồn Bảo An tại thị trấn
quận lỵ lúc 17 giờ 30 ngày 22-8-1945*

Thăng và 2 tiểu đội trang bị vũ khí, trưng dụng 2 xe cơ giới của hãng Aviát, mang theo cờ đỏ sao vàng tiến xuống giành chính quyền ở tỉnh lỵ Đồng Nai Thượng. Trên đường đi, đoàn đã thuyết phục và thu vũ khí của lính Nhật tại các trạm gác Finôm, Đại Ninh, Lang Hanh.

Khoảng 21 giờ đêm 22/8 đoàn đến Di Linh. Với sự giúp đỡ của một số thanh niên, công chức tiến bộ ở đây, đồng chí Trịnh Lý phân công Đội Thăng cùng một bộ phận vũ trang vào đồn bảo an thuyết phục, thúc ép đồn trưởng Quản Cháp giao đồn, nộp vũ khí. Đồng chí Trịnh Lý chỉ huy bộ phận còn lại bao vây dinh tỉnh trưởng (nay là trụ sở UBND huyện Di Linh). Trước khí thế của cách mạng, Tỉnh trưởng Cao Minh Hiệu⁽¹⁾ buộc phải đầu hàng, giao chính quyền, nộp con dấu, vũ khí và các giấy tờ quan trọng khác. Do ở Di Linh chưa có cơ sở, chưa tìm được người thay thế, đồng chí Trịnh Lý tạm thời giao cho Cao Minh Hiệu quản lý số nhân viên dưới quyền, không được giải quyết bất kỳ việc gì. Đoàn tiếp tục xuống B' Lao (Bảo Lộc) nhưng việc khởi nghĩa ở đây đã hoàn thành. Ngay trong đêm, đoàn trở lại Dran.

Như vậy, việc giành chính quyền về tay nhân dân ở Đồng Nai thượng tuy đã làm xong trong đêm 22/8/1945 nhưng chưa có điều kiện xây dựng chính quyền cách mạng. Ngày 28/8/1945, Ủy ban nhân dân

(1) Khi Pháp tái chiếm, Cao Minh Hiệu trở lại làm tay sai, được Pháp xếp làm tỉnh trưởng Lâm Viên.

lâm thời Lâm Viên cử đồng chí Hồ Nhã Tránh (tức Hồng Nhật) xuống giúp Đồng Nai Thượng thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời, đồng chí Nguyễn Đại Hòa⁽¹⁾ được cử làm chủ tịch.

Sáng 23/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa quận Dran tổ chức mít tinh tại ngã ba (nay là trụ ở UBND thị trấn Dran). Các tầng lớp nhân dân từ các nơi trong quận tập trung đầy đủ, mang theo cờ đỏ sao vàng, băng khẩu hiệu, với khí thế hân hoan phấn khởi. Đồng chí Trịnh Lý tuyên bố cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở quận Dran đã thắng lợi, giới thiệu Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời⁽²⁾ gồm các ông :

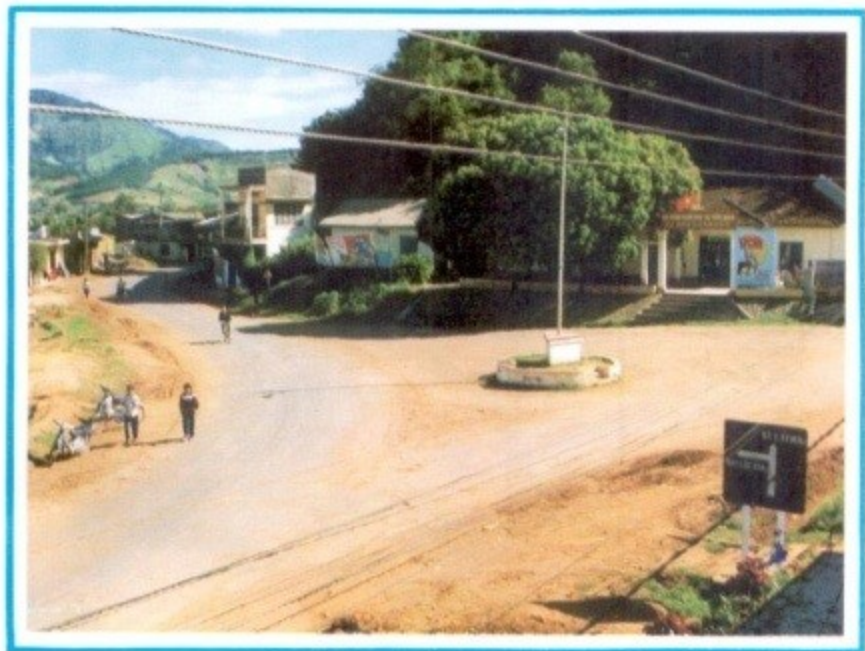
Phạm Tất Cung	Chủ tịch
Đoàn Cung	Phó Chủ tịch
Touneh Hàn Đăng	ủy viên dân tộc
Lê Văn Uẩn	ủy viên trị an (Công an)
Lê Quang Liệu	ủy viên quân sự
Lê Văn Xương	ủy viên tư pháp
Hoàng Hữu Hưu	ủy viên kinh tế

Đồng thời giới thiệu Ủy ban mặt trận Việt Minh quận có 5 người⁽³⁾, đồng chí Nguyễn Ngự làm chủ

(1) Lúc này là một trí thức yêu nước, sau này là Đảng viên Đảng cộng sản, hiện đã nghỉ hưu ở Hà Nội.

(2) Những người này trong lực lượng công chức, thanh niên ở Dran

(3) Nguyễn Ngự, Đoàn Cung, Lê Văn Dụ, Lê Quang Liệu, Lê Văn Uẩn.



Ngũ ba thị trấn Dran, nơi đây sáng ngày 23/8/1945 Ủy ban khởi nghĩa quận tổ chức mít tinh tuyên bố cuộc khởi nghĩa giành chính quyền cách mạng đã thắng lợi và ra mắt Ủy ban nhân dân cách mạng Lâm thời Quận Dran

nhiệm, Lê Văn Dụ thư ký.

Những ngày tiếp theo, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời và Ủy ban mặt trận Việt Minh khẩn trương bắt tay xây dựng bộ máy, phân công cán bộ xuống cơ sở bắt lý trưởng nộp con dấu, sổ sách, giấy tờ của chính quyền cũ.

Cách mạng tháng 8/1945 đã đem lại cho nhân dân Đôn Dương cuộc sống độc lập tự do. Lần đầu tiên trong lịch sử, chính quyền dân chủ nhân dân được thành lập, người dân làm chủ vận mệnh của mình, chấm dứt những ngày tủi nhục dưới ách áp bức của thực dân, phong kiến, hướng tới tương lai hạnh phúc. Niềm mong ước bao năm của người dân nô lệ nay đã trở thành hiện thực. Cách mạng tháng 8/1945 biểu hiện truyền thống đấu tranh của nhân dân Đôn Dương : Không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ, có thời cơ là đứng lên giải phóng cho mình. Tinh thần yêu nước đó của nhân dân các dân tộc Đôn Dương cần được các thế hệ mai sau trân trọng, giữ gìn và phát huy.

Thành công của cách mạng tháng 8/1945 khẳng định đường lối cách mạng tài tình của Đảng ta. Đường lối đúng đắn sáng tạo đó đã được tổ chức Đảng vận dụng kịp thời, thích hợp, tạo ra yếu tố quyết định cho cuộc khởi nghĩa ở địa phương giành thắng lợi nhanh gọn.

Cuộc cách mạng tháng 8 của nhân dân Đôn Dương chỉ ra rằng phải nắm vững đường lối, nắm vững thời cơ, nhận định đúng tình hình, chuẩn bị lực lượng quần chúng hùng hậu, luôn trong tư thế sẵn sàng hành động, dùng bạo lực cách mạng để giành chính quyền khi có điều kiện.

Thắng lợi của cách mạng tháng 8 đã cổ vũ tinh thần phấn khởi của đồng bào các dân tộc Đôn Dương, tin tưởng vào sức mạnh đoàn kết của mình, vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, dù phải hy sinh cũng quyết tâm bảo vệ thành quả cách mạng đã đạt được.

CHƯƠNG II

XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN NHÂN DÂN, CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG VÀ TIẾN HÀNH KHÁNG CHIẾN THẮNG LỢI (Tháng 9/1945 - tháng 7/1954)

I. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, chiến đấu chống Pháp tái chiếm (9/1945 - 1/1946)

Cách mạng tháng 8 thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, đất nước ta đứng trước những khó khăn thử thách mới. Hậu quả chính sách bóc lột, cai trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật đã làm cho đất nước bị kiệt quệ, đời sống kinh tế, văn hóa của nhân dân nghèo nàn, lạc hậu. Núp bóng quân đồng minh, các thế



*Đồng chí Nguyễn Ngự, chủ nhiệm Ủy Ban
Mặt trận Việt Minh quận Dran
(Từ tháng 8 đến tháng 10-1945)*

lực thực dân và bọn tay sai cấu kết với nhau chống phá cách mạng, âm mưu lật đổ chính quyền dân chủ nhân dân còn non trẻ. Nhiệm vụ cấp bách của toàn Đảng, toàn dân ta lúc này là diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, tại Lâm Viên và Đồng Nai Thượng, Ủy ban nhân dân lâm thời và Mặt trận Việt Minh tỉnh lãnh đạo thực hiện những nhiệm vụ trước mắt nhằm nhanh chóng khắc phục khó khăn, củng cố chính quyền nhân dân, bảo vệ những thành quả đạt được của cách mạng tháng Tám.

Chính quyền cách mạng tuyên bố giải tán bộ máy chính quyền cũ, bãi bỏ thuế thân, xóa nợ cùng các giao kèo khế ước của nhân dân với giới chủ và tư sản, giữa người kinh và người thượng, thành lập các trại cứu tế nuôi dưỡng người già yếu không nơi nương tựa, thi hành sắc lệnh thanh toán nạn mù chữ. Tịch thu, sung công tài sản của thực dân, tư sản Pháp, thực hiện ngày làm việc 8 giờ trong các nhà máy công sở, thành lập tổ tự quản công nhân để tham gia quản lý đồn điền, xí nghiệp, tiếp tục sản xuất, làm việc. Kêu gọi nhân dân đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, góp phần xây dựng chế độ mới. Đồng thời tăng cường củng cố Mặt trận Việt Minh, các tổ chức đoàn thể, chính quyền nhân dân từ tỉnh đến cơ sở, đưa những đại biểu là người dân tộc, nhân sĩ, trí thức vào Mặt trận Việt Minh, đẩy mạnh tuyên truyền các

chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ trong các tầng lớp nhân dân. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Lâm Viên quyết định bắt giam và trừng trị những tên tay sai ác ôn như Trần Văn Lý, Ứng An, Cò Nồng, Kế, Kinh....

Ngay sau ngày khởi nghĩa thắng lợi, tuy công việc mới mẻ, đội ngũ cán bộ thiếu, chưa có kinh nghiệm điều hành, nhưng được sự lãnh đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân lâm thời và Mặt trận Việt Minh tỉnh Lâm Viên⁽¹⁾, chính quyền và Mặt trận Việt Minh quận Dran đã kịp thời triển khai các chủ trương, chính sách nhằm ổn định đời sống nhân dân, xây dựng và củng cố chính quyền các cấp.

Chỉ trong một thời gian ngắn, chính quyền cách mạng thị trấn Càn Rang, Cầu Đất, Lạc Xuân, Lạc Lâm Làng, Đồng Thạnh, M'Lơn được thành lập, đã tăng thêm hiệu lực quản lý của chính quyền dân chủ nhân dân từ cơ sở. Đi đôi với xây dựng hệ thống chính quyền, các đoàn thể quần chúng như thanh niên cứu quốc, công nhân, nông dân cứu quốc, phụ nữ cứu quốc⁽²⁾... phát triển rộng

(1) Quận Dran tuy thuộc tỉnh Đồng Nai Thượng nhưng trên thực tế do tỉnh Lâm Viên chỉ đạo về mọi mặt

(2) Phụ trách các đoàn thể của quận có :

Thanh niên : Phan Bôi

Phụ nữ : Chị Lâm (tức Cháu hoặc Nhâm)

Công nhân : Nguyễn Hữu Bác, Trần Đình Khâm

Công thương : Võ Quang Trình, Bùi Khuyên.

rãi đến thôn, xã và được đưa vào hoạt động, góp phần tích cực trong công tác vận động quần chúng tham gia xây dựng chính quyền mới. Không khí phấn khởi, tự hào bao trùm trong đồng bào các dân tộc, người kinh cũng như người thượng.

Không những chỉ quan tâm xây dựng bộ máy chính quyền, đoàn thể, Mặt trận Việt Minh quận và tổ chức Đảng ở Dran còn tích cực trong công tác phát triển Đảng viên. Qua thử thách của phong trào cách mạng, nhiều quần chúng ưu tú trưởng thành, 7 Đảng viên mới đã được kết nạp, tăng cường sức chiến đấu cho Đảng⁽¹⁾.

Nhằm từng bước khắc phục khó khăn về kinh tế, chính quyền cách mạng vận động nhân dân hăng hái tham gia sản xuất, hưởng ứng chương trình của Việt Minh xây dựng “quỹ độc lập”, “tuần lễ vàng”, giúp chính phủ tái thiết đất nước, củng cố quốc phòng an ninh, ổn định đời sống nhân dân. Trong phong trào đó, đồng bào các dân tộc quận Dran đã đóng góp tiền của, vật chất, nhiều người góp cả tư trang, lư đồng, đồ đồng. Tấm lòng yêu nước vì nền độc lập của nước nhà là tình cảm quý báu của nhân dân ta đối với cách mạng.

(1) Vào thời điểm lúc bấy giờ, mặt trận Việt Minh đồng thời thay mặt Đảng giải quyết mọi công việc.

Ngày 1/10/1945 Nguyễn Hữu Bác, Trần Đình Khảm, Lê Văn Dụ; ngày 15/10 Lê Quang Liệu, Lê Văn Uẩn, Phan Bôi, Chì Lâm (tức Cháu) được kết nạp vào Đảng.

Hưởng ứng sắc lệnh “diệt giặc dốt”, đồng bào các dân tộc trong quận hăng hái tham gia các lớp bình dân học vụ, bằng cách dạy học giản đơn, người biết chữ dạy người chưa biết chữ, tranh thủ học khi thời gian rảnh rỗi, tự giác học, phong trào xóa nạn mù chữ phát triển sôi nổi khắp buôn làng, thôn xóm, giúp cho nhiều người biết đọc, biết viết, góp phần nâng cao trình độ dân trí, giảm bớt hủ tục lạc hậu trong xã hội. Chính quyền tiếp tục mở cửa các trường học, thu nhận con em nhân dân lao động, cải tiến chương trình giảng dạy, bỏ những chương trình trái với đường lối cách mạng. Công tác y tế bước đầu được quan tâm, các lớp y tá cứu thương đào tạo cấp tốc đã kịp thời đáp ứng nhu cầu phục vụ nhân dân; thuốc men điều trị thu của chính quyền cũ được phân phối cho bệnh viện, trạm xá vừa mới mở. Phong trào thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú : tổ chức ca hát, luyện tập đội ngũ... để động viên, cổ vũ nhân dân. Trong khí thế chung đầy phấn khởi, tin tưởng, chị em phụ nữ Cần Rang quyết góp mở một nhà ăn tập thể tại thị trấn phục vụ cán bộ đi công tác qua không thu tiền. Hình thức nhà ăn tập thể này tồn tại đến khi Pháp tái chiếm Dran thì giải tán. Điều đó thể hiện tấm lòng của nhân dân đối với chế độ mới, với cán bộ cách mạng.

Trong bề bộn công việc để xây dựng chế độ mới, chính quyền và mặt trận Việt Minh vẫn rất quan tâm tổ chức lực lượng vũ trang, coi đây là nhiệm vụ hàng đầu

cấp bách. Trên 100 người mà nòng cốt là thanh niên và binh lính đã hăng hái tham gia đơn vị giải phóng quân ⁽¹⁾. Huấn luyện cho lực lượng quân sự là đồng chí Nguyễn Nhật Thăng. Cách mạng đã cử cán bộ đi dự các lớp quân chính của tỉnh và trung ương để chuẩn bị xây dựng lực lượng quân đội ở địa phương. Lực lượng dân quân tự vệ thu hút đông đảo thanh niên tham gia, phát triển đến xã, thôn, sử dụng vũ khí thô sơ và súng đạn thu được của địch. Bộ đội cùng dân quân tự vệ triển khai nhiều công việc như tuần tra canh gác, bảo đảm an ninh thôn xóm, trấn áp bọn phản cách mạng. Được quần chúng giúp đỡ, tự vệ địa phương đã bắt giam, trừng trị nhiều tên Việt gian làm tay sai đắc lực cho địch. Ta còn tranh thủ lúc quân Nhật thất trận, hoang mang, thiếu nguồn cung cấp vật chất đã trao đổi lương thực, thực phẩm với lính Nhật đóng ở sân bay Liên Khàng lấy súng đạn trang bị cho lực lượng vũ trang. Nhờ vậy, bộ đội và dân quân của quận có một số vũ khí tương đối đủ để luyện tập và sẵn sàng chiến đấu.

Những ngày hào hùng của mùa thu tháng Tám, cách mạng đã đưa tới cuộc sống độc lập, tự do cho nhân dân ta. Quyền lợi mà chế độ mới mang lại đã làm cho nhân dân Đơn Dương (Dran) thấm thía và quý trọng thành quả đạt được, càng không quên nỗi tủi nhục đắng cay của người dân bị mất nước. Chính quyền cách mạng

(1) Đến tháng 10/1945 đổi tên là Vệ Quốc Đoàn.

đã có những cố gắng to lớn để khắc phục khó khăn về kinh tế, xã hội, giữ gìn an ninh, xây dựng lực lượng vũ trang, sớm ổn định đời sống nhân dân. Những ngày đầu xây dựng cuộc sống mới, sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân, khả năng chiến đấu chống kẻ thù chung của nhân dân các dân tộc Đôn Dương đã được tỏ rõ. Tin tưởng vào đường lối chính sách của Đảng, nhân dân Đôn Dương quyết một lòng theo Đảng, sẵn sàng hy sinh sức người, sức của cho sự nghiệp bảo vệ đất nước, quyết không chịu trở lại làm nô lệ.

Được sống trong độc lập, tự do chưa bao lâu, thành quả cách mạng mới hưởng trong một thời gian ngắn, thực dân Pháp đã rắp tâm cướp nước ta một lần nữa, nhân dân Đôn Dương chuẩn bị bước vào cuộc chiến đấu mới.

Thực hiện âm mưu thôn tính Việt Nam, dưới sự bảo trợ của quân Anh, ngày 23/9/1945 thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn. Ngày 24/9, quân Nhật đòi chính quyền tỉnh Lâm Viên phải giải tán lực lượng vũ trang, giao nộp vũ khí. Trước yêu sách vô lý của chúng, Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh đã gửi thư bác bỏ và chỉ đạo tiến hành các biện pháp đấu tranh khôn khéo; quan hệ hai bên trở nên căng thẳng, quân Nhật có hành động khiêu khích và vi phạm chủ quyền của ta.

Sáng 3/10/1945, nhân dân Đà Lạt mít tinh ủng hộ kháng chiến, quân Nhật ngang ngược nổ súng vào đoàn biểu tình từ trại Mát lên. Căm thù dâng cao, nhân dân

Đà Lạt tổ chức chiến đấu chống Nhật ở nhiều nơi trong thị xã. Theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân lâm thời Lâm Viên, quân Dran cử 2 trung đội tự vệ ở Cầu Đất và La Ba⁽¹⁾ lên sát cánh cùng quân dân Đà Lạt chiến đấu chống giặc, bảo vệ thành quả cách mạng. Đó là tinh thần hiệp đồng chiến đấu đầu tiên của quân dân trong quận đối với Đà Lạt và được phát huy trong suốt hai cuộc kháng chiến sau này.

Sau khi nổ súng đánh chiếm Sài Gòn và Nam Bộ, thực dân Pháp dựa vào thế lực quân đồng minh buộc Nhật phải giao lại những vùng do chúng chiếm đóng trước đây đã bị mất. Vì vậy quân Nhật ở Lâm Viên và Đồng Nai Thượng đưa số quân đã rút đi quay trở lại các vị trí cũ, đào thêm nhiều hầm hào, củng cố đồn bót. Quân Nhật chốt giữ sân bay Liên Khàng, sửa sang công sự, mở rộng phạm vi chiếm đóng dọc đường 21 Bis, tăng cường lực lượng đối phó với ta.

Những tháng cuối năm 1945, chiến sự ngày càng lan rộng, tình hình trở nên nghiêm trọng, âm mưu cướp nước ta một lần nữa của thực dân Pháp đã lộ rõ. Vì vậy, Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam chỉ thị cho các tỉnh củng cố lực lượng, sẵn sàng chiến đấu.

Tại Đà Lạt, bọn Pháp được Nhật thả ra tập hợp lại, dùng lực lượng vũ trang hoạt động trong Đà Lạt và nong ra một số nơi, bắt người ở Phú Hội, bắt người cướp của ở

(1) Hai địa danh trên ngày nay thuộc thành phố Đà Lạt và huyện Lâm Hà.

Gia Thạnh... Trước tình hình đó, giữa tháng 10/1945, Ủy ban kháng chiến⁽¹⁾ tỉnh sơ tán lực lượng gồm các cơ quan hành chính, đoàn thể, người già, trẻ em xuống Cầu Đất, Càn Rang... Quận lỵ Dran trở thành hậu cứ kháng chiến của tỉnh Lâm Viên. Cùng với việc sơ tán lực lượng, Ủy ban kháng chiến tỉnh động viên toàn dân và quân đội sẵn sàng đánh giặc, bảo vệ chính quyền cách mạng.

Tại Dran, Ủy ban kháng chiến quận được thành lập, ông Đoàn Cung thay ông Phạm Tất Cung⁽²⁾ làm chủ tịch. Dưới sự chỉ đạo của ủy ban kháng chiến, bộ đội địa phương phối hợp cùng lực lượng vũ trang của tỉnh lập phòng tuyến cản giặc trên địa bàn quận. Nhân dân đã cùng tự vệ, bộ đội địa phương ngã cây, đặt chướng ngại vật, xây dựng công sự dọc đường 21Bis để ngăn chặn bước tiến của địch. Công tác hậu cần, lương thực, thực phẩm được chính quyền, đoàn thể vận động quần chúng khẩn trương chuẩn bị, sẵn sàng phục vụ khi chiến sự xảy ra.

Dưới sự thúc ép của Pháp, ngày 9/11/1945 quân Nhật dùng 40 xe quân sự chở quân từ Sài Gòn lên chiếm Lâm Viên và Đồng Nai Thượng. Bị ta chặn đánh suốt

(1) Lúc này UBND lâm thời Tỉnh đổi thành Ủy ban kháng chiến gồm đại biểu của UBND, Mặt trận Việt Minh và quân đội để chỉ đạo kháng chiến chống Pháp.

(2) Ông Phạm Tất Cung xin thôi chủ tịch để chuyển gia đình ra Bắc.



Trụ sở làm việc của Ủy ban Nhân dân cách mạng Lâm thời và sau đó là Ủy ban kháng chiến quận Đan từ tháng 8-1945 đến 1-1946 (Ngày nay ở đường Lê Lợi thị trấn Đan)

đọc đường hành quân nên đến ngày 16/11 quân Nhật mới chiếm được Đà Lạt. Chúng đóng thêm đồn bót ở Đà Lạt, tăng cường quân ở FiNôm và chốt giữ chặt sân bay Liên Khàng, tiến hành càn quét vùng ven đóng quân, bắt bố cán bộ, đồng bào ta.

Sau nhiều ngày bị bao vây cô lập ở Phan Rang, một đại đội quân Nhật rút chạy theo hướng Đường Lai - Proh với ý đồ hội quân với lính Nhật tại Liên Khàng. Sáng 29/11/1945, bộ đội địa phương Dran được lệnh chặn đánh địch. Nhờ sự giúp đỡ của nhân dân, ta bố trí đón đánh ở Proh và Hòa Lạc. Chiều hôm đó, địch lọt vào vị trí phục kích ở Proh, ta bắt sống một tên quan hai, thu một số vũ khí. Đồng bào dân tộc ít người ở Proh đã hiệp sức cùng bộ đội đánh Nhật, từ nắm tình hình cho đến liên lạc, tiếp tế hậu cần, canh giữ tù binh. Điều đó thể hiện lòng căm thù quân xâm lược và ý thức dân tộc của nhân dân ta chống ngoại xâm thời kỳ nào cũng có.

Để phát huy quyền làm chủ thực sự của nhân dân, chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tổ chức tổng tuyển cử trong cả nước vào ngày 6-1-1946 để bầu Quốc hội và Chính phủ chính thức. Được sự chỉ đạo của Ủy ban kháng chiến tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng, chính quyền quận chuẩn bị chu đáo mọi mặt để nhân dân thực hiện quyền công dân của mình. Mặc dù trong vòng kèm tỏa của địch, công tác tuyên truyền vận động, tổ chức bỏ phiếu được tiến hành chặt chẽ, công

khai, đúng thủ tục. Trong thời điểm lịch sử lúc đó, nhân dân quận Dran bầu cử ở hai đơn vị⁽¹⁾, bầu đại biểu của cả tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng. Kết quả đồng chí Ngô Huy Diễn đại biểu tỉnh Lâm Viên, đồng chí Hồ Nhã Tránh (Hồng Nhật) đại biểu tỉnh Đồng Nai Thượng trúng cử đại biểu quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Ngày 6/1/1946 thực sự là ngày hội của đồng bào các dân tộc quận Dran. Trong không khí nô nức thực hiện quyền làm chủ của mình, nhân dân đã nêu cao tinh thần đoàn kết chiến đấu, lòng yêu nước, ý chí thống nhất, tin tưởng vào Đảng, trung thành với chế độ mới.

Sau khi đánh chiếm xong Nam Bộ và Sài Gòn, quân Pháp bắt đầu tiến quân lên các tỉnh Tây Nguyên. Tình hình ở Lâm Viên, Đồng Nai Thượng rất khẩn trương. Ủy ban kháng chiến Tỉnh Lâm Viên lập 2 tuyến phòng ngự ở Fi Nôm và Trại Mát ngăn địch theo đường 21Bis vào quận lỵ Dran và chặn địch từ Đà Lạt xuống Cầu Đất. Tại Trại Mát, Trạm Bò (Xuân Thọ) ta bố trí một tuyến phòng ngự do một đại đội vũ trang và lực lượng tự vệ, thanh niên, công nhân địa phương đảm nhiệm, chia thành nhiều tuyến, có hầm hào, công sự chiến đấu và chướng ngại vật. Khu vực quận Dran bố trí

(1) Khu vực huyện Đơn Dương ngày nay bầu đại biểu tỉnh Lâm Viên, khu vực huyện Lâm Hà, Đức Trọng bầu đại biểu Đồng Nai Thượng.

một đại đội có ba trung đội, trong đó 1 trung đội là người của Dran tập trung từ lính bảo an cũ, một số công nhân hãng A-vi-a ; 1 trung đội là lực lượng của Đà Lạt, trung đội còn lại gồm phần đông là anh em Đà Lạt và một số ít của Dran⁽¹⁾. Trước tháng 11/1945, lực lượng vũ trang trên địa bàn quân do đồng chí Trịnh Lý, Trương Văn Hoàn chỉ huy. Từ tháng 12/1945, sau khi thống nhất vào chi đội Vệ quốc đoàn⁽²⁾ đồng chí Trương Văn Điều là người trực tiếp chỉ huy phòng tuyến Finôm. Về phía Đông, ta bố trí một bộ phận nhỏ chốt giữ từ đèo Ngoạn Mục đến Eo Gió. Lực lượng tự vệ có các trạm chiến đấu theo trục đường 21Bis nhưng công sự sơ sài.

Nhiệm vụ lúc này rất nặng nề và khẩn trương. Lực lượng vũ trang của ta tập trung nhưng chưa từng trải qua tác chiến, chưa có thời gian huấn luyện đầy đủ. Nhờ làm tốt công tác tổ chức, giáo dục, giác ngộ tư tưởng, tinh thần của cán bộ chiến sĩ rất hăng hái, sẵn sàng ra trận giết giặc bảo vệ thành quả cách mạng. Chính quyền,

(1) Trung đội lúc bấy giờ tương đương với đại đội ngày nay. Trung đội 1 do đồng chí Lộc trung đội phó phụ trách, trung đội 2 (gồm lực lượng Dran) do đ/c Cù Xuân Sắc phụ trách, trung đội 3 do đội Linh (cai lính thủy Pháp) chỉ huy.

(2) Chi đội 2 Vệ quốc đoàn có 2 đại đội và một bộ phận làm nhiệm vụ ở B' Lao do đồng chí Nghiêm Nghị chỉ huy chung. Đại đội tương đương với tiểu đoàn hiện nay.

đoàn thể của quân một mặt động viên đồng bào tham gia tiếp tế, xây dựng phòng tuyến cùng bộ đội, mặt khác giúp nhân dân tản cư xuống Ninh Thuận, thực hiện vườn không nhà trống khi quân Pháp đến. Quân và dân ta đã ở trong tư thế sẵn sàng đánh địch.

Ngày 27/1/1946, thực dân Pháp huy động một lực lượng khoảng 140 xe quân sự chở quân theo đường 20 lên chiếm Lâm Viên, Đồng Nai Thượng. Phối hợp với quân Nhật tại sân bay Liên Khàng, rạng sáng ngày 28/1/1946 chúng tấn công vào tuyến phòng ngự FiNôm. Lực lượng quân Pháp bao gồm một tiểu đoàn có pháo binh yểm trợ. Sau hai giờ chiến đấu, địch vẫn không chọc thủng được phòng tuyến của ta. Tuy vũ khí ít và thô sơ nhưng với quyết tâm cao, dựa vào hầm hào công sự vững chắc, bộ đội và dân quân tự vệ vừa phòng thủ vừa chia nhiều hướng phản kích. Quân Pháp phải dùng một mũi bọc sườn đánh úp và chiếm được tuyến chiến đấu ở FiNôm. Bộ đội rút về M'Lơn tiếp tục ngăn chặn làm chậm bước tiến của quân Pháp. Trước sức tấn công của địch ta được lệnh rút lui để bảo toàn lực lượng. Đồng bào các dân tộc ven đường 21Bis đã kịp thời tiếp tế cơm nước cho bộ đội. Sau một ngày chiến đấu quyết liệt, quân Pháp bị nhiều thiệt hại, bên ta một số đồng chí hy sinh, trong đó có đồng chí Nguyễn Đình Uyển (tức Túc), trung đội phó chốt giữ ở FiNôm. Ở phòng tuyến Trại Mát, Trại Bò (Xuân Thọ), bộ đội và tự vệ mặc dù đã chiến đấu dũng cảm nhưng do lực lượng chênh lệch, chiều 29/1/1946 ta

rút xuống Cầu Đất. Đêm 28/1/1946, lực lượng vũ trang và nhân dân quận Dran theo đường Nam sông Đa Nhim tập kết về Bắc Dran hợp với lực lượng của Đà Lạt hành quân xuống chiến khu Trà Co (Ninh Thuận).

Được thành lập và chiến đấu từ sau cách mạng tháng Tám, tuy thời gian ngắn ⁽¹⁾ nhưng lực lượng vũ trang huyện nhà đã có những đóng góp to lớn vào cuộc đấu tranh bảo vệ Đảng, chính quyền và nhân dân trong thời kỳ đầu chống Pháp. Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang đã nêu cao tinh thần dũng cảm hy sinh, có quyết tâm chiến đấu cao vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

II. Đấu tranh chống ách chiếm đóng của thực dân Pháp, củng cố và xây dựng lực lượng cách mạng (tháng 2/1946 đến tháng 1/1950) :

Sau khi tái chiếm Dran, thực dân Pháp tăng cường bộ máy cai trị. Chúng lập tòa đốc lý sau đổi là quận hành chính, quận trưởng, quận phó là người Pháp ⁽²⁾. Để tranh thủ lôi kéo đồng bào dân tộc ít người, chúng còn lập thêm chức quận phó là người dân tộc bên cạnh người Pháp. Về quân sự, Pháp lập đồn ở Cầu Đất, Dran, Fy-an, đưa một đại đội lính Pactizan (Partisan) đóng tại thị trấn quận lỵ. Chúng tổ chức lại chính quyền xã, thôn, sử dụng một số tên trung thành với Pháp nắm quyền, bổ sung

(1) Từ tháng 8/1945 đến tháng 1/1946.

(2) Quận trưởng Doustin, quận phó Lốtxe (Lousser) thời kỳ 1946 - 1949, Bengnor (1950 - 1952)

người dân tộc thay người kinh trong một số công việc, chia rẽ kinh thương với âm mưu “biến Cao Nguyên thành một vùng thuộc quyền cai trị của người Pháp, chấm dứt sự du nhập của người Việt”⁽¹⁾. Mặt khác, chúng ráo riết khủng bố, bắt bớ cán bộ và cơ sở, lùng sục càn quét vùng ven thị trấn, nông thôn nhằm ngăn chặn cách mạng mọc nổi, xây dựng phong trào.

Trước tình hình đó, tại chiến khu Ninh Thuận, Ủy ban kháng chiến tỉnh Lâm Viên chủ trương mở đường dây liên lạc theo hướng hợp pháp, đưa cán bộ lên xây dựng cơ sở cách mạng trong Đà Lạt và vùng ven thị xã. Được sự chỉ đạo của chính quyền và Mặt trận Việt Minh tỉnh, Ủy ban kháng chiến lâm thời quận Dran tái lập⁽²⁾, hoạt động bí mật trong lòng địch, lấy chùa Giác Nguyên làm trụ sở. Ủy ban kháng chiến đã tích cực hoạt động tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, xây dựng phong trào, cơ sở trong quần chúng.

Những tháng đầu năm 1946, tình hình đất nước rất khó khăn phức tạp. Phía Bắc, quân đội Tưởng Giới Thạch cấu kết với bọn tay sai phản động tìm cách chống phá cách mạng; phía Nam, quân Pháp đánh chiếm Nam

(1) *Thông tri công sứ Đồng Nai Thượng* ngày 8-7-1947
(Tài liệu lưu tại ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh
Lâm Đồng)

(2) *Chỉ định ông Lê Văn Xương làm chủ tịch, ông Phạm Huy Anh phó chủ tịch và một số thành viên trong đó có thầy trụ trì chùa Giác Nguyên.*



*Chùa Giác Nguyên, trụ sở làm việc của Ủy ban kháng chiến
Lâm thời quận Dran (1946)*

Bộ và cực Nam trung Bộ. Nhằm tranh thủ thời cơ củng cố lực lượng và phân hóa kẻ thù, Chính phủ ta quyết định ký hiệp ước sơ bộ với Chính phủ Pháp, hội nghị trù bị tổ chức tại Đà Lạt chuẩn bị cho cuộc đàm phán chính thức tại Phòng-ten-nơ Blô. Trung ương Đảng ra chỉ thị quán triệt chủ trương ký hiệp định sơ bộ, nói rõ quan điểm của ta, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao cảnh giác, đề phòng thực dân Pháp bội ước, tiếp tục chuẩn bị mọi mặt cho kháng chiến.

Tháng 4/1946, tỉnh bộ Việt Minh tỉnh Lâm Viên mở hội nghị tại Đá Trắng (Ninh Thuận). Hội nghị bầu ủy ban kháng chiến tỉnh gồm 13 người do đồng chí Nguyễn Thế Tính làm Chủ tịch. Ủy ban kháng chiến tỉnh chuẩn bị lực lượng trở lại xây dựng phong trào ở Đà Lạt, Dran.

Ngày 3/4/1946, đồng chí Trịnh Lý được Ủy ban kháng chiến tỉnh Lâm Viên cử lên hoạt động ở Dran đã liên lạc với Ủy ban kháng chiến quận tổ chức mít tinh tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân về nội dung hiệp ước. Nhờ khéo léo tranh thủ vận động, quân Pháp không nghi ngờ và cản trở cuộc mít tinh. Buổi lễ diễn ra trang nghiêm, có trên 600 người tham dự với cờ đỏ sao vàng, băng khẩu hiệu mang nội dung : “Việt Nam độc lập đồng minh muôn năm”, “Hồ Chủ tịch muôn năm”, “Ủng hộ hiệp định ngày 6/3”... Thay mặt ủy ban, ông Chủ tịch đọc diễn văn lên án quân xâm lược Pháp, khẳng định Việt Nam là một nước độc lập có chủ quyền.

Thắng lợi của cuộc mít tinh đã gây ấn tượng mạnh mẽ trong nhân dân, quần chúng càng thêm tin tưởng vào cách mạng nhưng bọn cầm quyền ở Đồng Nai Thượng vô cùng tức tối và phải thừa nhận “diễn biến của buổi lễ mà chính đó một số phần tử cực đoan tổ chức với ý đồ củng cố địa vị của chúng (tức Việt Minh) đã không có lợi cho chính sách của ta (Pháp)⁽¹⁾”.

Trong năm 1946, phong trào ở Dran phát-triển mạnh, nhiều hoạt động công khai như tuyên truyền vận động quần chúng và mít tinh được tổ chức. Ngày 19 và 25/10/1946, cơ sở của ta đã rải truyền đơn tại Cầu Đất, M'lon, thị trấn Cần Rang kêu gọi nhân dân không sử dụng giấy bạc do Ngân hàng Đông Dương phát hành sau ngày 6/3, tuyên truyền các chủ trương của Đảng. Tháng 2/1947, Ủy ban kháng chiến tỉnh cử cán bộ phối hợp với lực lượng của quận tiêu diệt một tên tay sai ác ôn từng chỉ điểm bắt bớ nhiều Đảng viên, cán bộ nhưng công việc không thành công. Hoạt động mạnh mẽ của phong trào cách mạng trong quận đã làm cho bọn cầm quyền thực dân “ăn không ngon, ngủ không yên” và tìm cách đối phó.

(1) *Báo cáo của Ruy-Giê (Ruyger) công sứ Đồng Nai Thượng gửi ủy viên cộng hòa miền nam Trung kỳ tại Nha Trang ngày 9/4/1946 (tài liệu lưu tại ban lịch sử Đảng tỉnh).*

Khoảng từ cuối tháng 4/1946 đến đầu năm 1947, giặc Pháp điên cuồng khủng bố, bắt giam hàng trăm Đảng viên và cơ sở cách mạng tại quận lỵ. Chúng đã dã man xử bắn một số Đảng viên, quần chúng tại ngã ba thị trấn ⁽¹⁾, trong đó có các đồng chí Văn Ngọc Oanh, Trần Bình Sinh... bí mật thủ tiêu nhiều cán bộ, cơ sở quần chúng khác ở nhiều nơi trong quận ⁽²⁾. Sự hy sinh dũng cảm và khí tiết của các đồng chí Đảng viên cộng sản và quần chúng cách mạng đã đi sâu vào lòng nhân dân các dân tộc Đơn Dương, khơi dậy chí căm thù không nguôi đối với bọn thực dân tàn bạo. Công lao của những chiến sĩ đã hy sinh vì nước mãi mãi được ghi nhớ trong lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Đơn Dương.

Mặc dù bị đàn áp khốc liệt nhưng nhân dân Đơn Dương vẫn giữ vững tinh thần cách mạng. Ủy ban kháng chiến và Mặt trận Việt Minh tỉnh liên tiếp đưa cán bộ lên móc nối với cơ sở tại chỗ để xây dựng lại phong trào.

Tại Gia Thạnh ⁽³⁾, trong cách mạng tháng 8/1945

(1) Nay là khu vực trụ sở Ủy ban nhân dân Đan

(2) Phần lớn là người ở các làng Thạnh Hòa, Lạc lâm Làng, Lạc Bình, Lạc Xuân. Đồng chí Trịnh Lý bị địch bắt và thủ tiêu ở Diom cuối tháng 4/1946.

(3) Ngày nay thuộc Lâm Hà

có nhiều cán bộ tham gia khởi nghĩa, thành lập chính quyền nhân dân. Sau khi trở lại chiếm đóng Dran, thực dân Pháp đã bắt giam nhiều cán bộ hoạt động ở Gia Thạnh. Tháng 7/1946, đồng chí Lê Dũng⁽¹⁾ ra tù về Gia Thạnh móc nối với một số cơ sở ở La Ba (Phú Sơn) tiếp tục hoạt động.

Tháng 1/1947, đồng chí Nguyễn Thế Tính, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh Lâm Viên và một số cán bộ cùng một tiểu đội vũ trang lên chỉ đạo nhằm đẩy mạnh phong trào ở Đà Lạt và vùng ven thị xã. Giữa tháng 2/1947, đồng chí Nguyễn Thế Tính và một số cán bộ bị địch bắt nhưng nhờ cơ sở bên ngoài hỗ trợ đã vượt ngục an toàn. Giữa năm 1947, tỉnh Lâm Viên được Phân ban cán sự Cục Nam tăng cường đồng chí Trương Văn Hoàn, Phan Như Thạch và một số cán bộ. Thời kỳ này, các đồng chí chủ chốt của tỉnh đều là Đảng viên và cơ quan lãnh đạo cao nhất là Ủy ban kháng chiến và Mặt trận Việt Minh tỉnh. Cơ quan lãnh đạo tỉnh đóng ở chiến khu Danh thuộc khu II, cách Cầu Đất 10 km về hướng Đông Bắc.

Sau một thời gian về hoạt động ở Gia Thạnh, đồng chí Lê Dũng qua cơ sở của Đà Lạt đã liên lạc được với đồng chí Phan Như Thạch⁽²⁾ nhận chỉ thị về xây dựng

(1) Một cán bộ ở Gia Thạnh bị địch bắt giam từ tháng 3 đến tháng 7/1946

(2) Phó chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh.

phong trào Gia Thạnh, Phú Sơn, Dran và phát triển cơ sở quần chúng dọc đường 20, 21 Bis.

Đầu năm 1947, ông Cao Kỳ Nguyên, một nhân sĩ yêu nước từ chiến khu Danh về Lạc nghĩa xây dựng cơ sở quần chúng từ M'Lơn, Lạc Lâm Làng đến thị trấn Dran⁽¹⁾. Đồng chí Lê Dũng đã móc nối với ông Cao Kỳ Nguyên, nối thông đường dây liên lạc chỉ đạo của Tỉnh từ Đà Lạt, Gia Thạnh đến M'Lơn Dran, cơ sở quần chúng hình thành và phát triển ở La Ba, Phú Hội, FiNôm, M'Lơn. Trong năm 1947, nhiều đợt cán bộ từ Bình Thuận lên tăng cường cho Lâm Viên đã liên lạc với ông Cao Kỳ Nguyên; ông là cơ sở tin cậy để anh em móc nối hoạt động. Cuối năm 1947, địch phát hiện đưa lính từ Dran đến vây bắt 5 đồng chí tại rừng Lạc Nghĩa, chỉ có 2 người thoát được, số còn lại bị hy sinh. Sau sự kiện này, địch bắt ông Cao Kỳ Nguyên giam tại quận Dran.

Chiến dịch Thu - Đông 1947 - 1948, thực dân Pháp liên tiếp bị thất bại ở Việt Bắc (cuối 1947) và La Ngà (3/1948) buộc phải rút về thế phòng ngự. Lực lượng vũ trang của ta ngày càng lớn mạnh, phong trào luyện quân lập công sôi nổi. Tuy vậy, ở Lâm Viên và Đồng Nai

(1) Ông Cao Kỳ Nguyên là cựu chánh tổng, có tham gia phong trào khởi nghĩa ở Phú Hội trong cách mạng tháng 8. Tháng 12/1945 bị địch bắt cùng với đồng chí Hồng Nhật và ông Ba Đành, sau đó vào chiến khu Danh. Ông Cao Kỳ Nguyên có những đóng góp tích cực cho phong trào Dran từ năm 1945 - 1952

Thượng địch vẫn tập trung lực lượng càn quét, khủng bố phong trào cách mạng, thực hiện chính sách dồn dân, vây làng, phát triển mạng lưới gián điệp, chỉ điểm.

Tháng 3/1948, từ một sở cơ sở Đà Lạt bị vỡ khai báo vùng Phú Sơn, địch tập trung cảnh sát phối hợp với lính đồn La Ba càn quét vào căn cứ, đánh úp đội công tác, bắt một số cán bộ, cơ sở cách mạng. Đồng chí Lê Dũng bị bắt trong đợt này ⁽¹⁾. Trong năm 1948, hai lượt cán bộ đến hoạt động ở La Ba, một tổ công tác vào liên lạc với cơ sở bị địch bắt, chúng tập trung lực lượng đánh vào chỗ ở của đội công tác, anh em hy sinh gần hết.

Tuy bị địch khủng bố ác liệt nhưng cơ sở cách mạng vẫn giữ vững lòng tin, các đội công tác tích cực đánh địch gây cho chúng hoang mang. Tháng 7/1948, một tiểu đội vũ trang do đồng chí Hoàng Phi Hổ chỉ huy tập kích đồn cảnh sát Cầu Đất, giải thoát cho hàng chục cán bộ trở về bổ sung cho lực lượng của các đội công tác.

Từ giữa năm 1948, địch tăng cường càn quét đánh phá căn cứ, chiến khu và khủng bố phong trào cách mạng bên trong. Ngày 25/9/1948, do sự phản bội của một tự vệ ở đơn vị La Ba dẫn địch vào đánh úp chiến khu của tỉnh, một số đồng chí hy sinh, số khác bị bắt trong đó có đồng chí Phan Như Thạnh, phó chủ tịch Ủy

(1) Địch giam tại nhà lao Dran từ tháng 3/1948 đến tháng 10/1949

ban kháng chiến. Đồng chí Nguyễn Thế Tính, chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh và một tiểu đội vũ trang rút xuống Ninh Thuận. Sau trận này, địch thu được tài liệu, qua đó chúng truy lùng, bắt bớ, thủ tiêu nhiều người. Phong trào cách mạng ở La Ba và ở các nơi khác trong quận Dran đứt liên lạc với trên. Ủy ban kháng chiến và Mặt trận Việt Minh tỉnh không còn, sự chỉ đạo của Ban cán sự Cực Nam với Lâm Viên bị gián đoạn, phong trào cách mạng trong tỉnh tạm thời lắng xuống.

Bước sang năm 1949, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giành được thắng lợi trên các chiến trường, tương quan lực lượng thay đổi có lợi cho ta. Tình hình đó buộc địch phải chuyển từ chiến lược đánh nhanh thắng nhanh sang chiến lược giữ thế phòng ngự lâu dài.

Tháng 2/1949. Ban thường vụ Liên Khu ủy V họp đánh giá tình hình đã nhận định: “Các tỉnh Cực Nam không có sự phối hợp hành động và liên hệ chặt chẽ với nhau do gặp khó khăn về liên lạc, không nắm được tình hình, vì vậy không chỉ đạo được phong trào chung; Từ công tác Đảng, chính quyền đến chuyên môn mỗi tỉnh đều tùy tiện để ra chủ trương tùy theo hoàn cảnh của mình”. Để giúp các tỉnh Cực Nam trong công tác, tháng 3/1949 Ban thường vụ Khu ủy quyết định thành lập Ban cán sự Cực Nam và về chính quyền, thành lập Phân ban hành chính kháng chiến Cực Nam ⁽¹⁾. Trên cơ sở đó,

(1) Gồm các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng

tháng 4/1949, Ban cán sự Đảng Lâm Viên và Đồng Nai Thượng thành lập, đồng chí Lê Tự Nhiên ủy viên Ban cán sự Cục Nam được cử làm bí thư Ban cán sự Đảng tỉnh Lâm Viên, đồng chí Trần Ngọc Trác (Thu Lâm) làm bí thư Ban cán sự Đảng tỉnh Đồng Nai Thượng.

Đây là một sự kiện chính trị quan trọng đánh dấu bước phát triển của phong trào cách mạng địa phương, tỉnh Lâm Viên, Đồng Nai Thượng có tổ chức Đảng cao nhất lãnh đạo, đường lối, chủ trương của Đảng được vận dụng vào thực tiễn đưa phong trào quần chúng tiến lên những bước mới. Tuy chưa liên lạc được với cán bộ đang hoạt động tại chỗ ở Đà Lạt nhưng Ban cán sự Đảng tỉnh Lâm Viên đã tích cực chuẩn bị lực lượng để lên trực tiếp chỉ đạo phong trào.

Tháng 8/1949, Trung đoàn 81 chủ lực Ninh Thuận thành lập đại đội Như Hồ⁽¹⁾. Nhiệm vụ của đơn vị là vũ trang tuyên truyền kết hợp tác chiến hỗ trợ quần chúng xây dựng cơ sở. Địa bàn hoạt động của đại đội là vùng Anh Dũng, Lệ Nghi, Bá Ghe (Ninh Thuận) lên Proh, M'lon (của Dran) và phát triển hướng Tây Bắc Đà Lạt. Tuy vùng này bị địch càn quét đánh phá ác liệt nhưng các đồng chí trong đại đội Như Hồ vẫn khắc phục khó khăn bám dân, bám chiến trường hoạt động.

(1) Bí danh của đồng chí Nguyễn Nhật Thăng, trung đoàn phó đã hy sinh.

III. Phát triển cơ sở, mở rộng phong trào, kháng chiến thắng lợi (1950 - 1954)

Thắng lợi về quân sự trong chiến dịch Đông - Xuân 1949 - 1950 và thắng lợi trên mặt trận chính trị, ngoại giao tạo nhiều thuận lợi cho cách mạng Việt Nam tiến lên những bước mới. Bị thất bại trên chiến trường Bắc bộ, quân Pháp tập trung xây dựng vùng chiến lược Tây Nguyên.

Tại Lâm Viên, địch đóng thêm hàng chục đồn bót lớn dọc đường 11 và Đà Lạt. Trường sĩ quan từ Huế chuyển lên Đà Lạt, trở thành trung tâm đào tạo sĩ quan lớn nhất của Pháp ở Đông Dương. Các khu vực như Fi-an, Liên Khàng, Đại Ninh, Trại Hành chúng đều tăng thêm lực lượng, tạo thế kèm kẹp nhân dân. Tại huyện Chiến Đấu, Pháp đóng 2 đồn, mỗi đồn do một đến hai sĩ quan Pháp chỉ huy. Ngoài ra chúng tổ chức 2 đội lưu động, một do quận Dran, một do đồn Di Linh đảm nhiệm, thường xuyên càn quét, lùng sục các khu vực.

Về chính trị, địch ra sức tuyên truyền xuyên tạc đường lối kháng chiến của Đảng, gieo rắc tư tưởng cầu an, làm giảm ý chí và tinh thần cách mạng của nhân dân. Sau khi lập Bảo Đại làm Quốc trưởng và trao trả độc lập giả hiệu cho triều đình Huế (1948), ngày 15/4/1950, theo thỏa thuận của chính phủ Pháp, Bảo Đại tách Tây Nguyên thành đơn vị hành chính có quy chế riêng gọi là "Hoàng triều cương thổ". Tuy Bảo đại nắm quyền tối

cao đối với Tây Nguyên nhưng trên mọi lĩnh vực người Pháp vẫn có quyền định đoạt. Thực dân Pháp và tay sai dùng mọi thủ đoạn mua chuộc, lôi kéo quần chúng, chia rẽ người kinh với người dân tộc, phát triển các tôn giáo Tin Lành, Cao Đài, Phật giáo, Thiên Chúa giáo, mở các lớp đào tạo mục sư, thầy giảng, chức sắc người địa phương. Mạng lưới gián điệp, chỉ điểm của địch tăng cường hoạt động, tìm cách trà trộn nắm tình hình, giả danh cán bộ lừa gạt nhân dân hòng làm mất uy tín cách mạng.

Địch tổ chức hệ thống hành chính ngay quyền theo đặc điểm từng vùng, riêng cho người kinh và người thượng. Chúng đặc biệt nâng đỡ một số tay sai người dân tộc, đặt phó sứ là người dân tộc bên cạnh chánh sứ là người Pháp. Những làng, tổng người dân tộc đều do chức sắc người dân tộc cai quản.

Về kinh tế, thực dân Pháp và chính phủ bù nhìn đặt thêm nhiều thứ thuế mới như thuế chợ, thuế an ninh... tăng cường bắt sưu, phạt vạ, kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển lương thực, hạn chế bán gạo, thực phẩm để phòng đồng bào tiếp tế cho cách mạng, hòng cô lập chiến khu của ta.

Đầu năm 1950, đồng chí Phan Như Thạch⁽¹⁾ được

(1) Tháng 3/1949, lợi dụng địch sơ hở đồng chí đã đánh gục tên lính áp tải, trở về căn cứ.

bổ sung vào Ban cán sự Đảng tỉnh Lâm Viên và được cử làm bí thư thị ủy Đà Lạt mới thành lập. Cuối tháng 1/1950, cùng với một tiểu đội vũ trang theo hướng Krông pha, các đồng chí đã lên Xuân Thành. Sau khi ra tù (10/1949), đồng chí Lê Dũng bắt liên lạc với cơ sở ở Đà Lạt và tiếp tục xây dựng phong trào Gia Thạnh, La Ba. Cơ sở Đà Lạt bị vỡ khai báo, tháng 1/1950 đồng chí Lê Dũng thoát ly ra chiến khu Suối Tía. Tại đây, đồng chí Phan Như Thạch thay mặt Ủy ban kháng chiến và mặt trận Việt Minh tỉnh thành lập đội vũ trang công tác vùng Gia Thạnh - La Ba do đồng chí Đinh Sĩ Uẩn làm đội trưởng, đồng chí Lê Dũng là cán bộ Việt Minh. Đội vũ trang tuyên truyền đã lấy Gia Thạnh làm bàn đạp để mở phong trào ra các vùng phụ cận.

Trước tình hình và nhiệm vụ mới, giữa năm 1950, Liên khu ủy V kiểm tra hoạt động của các tỉnh cực Nam Trung bộ và nhận định : Lâm Viên và Đồng Nai thượng là chiến trường chính của cực Nam nhưng là chiến trường gây cơ sở, do đó để thống nhất sự chỉ đạo, Liên khu ủy quyết định sát nhập hai tỉnh thành tỉnh Lâm Đồng. Tháng 10/1950, hội nghị hợp nhất hai tỉnh tổ chức tại Ô-rô (Bình Thuận), hội nghị bầu đồng chí Nguyễn Xuân, ủy viên Ban cán sự cực nam làm Bí thư Ban cán sự kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Lâm Đồng.

Quán triệt chủ trương công tác vùng địch hậu, hội nghị đề ra mấy nhiệm vụ lớn : Đẩy mạnh diệt ác trừ gian, củng cố các vùng bàn đạp, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, kiện toàn các cơ quan tỉnh, xây dựng củng cố lực lượng vũ trang, tổ chức các đội vũ trang tuyên truyền với hình thức gọn nhẹ, bồi dưỡng công tác vận động quần chúng và chính sách dân tộc của Đảng cho cán bộ, Đảng viên.

Sau hội nghị, Ban cán sự Đảng tỉnh chỉ đạo củng cố lực lượng vũ trang toàn tỉnh Lâm Đồng, thành lập 6 đội vũ trang tuyên truyền, mỗi đội có 20 đến 30 người. Việc thành lập các đội vũ trang tuyên truyền là chủ trương đúng đắn, phù hợp với tình hình lúc bấy giờ của tỉnh.

Triển khai nhiệm vụ của trên, đội vũ trang tuyên truyền huyện Chiến Đấu củng cố cơ sở Gia Thạnh, La Ba, tiếp tục mở rộng phong trào vùng đồng bào dân tộc Dạ Uynh, sân bay Liên Khàng, cơ sở quần chúng tích cực cung cấp tình hình địch cho ta. Phong trào đang có chiều hướng phát triển thì đến tháng 10/1950 một tên chỉ điểm là cơ sở Gia Thạnh phản bội báo cho quân Dran dẫn lính về bao vây khi lực lượng đội vũ trang vào liên lạc, hai đồng chí của ta hy sinh ⁽¹⁾. Chúng bắt một số cơ sở, dồn dân Gia Thạnh về Eo Gió (Phú Thuận) và Trại

(1) Đồng chí Thái Tư và Quý

Mát. Phong trào cách mạng Gia Thạnh bị đàn áp nhưng đội vũ trang do đồng chí Đinh Sĩ Uẩn, Lê Dũng phụ trách vẫn bám được để hoạt động ở Dạ Uyển và La Ba. Từ Dạ Uyển đội tiếp tục mở phong trào ra các buôn làng dân tộc lân cận.

Để tăng cường lực lượng cho đội vũ trang ở La Ba, ta chủ trương qua xây dựng cơ sở vận động rút một số thanh niên bổ sung, chuẩn bị phương án đánh địch di tuần lầy vũ khí trang bị cho đội. Kế hoạch chưa thực hiện được thì chỉ điểm phát hiện, cảnh sát quận Dran lùng bắt số thanh niên có cảm tình với cách mạng. Tuy đã kịp thời rút được một số thanh niên chưa bị bắt tăng cường cho lực lượng của ta nhưng cơ sở bị địch khủng bố, liên lạc gặp khó khăn, phong trào không phát triển được.

Đầu năm 1951, tại M'Lơn, một tổ vũ trang của đại đội Như Hồ có 3 người do đồng chí Lộc chỉ huy bắt được liên lạc với ông Cao Kỳ Nguyên ⁽¹⁾ và một số cơ sở do ông tổ chức ở Thạnh Nghĩa (Thạnh Hòa, Lạc Nghĩa), Lạc Lâm Làng, Đồng Thạnh. Các cơ sở được xây dựng ở đây đã tạo thuận lợi để nối liên lạc với đội vũ trang tuyên truyền huyện Chiến Đấu, mở hành lang Đà Lạt - Bá Ghe, giúp cho sự chỉ đạo của Tỉnh đối với Đà Lạt thuận lợi hơn.

(1) Ông Cao Kỳ Nguyên bị địch bắt cuối năm 1947 được thả ra trong năm 1949

Để hỗ trợ phong trào xây dựng cơ sở, ngày 27/2/1951 đội vũ trang tuyên truyền do đồng chí Đinh Sĩ Uẩn chỉ huy đã đánh đồn Ra-di-ô-pha Công-trắc-tria, trung tâm thông tin phục vụ sân bay Liên Khàng (nay thuộc xã Đinh Văn). Đây là cụm điện đài có một trung đội đóng giữ do viên sĩ quan người Pháp chỉ huy. Một tiểu đội vũ trang của ta áp sát vị trí chiến đấu, lợi dụng sơ hở của địch, khoảng 13 giờ bộ đội nổ súng tấn công. Bị đánh bất ngờ, địch hoang mang không kịp đối phó, sau đó chúng tổ chức lực lượng phản kích quyết liệt. Trận này ta phá hỏng cụm điện đài, thu một số súng và quân trang, tiêu diệt 2 tên địch. Bên ta, đồng chí Hồ Tá Đinh, cán bộ khu V tăng cường bị hy sinh.

Sau trận đánh vào trung tâm điện đài sân bay Liên Khàng, được đồng bào ủng hộ, đội vũ trang tuyên truyền huyện Chiến Đấu đã đột nhập ấp R'lom bắt tên bang tá K'Xuồng đưa ra rừng. Đồng bào dân tộc dọc đường 21Bis rất phấn khởi. Tiếp theo ta mở một đợt vũ trang tuyên truyền lên phía Bắc ở các buôn Phi Liêng, Phi Á... vận động nắm dân, thu phục tề điệp. trong đợt này đã giáo dục, tranh thủ bang tá K'Tằng và sau này K'Tằng trở thành cơ sở cách mạng.

Từ giữa năm 1950 đến đầu năm 1951, địch co cụm về Tây Nguyên và đẩy mạnh hoạt động quân sự kết hợp với chính trị, kinh tế. Tại Lâm Đồng, chúng bao vây, càn quét, đánh phá phong trào cách mạng. Tháng 3/1951, ta

mở tiếp đợt vũ trang tuyên truyền ở địa bàn tổng Lang Biang gồm Hoạt, Nam Ban, Tà Nung... Rút kinh nghiệm lần trước, khi đến buôn làng nào đội vũ trang tuyên truyền đều tuyên bố giải tán tổ, xây dựng chính quyền cách mạng làm cho địch hoang mang, không dám hành quân lùng sục như trước. Vì vậy, ta đã làm chủ các buôn làng vùng dân tộc phía Bắc và Tây Bắc đường 21 Bis một thời gian dài ⁽¹⁾.

Tháng 7/1951, nhân có đoàn cán bộ của khu V bổ sung cho Lâm Đồng, tỉnh tăng cường đồng chí Chế Đăng và đồng chí Chấn về đội vũ trang tuyên truyền huyện Chiến Đấu. Đội vũ trang tuyên truyền lúc đó có 40 đồng chí, chia thành 4 đội công tác, mỗi đội có một chi bộ Đảng do đồng chí đội trưởng làm bí thư, hoạt động chủ yếu trong vùng đồng bào dân tộc : Đội công tác vùng Hoạt, Nam Ban... do đồng chí Dự và đồng chí Hoà phụ trách; ở Păng - Tiêng, Tà Nung đội đồng chí Chế Đăng bám dân xây dựng cơ sở; đội đồng chí Chấn vùng P'teng; vùng kinh dọc đường 20 do đồng chí Lê Dũng phụ trách. Ngoài ra, một mũi phát triển lên hướng Bắc nối với Đắc Lắc do đồng chí Trung chỉ huy nhưng bị địch phục kích ở R'liên không bắt được liên lạc với tỉnh bạn. Tháng 8/1951, Ban cán sự Đảng Lâm Đồng tiếp tục tăng cường đồng chí Mai Huy Hoàng, ủy viên Ban cán sự cùng một số cán bộ về huyện Chiến Đấu. Đồng chí

(1) Từ tháng 3 đến cuối năm 1951.

Mai Huy Hoàng phụ trách đội công tác đường 20. Từ cơ sở đội vũ trang tuyên truyền của huyện Chiến Đấu, ta tiếp tục phát triển lực lượng, mở rộng địa bàn. Do yêu cầu của phong trào, cuối năm 1951, tổ vũ trang do đồng chí Lộc phụ trách được điều động về lại đại đội Như Hồ.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng cách mạng, địch tăng cường các thủ đoạn đối phó. Chúng điều quân từ Buôn Mê Thuột, Di Linh phối hợp với bọn Việt binh đoàn Đà Lạt tổ chức càn quét vào Nam Ban, K'Ri-ông thô, Phi-Sua... Sau càn quét, chúng để lại một bộ phận phục kích trong ấp và các ngã đường nghỉ có cán bộ, chiến sĩ của ta qua lại.

Nhằm chia cắt quần chúng với các đội công tác, địch thường xuyên khủng bố dồn dân từ những khu vực càn quét về các vị trí do chúng kiểm soát, tạo thế kềm kẹp bằng cách xây dựng lực lượng lính địa phương ở ấp, nhất là các ổ vũ trang vùng dân tộc (Goums). Những âm mưu thủ đoạn của địch gây cho ta nhiều khó khăn trong việc mở cơ sở, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc. Tuy vậy, đội công tác đường 20 có những hoạt động đạt kết quả tốt, xây dựng được đường dây tiếp tế lương thực, thực phẩm cho các đội công tác huyện Chiến Đấu và cơ quan của tỉnh ở Đà Lạt. Tại Định An, ta vận động một gia đình người Pháp tên là Huét có vợ người Việt Nam là cơ sở cất giấu lương thực, thực phẩm tiếp tế và địa điểm đi lại cho cán bộ, chiến sĩ. Từ nhà bà Huét, suốt trong 3

năm liền, cách mạng nhận được hàng tấn lương thực, thực phẩm và trang bị, thuốc chữa bệnh phục vụ nhu cầu công tác, chiến đấu.

Cùng thời gian diễn biến những sự kiện trên, tháng 9/1951 Ban cán sự cực Nam mở hội nghị kiểm điểm tình hình và đề ra phương hướng nhiệm vụ trong Đông-Xuân 1951 - 1952. Do xác định Lâm Đồng là chiến trường gây cơ sở, hội nghị đề ra phương châm : “kiên trì vận động cách mạng, sức tích lực lượng, đẳng đãi thời cơ, tiềm hành⁽¹⁾ gây cơ sở”. Theo đó, hội nghị đề ra kế hoạch hoạt động tập trung hướng chính là Đà Lạt, vùng Tây Bắc và bàn đạp Anh Dũng (của Ninh Thuận); hướng phụ ở Di Linh, B’Lao. Các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận tập trung chỉ đạo chi viện cho chiến trường Lâm Đồng.

Tại chiến khu Thị ủy Đà Lạt, tháng 11/1951, đồng chí Nguyễn Xuân ủy viên Ban cán sự cực Nam và đồng chí Trần Ngọc Trác (Thu Lâm) ủy viên thường vụ Ban cán sự Lâm Đồng đã mở hội nghị quán triệt chủ trương chuyển hướng hoạt động của Ban cán sự cực Nam. Tham gia hội nghị có các đội công tác của huyện Chiến Đấu và thị xã Đà Lạt.

Hội nghị đánh giá tình hình thời gian qua, phê phán việc đẩy mạnh hoạt động vũ trang ồ ạt, diệt ác trừ gian lộ liễu làm lộ lực lượng, cơ sở để địch có điều kiện

(1) Tiềm hành là đi chìm, đi bí mật

khủng bố gây thiệt hại cho cách mạng, không phù hợp với chiến trường gây cơ sở. Nhận rõ thiếu sót, các đồng chí dự hội nghị tán thành phương châm hoạt động mới. Tuy nhiên, đối với địa bàn vùng ven thị xã và nông thôn, phương thức hạn chế hoạt động vũ trang là chưa phù hợp nên một số cán bộ, chiến sĩ chưa thông suốt, do đó từ chủ trương đến tổ chức thực hiện còn phải trải qua quá trình đấu tranh tư tưởng gay go, phức tạp trong nội bộ để biến thành hành động cụ thể.

Từ xác định hướng chính của Lâm Đồng là vùng Tây Bắc bao gồm thị xã Đà Lạt và huyện Chiến Đấu, hội nghị quyết định bỏ tên đội vũ trang tuyên truyền mà gọi là đội xây dựng cơ sở, đi sâu phát động quần chúng, chú ý vùng đồng bào dân tộc làm bàn đạp phát triển ra vùng kinh. Để phù hợp phương thức công tác mới và kịp thời chỉ đạo theo hướng chủ yếu của tỉnh, cuối năm 1951 Ban cán sự Lâm Đồng thành lập phân ban cán sự vùng Tây Bắc. Đồng chí Trần Ngọc Trác (Thu Lâm) được cử làm bí thư và các ủy viên : Đinh Sĩ Uẩn, Mai Huy Hoàng, Nguyễn Tự.

Thực hiện quyết định của hội nghị Tỉnh, đầu năm 1952 huyện Chiến Đấu hình thành 4 đội xây dựng cơ sở hoạt động trong vùng đồng bào dân tộc. Tháng 6/1952, đội công tác khu vực Đơn Dương⁽¹⁾ chính thức được

(1) Tức là khu vực huyện Đơn Dương theo địa giới hiện nay lên đến Xuân Trường.

thành lập, lấy phiên hiệu là đội 122, đặt dưới sự chỉ đạo của Ban cán sự Tây Bắc Lâm Đồng, do đồng chí Đào Khắc Độ⁽¹⁾ làm đội trưởng, Lê Dũng làm đội phó. Đội chia làm 2 tổ công tác : Đồng chí Đào Khắc Độ chịu trách nhiệm địa bàn M'Lơn, Lạc Lâm Làng, Đồng Thạnh; đồng chí Lê Dũng từ Lạc Bình, Lạc Xuân, quận lỵ Dran đến Trạm Hành. Khu vực đội 122 làm nhiệm vụ không những mở được cơ sở, phát triển một số tổ chức quần chúng cách mạng mà còn là cầu nối quan trọng của đường dây Bá Ghe- Đà Lạt, giúp cho sự chỉ đạo của Tỉnh đến phân ban cán sự Tây Bắc thuận lợi. Nhiều cán bộ tăng cường cho Lâm Đồng đã qua liên lạc với đội 122 để bổ sung cho các nơi. Đội công tác đã xây dựng được các tổ chức quần chúng như thanh niên, phụ nữ, du kích ở Lạc Lâm Làng, hội thanh niên dưới hình thức sinh hoạt gia đình Phật tử ở Trạm Hành và một số cơ sở ở thị trấn Cần Rang, Lạc Xuân, Lạc Bình, Đồng Thạnh. Cũng thời gian này, đường dây tiếp tế của ông Cao Kỳ Nguyên và vợ là bà Nguyễn Thị Xuân đã nối được cơ sở từ quận lỵ Dran đến M'Lơn, Định An.

Tháng 10/1952. một quần chúng là cơ sở ở Lạc Lâm Làng bị bắt đã phản bội khai báo, cơ sở tại M'Lơn, Lạc Lâm Làng vỡ lở gần hết, địch lùng bắt ông Cao Kỳ Nguyên nhưng đội xây dựng cơ sở đã kịp thời đưa ông

(1) Đồng chí Đào Khắc Độ là cán bộ của Khu V tăng cường.

vào chiến khu.

Cảnh sát quận Dran bắt giam bà Nguyễn Thị Xuân, sau đó chuyển bà lên Đà Lạt. Trước đòn thù dã man bà vẫn kiên cường chịu đựng, giữ gìn bí mật cho cách mạng. Bà đã anh dũng hy sinh ngày 24/10/1952 tại nhà lao Đà Lạt.

Trước khí tiết của một quần chúng trung kiên, hàng ngàn người ở Đà Lạt, Đờn Dương đã đưa tiễn bà đến nơi an nghỉ cuối cùng. Đám tang trở thành cuộc biểu tình tố cáo tội ác của địch. Ngày hôm đó, thị ủy Đà Lạt và các đội công tác vùng Tây Bắc làm lễ truy điệu bà Nguyễn Thị Xuân, một phụ nữ cơ sở kiên cường.

Trong năm 1952, phong trào toàn tỉnh có những chuyển biến, cơ sở cách mạng được xây dựng thêm ở các địa bàn nhờ chuyển hướng hoạt động theo phương thức mới. Nhưng một thử thách gay go, gian khổ đặt ra cho cán bộ, chiến sĩ vùng Tây Bắc. Đó là cơn bão lớn ngày 20/10/1952 gây thiệt hại mùa màng, làm tắc đường giao thông, cản trở việc tiếp tế lên Đà Lạt. Nhân dịp này, địch tăng cường kiểm soát lương thực, thực phẩm, lập các hợp tác xã gạo, rau, bán cho dân với số lượng hạn chế nhằm ngăn chặn tiếp tế ra chiến khu. Các đội xây dựng cơ sở thiếu nguồn cung cấp, gạo không đủ nấu cháo cho anh em ốm đau. Cán bộ, chiến sĩ phần lớn ăn bắp chuối, củ rừng để chống đói. Nhưng rau rừng cũng không đủ, nhiều thứ rau lạ chưa hề ăn, không ít anh em tình nguyện



*Bà Nguyễn Thị Xuân, một quần chúng trung kiên
bị thực dân Pháp bắt và đã anh dũng hy sinh tại
nhà lao Đà Lạt*

thủ trước, nếu có hy sinh chỉ một mình chịu. Vì vậy đồng đội mới gắn tên rau, tên người làm một : rau Hồng Phát, rau thẳng Ngân, rau Thanh Vân... Tình cảm đó luôn luôn đọng lại trong ký ức các chiến sĩ cách mạng ở chiến trường Lâm Đồng, ghi nhớ những ngày gian nan kháng chiến.

Trước tình hình thiếu nguồn lương thực, thực phẩm, phân ban cán sự miền Tây Bắc phát động phong trào sản xuất tự túc trong cơ quan và các đội xây dựng cơ sở. Ở các địa bàn, cán bộ chiến sĩ và quần chúng đã tích cực trồng rau, đậu, khoai lang, mì... tạo ra sản phẩm khắc phục khó khăn về đời sống. Đồng thời với động viên sản xuất, thực hành tiết kiệm, phong trào đóng góp vật chất giải quyết tình huống thiếu đói cũng được đặt ra. Nhiều cán bộ, chiến sĩ đã tự nguyện đưa tư trang quý như đồng hồ, nhẫn vàng nhờ cơ sở bán lấy tiền mua gạo, thực phẩm gửi vào chiến khu. Tình cảm thương yêu, đùm bọc lẫn nhau trong những ngày khó khăn đã động viên tinh thần chiến đấu, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, chiến sĩ vùng Tây Bắc Lâm Đồng.

Sau chiến thắng của quân và dân ta ở Hoà Bình, Tây Bắc và các chiến trường trong cả nước, cục diện thay đổi ngày càng có lợi cho cách mạng. Thực dân Pháp càng dần sâu vào cuộc chiến tranh phi nghĩa càng thất bại nặng nề. Chi phí cho chiến tranh ở Đông Dương đẩy nước Pháp vào tình thế khó khăn về nhiều mặt buộc

phải lệ thuộc vào Mỹ và đồng minh. Nhằm gỡ thế bí, chính quyền Pháp phải thực hiện giải pháp đàm phán với Chính phủ ta. Hồng đạt ý đồ thương lượng trên thế thắng, chính phủ Pháp cử tướng Na-va làm tổng chỉ huy quân đội viễn chinh ở Đông Dương. Kế hoạch Na-va ra đời. Trọng tâm của kế hoạch là bình định vùng tạm chiếm, lần đánh vùng tự do và cuối cùng tập trung lực lượng quân sự giành thắng lợi quyết định, buộc ta phải nhượng bộ trên bàn thương lượng ở hội nghị Giơ-ne-vơ. Để đạt được ý đồ, Na-va đã điều lực lượng cơ động ở Đông Dương ra chiến trường Bắc bộ, gia tăng ồ ạt các đơn vị quân Pháp tại Việt Nam.

Trên địa bàn Liên khu V và các tỉnh cực Nam Trung bộ, địch tăng cường hành quân càn quét vào vùng tự do, ráo riết bắt lính, thành lập các đơn vị biệt kích ngụy thay thế cho lực lượng cơ động mạnh của Pháp điều ra miền Bắc. Tại Lâm Đồng, chúng tổ chức các tiểu đoàn sơn cước, trung đoàn ngự lâm quân, tiếp tục phát triển lính địa phương trong vùng đồng bào dân tộc (Goums).

Về chính trị, chúng rêu rao các luận điệu “trao trả độc lập cho Việt Nam”, “bắt lính cho Bảo Đại”... thành lập các tổ chức phản động mang danh hiệu thanh niên, phụ nữ “cứu quốc”. Chúng tung tay sai, gián điệp, biệt kích luồn sâu trong dân để do thám lực lượng và cơ sở

cách mạng, tuyên truyền chia rẽ giữa đồng bào kinh và đồng bào thượng.

Về kinh tế, các biện pháp bắt xâu, phạt vạ đã làm cho đời sống nhân dân vô cùng cơ cực. Chúng đặt ra các thứ thuế mới : Thuế rẫy, thuế đốt than... tăng thuế từ 30-50%. Người dân tộc có “bài chỉ” phải nộp 20 đồng đổi giấy chứng nhận của Bảo Đại.

Đầu năm 1953, phân ban cán sự miền Tây Bắc và Thị ủy Đà Lạt mở lớp chỉnh huấn rút kinh nghiệm việc chuyển hướng theo phương châm hoạt động mới. Ngoài nội dung quán triệt tư tưởng, kiểm điểm phê và tự phê bình những tồn tại thiếu sót, hội nghị quyết định xây dựng Đà Lạt và các vùng kinh làm nòng cốt, lấy vùng đồng bào dân tộc phía Tây Bắc làm bàn đạp ngoại vi, xây dựng khu vực Tây Bắc thành căn cứ nhỏ trong lòng địch mà yếu tố chính là bám dân để gây cơ sở, đào tạo cán bộ tại chỗ. Theo hướng đó, các đội xây dựng cơ sở chỉ để lại cán bộ chính trị, cán bộ quân sự rút xuống Bình Thuận, giảm biên chế cơ quan. Thời gian này, Ban cán sự cực Nam đã giao Di Linh, B'Laô cho Bình Thuận quản lý, Ban cán sự Lâm Đồng tập trung chỉ đạo Đà Lạt và vùng Tây Bắc. Do đó, số cán bộ của Đà Lạt và vùng Tây Bắc còn lại 43 người, riêng Tây Bắc còn khoảng 20 đồng chí, kể cả đội 122 hoạt động ở Đơn Dương.

Tháng 2/1953, đội 122 đang hoạt động ở Trại Hành thì một cơ sở quần chúng phản bội khai báo dẫn

lính đến vây bắt. Nhờ có báo trước, đội tránh được tổn thất nhưng cơ sở ở Trạm Hành bị khủng bố không dám liên lạc với ta. Trước tình hình đó, đội chuyển xuống liên lạc với cơ sở ở Lạc Xuân, Đồng Thạnh, thị trấn Dran. Tại quận lỵ Dran, đội đã móc nối với cơ sở quần chúng làm việc trong bộ máy của quận nên nắm được tình hình địch⁽¹⁾

Cuối năm 1953, nhờ tích cực xây dựng phong trào cách mạng trong quần chúng, cơ sở từ thị trấn Dran, Lạc Xuân đến Đồng Thạnh, Lạc Nghĩa (M'Lon) đã có bước phát triển với chất lượng tốt hơn, cơ sở ở Trạm Hành được phục hồi, tập hợp vào hội cứu quốc hàng trăm hội viên (thanh niên, phụ nữ, nông dân).

Chiến trường Lâm Đồng trong năm 1953 là thời kỳ có nhiều khó khăn cho hoạt động xây dựng cơ sở. Vì phạm vi địa bàn rộng lại phải giảm biên chế nên thiếu lực lượng vũ trang hỗ trợ, địch có cơ hội o ép, khủng bố quần chúng, nơi đóng quân của các đội xây dựng cơ sở thường xuyên di chuyển do bị địch lùng sục cần quét. Đời sống của cán bộ, chiến sĩ gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn vì nguồn tiếp tế từ dân ra căn cứ không thực hiện

(1) Trong quận Dran ta móc nối được với ông Tou Tiang Đôn được Pháp sử dụng làm quận phó phụ trách dân tộc và 1 quần chúng khác làm thư ký quận. Ông Đôn từng tham gia cách mạng tháng 8/1945, là thành viên UBND cách mạng lâm thời tỉnh Lâm Viên.

được. Mặc dù phải trải qua nhiều gian khổ nhưng cán bộ, chiến sĩ vùng Tây Bắc vẫn kiên trì chịu đựng để bán dân, bán cơ sở tuyên truyền vận động quần chúng đấu tranh chống địch bằng nhiều hình thức. Đến cuối năm, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt vùng Tây Bắc được điều đi chinh huấn hoặc chuyển công tác khác, phân ban cán sự Tây Bắc Lâm Đồng thực tế không còn tồn tại.

Đầu năm 1954, phối hợp với chiến trường Điện Biên Phủ, quân dân các tỉnh cực Nam đã tấn công giải phóng nhiều vùng ở Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng. Bộ đội địa phương cùng trung đoàn 812 mở chiến dịch thắng lợi tiêu diệt các đồn Tánh Linh, La Dầy, Gia Bát, hành lang phía Tây Bình Thuận giáp Lâm Đồng và chiến khu Lê Hồng Phong được mở rộng. Bộ đội địa phương Ninh Thuận giải phóng trên 50 thôn, tiêu diệt hàng trăm tên địch, nhiều đồn bót bị triệt hạ. Sức tấn công mạnh mẽ và đồng loạt của quân dân các tỉnh Cực Nam đã làm cho kẻ địch hoang mang giao động, bộ máy tê liệt, nguy quyền có nguy cơ tan rã.

Thắng lợi Đông - Xuân 1953 - 1954 mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử đập tan kế hoạch Nava đã tạo cơ sở cho hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương sớm đi đến kết thúc. Ngày 20/7/1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết. Nước Pháp và các bên tham dự hội nghị cam kết tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của 3 nước Đông Dương, ngừng bắn và rút quân Pháp về nước. Ở Việt

Nam, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời, tiến tới tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Thực hiện sự chỉ đạo của Liên khu ủy V, Ban cán sự cực Nam và tỉnh Lâm Đồng, cán bộ chiến sĩ các đội xây dựng cơ sở chuyển quân về chiến khu Lê Hồng Phong (Bình Thuận) học tập tinh thần hiệp định, chuẩn bị tập kết ra miền Bắc. Tại Đà Lạt, 32 cán bộ chiến sĩ xuống M'lon hành quân theo đường Dom-Proh đến Bá Che về tập trung tại khu Lê Hồng Phong.

Điểm lại sau 2 năm thực hiện nghị quyết của Liên khu V và ban cán sự cực Nam về hoạt động theo phương châm mới ở vùng địch hậu, phong trào cách mạng của nhân dân Đơn Dương tuy trải qua gian khổ thử thách nhưng từng bước khôi phục và phát triển tương đối đồng đều.

Đơn Dương là vùng tranh chấp quyết liệt, địch thường xuyên khống chế với một lực lượng mạnh nhưng cán bộ, chiến sĩ hoạt động trên địa bàn huyện đã không quản hy sinh, luôn gần gũi quần chúng, bám địa bàn xây dựng cơ sở. Vì vậy, từ phong trào vùng kinh đã từng bước phát triển ở vùng đồng bào dân tộc ít người. Thực hiện phương thức hoạt động mới tuy chưa phù hợp với địa bàn nông thôn nhưng cán bộ, chiến sĩ đội công tác vẫn chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo của Đảng, giữ vững đoàn kết, thực hiện đúng chính sách dân vận, chính sách dân tộc, biết khơi dậy tinh thần yêu nước, lòng căm

thù giặc trong quần chúng, được nhân dân các dân tộc huyện nhà đùm bọc, chở che. Đó là yếu tố tạo nên thắng lợi của phong trào cách mạng địa phương trong những năm cuối cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện chuyển hướng đánh địch theo phương thức mới còn lộ rõ một số nhược điểm : là địa bàn nông thôn có điều kiện hoạt động vũ trang, việc quá chú trọng đẩy mạnh đấu tranh chính trị, bí mật gây cơ sở, giảm bớt lực lượng quân sự đã tạo kẻ hở để địch có điều kiện đánh phá làm mất chỗ dựa, gây thiệt hại cho phong trào. Đối với vùng kinh, cơ sở quần chúng trong thời gian ngắn có phát triển thêm đồng đều nhưng chưa chú trọng đúng mức về chất lượng chiều sâu, do đó để một số đầu hàng, phản bội làm vỡ lở phong trào một số nơi, hoặc khi bị địch bắt bớ nhiều quần chúng nằm im không dám liên lạc trở lại. Đối với vùng dân tộc, việc móc nối xây dựng phong trào có nhiều khó khăn do lực lượng ta mỏng để địch thực hiện được thủ đoạn mua chuộc, lôi kéo và nhen nhóm các ổ vũ trang (Goums) o ép đồng bào, hạn chế việc phát triển cơ sở ở địa phương và thực hiện nghị quyết của Ban cán sự Đảng tỉnh.

* * *

Trải qua 9 năm trường kỳ kháng chiến gian khổ và hy sinh anh dũng, nhân dân ta đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. Cùng cả nước, nhân

dân các dân tộc Đôn Dương không ngừng duy trì và phát triển phong trào cách mạng, lập nên những thành tích vẻ vang, góp phần xứng đáng đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở địa phương đến thắng lợi cuối cùng.

Nguyên nhân thắng lợi trước hết là nhờ đường lối đúng đắn, độc lập, tự chủ phù hợp với lòng dân của Đảng. Những chủ trương, đường lối được Ban cán sự cực Nam, Ban cán sự Đảng Lâm Đồng vận dụng linh hoạt vào tình hình cụ thể đã tạo điều kiện để phong trào cách mạng trong tỉnh nói chung, Đôn Dương nói riêng không ngừng củng cố và phát triển.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến có công lao đóng góp to lớn của đồng bào các dân tộc trong huyện. Biết bao tấm gương hy sinh dũng cảm chống kẻ thù, nuôi dưỡng tiếp tế, bảo vệ cán bộ của các cơ sở quần chúng ở M'Lơn, Lạc Lâm Làng, Dran, Trạm Hành, Cầu Đất... của cơ sở quần chúng hoạt động trong bộ máy của địch đã giúp cho cách mạng giữ vững đường dây bí mật trong những ngày gay go quyết liệt. Thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân cũng chính là thắng lợi của tình đoàn kết kinh thương, của các dân tộc anh em sống trên mảnh đất Đôn Dương vì sự nghiệp đánh bại kẻ thù chung.

Đảng bộ và nhân dân ta vô cùng tự hào vì có những cán bộ, chiến sĩ ưu tú đã vượt qua khó khăn, thử thách, bám dân bám đất, mặc đói ăn lạt muối với ý chí

và quyết tâm cao kiên trì vận động quần chúng đấu tranh chống địch. Tình thương yêu đồng chí sâu đậm, nghĩa lớn đồng bào là yếu tố vun đắp tinh thần cách mạng cho cán bộ, chiến sĩ, là nguồn động viên mỗi người vượt qua khó khăn, gian khổ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh những thắng lợi đạt được, quá trình vận động cách mạng ở Đôn Dương cũng còn bộc lộ một số nhược điểm.

Trong thời gian đầu, do hoàn cảnh lịch sử không cho phép, do tính chất cuộc kháng chiến gay go quyết liệt phải rút toàn bộ lực lượng xuống Ninh Thuận, tuy là giải pháp bất buộc nhưng cũng làm khó khăn cho việc xây dựng thế đứng chân, móc nối cơ sở tại chỗ về sau. Quá trình vận động cách mạng ở địa phương mặc dù có nhiều phức tạp nhưng việc mở phong trào trên địa bàn huyện tiến hành chậm so với các nơi trong tỉnh có ảnh hưởng đến sự nối thông liên lạc, chỉ đạo của Ban cán sự cực Nam, Liên khu V với phong trào của Đà Lạt, Lâm Viên trong thời kỳ đó. Trong vùng đồng bào dân tộc, công tác móc nối cơ sở, xây dựng cốt cán một mặt gặp nhiều khó khăn, mặt khác do chưa chú trọng đúng mức nên phong trào phát triển chậm.

Trong cả thời kỳ kháng chiến lâu dài, cơ quan chỉ đạo của tỉnh ở xa, việc chưa thành lập được một tổ chức Đảng cao nhất lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương đã hạn chế kết quả nhiệm vụ tuyên truyền đường

lối, chủ trương, tập hợp lực lượng quần chúng, vì vậy phong trào chưa bảo đảm tính liên tục, vững chắc. Thời kỳ chuyển quân tập kết do chưa lường hết tình hình, không bố trí cán bộ tạo thế hoạt động hợp pháp tại chỗ nên việc đưa lực lượng trở lại gặp rất nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến phong trào ở thời kỳ đầu kháng chiến chống Mỹ.

Một chặng đường lịch sử đã qua, Đảng bộ và nhân dân Đơn Dương mãi mãi ghi nhớ công lao của đồng bào, đồng chí đã hy sinh đời mình cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của dân tộc. Đó là truyền thống, cũng là niềm tự hào của nhân dân các dân tộc Đơn Dương trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.



PHẦN THỨ HAI :

NHÂN DÂN ĐƠN DƯƠNG TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

CHƯƠNG I :

GIỮ VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO CÁCH MẠNG ĐỊA PHƯƠNG (7/1954 - 7/1961)

I. Phong trào đấu tranh đòi hòa bình ở Đơn Dương (tháng 7/1954 đến cuối năm 1955) :

Thắng lợi vang dội của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đã kết thúc chế độ thống trị tàn bạo của thực dân Pháp trên bán đảo Đông Dương. Ở Việt Nam, Hiệp định Giơ-ne-vơ quy định lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời, sau 2 năm (1954-1956) sẽ tổng tuyển cử tự do, thống nhất đất nước.

Thất bại thảm hại của thực dân Pháp là thời cơ để đế quốc Mỹ thực hiện ý đồ hất chân Pháp, tiếp bước can thiệp, biến miền Nam nước ta thành thuộc địa và căn cứ quân sự của Mỹ. Để thực hiện âm mưu đó, chính quyền Mỹ ép chính phủ Pháp và Bảo Đại buộc thủ tướng bù nhìn Bửu Lộc từ chức, đưa Ngô Đình Diệm, người được

Mỹ nuôi dưỡng lên thay thế. Đế quốc Mỹ tăng cường viện trợ kinh tế, huấn luyện quân nguy, nuôi dưỡng bộ máy nguy quyền.

Tình hình miền Nam sau hiệp định Giơ-ne-vơ có nhiều phức tạp. Các phe phái, giáo phái, tổ chức chính trị tranh giành nhau ảnh hưởng chính trị và quyền lợi kinh tế. Được sự bảo trợ của Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm lần lượt thanh toán các phe phái đối lập thân Pháp, chuyển sang tập trung đánh phá cách mạng miền Nam, phá hoại hiệp định đình chiến.

Mỹ - Diệm thực hiện chính sách "tố cộng" nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng, tổ chức mạng lưới kìm kẹp đến tận xã, ấp, mở các lớp truy bức tư tưởng, bắt ép quần chúng ly khai Đảng, ly khai cách mạng, từ đó phát hiện bắt bố cán bộ, Đảng viên và những người yêu nước. Những vụ đàn áp diễn ra nhiều nơi ở miền Nam, giết hại hàng chục ngàn người trong đó có cán bộ, Đảng viên.

Cách mạng Việt Nam đứng trước yêu cầu bức thiết: Chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

Trước khi hiệp định Giơ-ne-vơ chính thức được ký kết, hội nghị lần thứ 6 (khóa 2) Ban chấp hành Trung ương Đảng họp giữa tháng 7/1954 đã chỉ rõ đối tượng cách mạng nước ta: "Đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của

nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới và hiện nay đang trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân Đông Dương”⁽¹⁾.

Trong điều kiện kẻ thù khác trước, thế và lực giữa cách mạng và phản cách mạng thay đổi, Đảng ta đề ra phương hướng nhiệm vụ trước mắt : “Lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh thực hiện hiệp định đình chiến, củng cố hòa bình, thực hiện tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, thực hiện thống nhất và tranh thủ độc lập”⁽²⁾. Hình thức và phương pháp hoạt động phải hết sức linh hoạt : “Tranh thủ hợp pháp với nửa hợp pháp, kết hợp công tác hợp pháp với công tác không hợp pháp... mở rộng công tác thành thị, giữ vững phát triển công tác nông thôn”⁽³⁾.

Tháng 9/1954, để phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới, bộ chính trị Trung ương Đảng quyết định giải thể Trung ương Cục Miền Nam, lập lại xứ ủy Nam bộ, giữ nguyên Liên khu ủy V và thành lập 4 liên Tỉnh ủy. Thời kỳ này, tỉnh Lâm Đồng trực tiếp chịu sự chỉ đạo của Liên tỉnh ba⁽⁴⁾, tập trung chủ yếu là chỉ đạo phong trào ở Đà Lạt.

(1) Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ cứu nước - Tập 1 (1954 - 1965). NXB Sự thật Hà Nội 1985 trang 51.

(2), (3) Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ cứu nước - T1 (1954-1965) NXB Sự thật Hà Nội 1985 trang 68 và 70.

(4) Bao gồm tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Tuyên Đức và Lâm Đồng cũ

Lâm Đồng là một tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng của Tây Nguyên. Do đó, không những dưới thời thực dân Pháp mà sau khi nắm quyền, Mỹ-Diệm đã tập trung xây dựng Lâm Đồng làm chỗ dựa lâu dài. Về hành chính, chúng chia lại địa giới một số quận để tăng cường kiểm soát. Các cơ quan hành chính tại Đà Lạt được cấp tốc củng cố : Tòa thị chính, Ty cảnh sát, Ngân khố... Tuy triển khai chính sách tố cộng chậm hơn các tỉnh đồng bằng nhưng ở Đà Lạt và các nơi khác trong tỉnh tính chất không kém phần ác liệt. Dịch sử dụng bộ máy quân đội, cảnh sát, những tên ác ôn, chỉ điểm thực hiện chiến dịch tố cộng. Nhân dân trong tỉnh bằng nhiều hình thức đấu tranh, hoặc không tham gia tố cộng hoặc bị cưỡng ép đến lớp tập trung thì không thảo luận, tìm cách tố cáo tội ác của chúng...

Sau hiệp định đình chiến, hầu hết cán bộ Đảng viên của tỉnh trong đó có những đồng chí hoạt động ở Đơn Dương đều tập trung về chiến khu Lê Hồng Phong (Bình Thuận) chuẩn bị chuyển quân tập kết.

Trước tình hình nhiệm vụ mới của cách mạng, Liên khu ủy V và liên Tỉnh ủy ba chủ trương hướng dẫn quần chúng khắc phục khuynh hướng đấu tranh một chiều, tổ chức canh gác chống địch lòng sục, xây dựng căn cứ miền núi tạo thế đứng chân lâu dài cho phong trào địa phương.

Đơn Dương là một quận miền núi nằm về phía Nam, án ngữ đường lên Đà Lạt, nối liền giao thông với Ninh Thuận, Bình Thuận nên có vị trí chiến lược quan trọng đặc biệt. Tại đây, địch tập trung xây dựng lực lượng khá vững tạo thế khống chế trong vùng. Bằng thủ đoạn tuyên truyền xuyên tạc, lừa bịp và cưỡng bức, địch đã đưa hàng ngàn đồng bào thiên chúa giáo, đồng bào dân tộc Nùng, Tày, Hoa ở miền Bắc di cư vào Nam, bố trí các tụ điểm dọc theo đường giao thông và ở các vị trí quân sự quan trọng tại địa phương, hình thành vành đai bảo vệ xung quanh Đà Lạt. Trên đường 21Bis lập khu di cư Lạc Lâm, Lạc Viên, đường 11 lập khu Phát Chi gồm toàn đồng bào theo đạo thiên chúa giáo.

Mỹ-Diệm tập trung mở rộng, nâng cấp các công trình giao thông chính : đường 20, 21Bis đoạn thị trấn Dran-Finôm, sửa chữa các sân bay Liên Khương, B' Lao để dễ dàng cơ động, sẵn sàng đưa lực lượng quân sự đàn áp khi cần thiết. Các chi khu quân sự ở quận Dran và nhiều đồn bót được củng cố, xây dựng.

Chính quyền ngụy bành trướng bộ máy hành chính quân sự, sử dụng quân đội, cảnh sát vũ trang, vũ khí trang bị đầy đủ, có hệ thống chặt chẽ từ trên xuống tận ấp. Chúng tiến hành phân loại các đối tượng xã hội, quản lý nhân hộ khẩu, lập thẻ căn cước nhằm mục đích thanh lọc nhân dân, truy tìm cơ sở, cán bộ, Đảng viên và những

người tham gia kháng chiến, thực hiện chính sách tổ cộng ở địa phương.

Để tăng cường cho Lâm Đồng, Liên tỉnh ủy ba chọn một số cán bộ, Đảng viên chuẩn bị đi tập kết trở lại Đà Lạt làm nhiệm vụ gây cơ sở, xây dựng phong trào cách mạng. Tháng 10/1954, đoàn có 8 người theo đường bất hợp pháp lên mật khu 86 phía Đông Bắc thị xã Đà Lạt hoạt động. Nhiệm vụ chủ yếu của cán bộ, Đảng viên thời kỳ này là tạo thế hợp pháp, thâm nhập quần chúng, tham gia phong trào của công nhân, lao động đòi quyền lợi, dân sinh dân chủ. Qua đó từng bước đưa phong trào phát triển lên.

Tháng 3/1955, Ban cán sự Đảng Đà Lạt thành lập do đồng chí Đỗ Đạt Khoáng làm Bí thư. Ban cán sự chủ trương sớm ổn định tổ chức, xây dựng cơ sở nội thị và phát triển ra vùng ven. Ban cán sự phân công 2 đồng chí Hữu và Sấn trong đoàn cán bộ tăng cường cho Lâm Đồng về Đơn Dương hoạt động, lấy Đồng Thạnh làm bàn đạp liên lạc, tiếp nhận thư từ, công văn của cấp trên.

Đơn Dương là nơi có nhiều cơ sở quần chúng được xây dựng từ thời kỳ khởi nghĩa giành chính quyền và kháng chiến chống Pháp, nay chưa nối được liên lạc với tổ chức Đảng nhưng vẫn một lòng hướng về cách mạng. Trước tình hình đó, cuối năm 1954, đồng chí Võ Trọng

Yêm⁽¹⁾ từ Đà Lạt về móc nối với cơ sở quần chúng ở ấp Hòa Bình chuẩn bị điều kiện tiến hành phát triển phong trào.

Bất chấp sự đàn áp, khủng bố của kẻ thù, trong một thời gian móc nối, xây dựng của một số cán bộ, Đảng viên với cơ sở quần chúng ở địa phương, phong trào từ thị trấn Dran, Lạc Xuân, Lạc Lâm Làng đến M'lon, Bắc Hội tiếp tục được duy trì và phát triển. Trong bộ máy chính quyền quận do cài cắm được cơ sở nên ngoài việc nắm tình hình để đối phó ta còn biết để báo cho những đồng chí bị lộ kịp thời lánh tránh khỏi sự khủng bố của địch.

Tháng 8/1954, một số trí thức yêu nước tại Sài Gòn khởi xướng phong trào "Bảo vệ hòa bình". Phong trào nhanh chóng lan rộng ra nhiều địa phương ở miền Trung. Để tạo thế đấu tranh cho quần chúng và hưởng ứng nhân dân Sài Gòn, Ban cán sự Đà Lạt cử Đảng viên trực tiếp chỉ đạo phong trào, tập hợp những người yêu nước tham gia. Các đồng chí cán bộ hoạt động ở Đơn Dương đã liên lạc tiếp nhận chỉ thị của trên tổ chức quần chúng đấu tranh. Phong trào sôi nổi từ Dran, Lạc Xuân và Lạc Lâm Làng, M'lon. Hình thức hoạt động cụ thể là rải truyền

(1) Là cán bộ của Đà Lạt, khi chuyển quân tập kết bị tai nạn nên ở lại tạo thế sống hợp pháp, sau này về hoạt động lâu dài tại Sài Gòn, đã nghỉ hưu.

đơn, tán phát tài liệu đến nhân dân, binh lính nguy quyền tuyên truyền nội dung hiệp định Giơnevơ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử, tự do đi lại làm ăn. Truyền đơn được hàng trăm quần chúng và binh lính nguy chuyền tay nhau đọc.

Phong trào đấu tranh “Bảo vệ Hòa bình” có chiều hướng phát triển thì bị lộ, địch tập trung đàn áp. Nhiều cơ sở của Đà Lạt bị vỡ lan đến vùng ven. Tại Đơn Dương một cơ sở làm việc trong cơ quan hành chính quận do thiếu kinh nghiệm hoạt động bí mật đã dùng máy đánh chữ của quận đánh máy tài liệu, địch lần theo dấu vết truy tìm. Chúng bắt 13 cơ sở cách mạng bị tình nghi ⁽¹⁾. Cảnh sát quận Dran lùng tìm đồng chí Võ Trọng Yêm nhưng nhờ được cơ sở bảo vệ nên đã thoát vây, theo đường sang Đức Trọng về Đà Lạt sau đó chuyển xuống Sài Gòn hoạt động.

Địch tập trung tù nhân về quận, bức cung rồi thả ra một số chúng cho là nhẹ tội, đưa số còn lại lên nhà lao Đà Lạt. Tại đây, sau phong trào đòi hòa bình, địch giam giữ trên 200 tù nhân, trong đó có cả những người bị bắt từ Plây-cu, Buôn Mê Thuột, Đắc Lắc. Trước đòn roi tra tấn dã man của kẻ thù, những người yêu nước không hề

(1) Trong đó có những cốt cán như ông TouTiang Đơn quận phó Dran, Dương Tấn Đại ở ấp Hòa Bình, Nguyễn Lượng ở Lạc Xuân, chị Cao Thị Thu ở M'lon...

khuất phục, cuộc đấu tranh chống sự hà khắc của nhà tù, đòi cải thiện chế độ ăn uống, chống học tập tổ cộng... vẫn tiếp tục. Những ngày này, nhân dân Đà Lạt đã tận tình chăm sóc, lấy danh nghĩa làm việc từ thiện để tổ chức thăm nuôi, thông báo tình hình bên ngoài cho anh em trong nhà lao. Tình cảm quý giá đó đã giúp cho các chiến sĩ cách mạng giữ vững ý chí chiến đấu trong hoàn cảnh tù đầy. Cuối năm 1955, địch lập toà án quân sự tại Nha Trang (Khánh Hòa) xét xử những người tham gia phong trào đòi hòa bình ở Đơn Dương, kêu án tử một năm đến một năm rưỡi, giam tại khám Chí Hòa và Nha Trang.

Phong trào đấu tranh bảo vệ hòa bình ở Đơn Dương chỉ tồn tại trong vòng một tháng (11/1954) nhưng đã khơi dậy được tinh thần yêu nước, nguyện vọng mong muốn hòa bình của nhân dân, tạo khí thế cách mạng mới. Phong trào sớm bị phát hiện và đàn áp là do chủ quan, thiếu kinh nghiệm tổ chức, tập hợp quần chúng. Sau khi địch khủng bố, các cơ sở quần chúng bị nghi vấn, một số ít không bị lộ nhưng chưa hoạt động vì thiếu sự liên lạc chỉ đạo, phong trào cách mạng Đơn Dương tạm thời lắng xuống trong một thời gian.

II. củng cố lực lượng, chuyển hướng đấu tranh trong tình hình mới (1956 - 1961)

Sang năm 1956, cách mạng miền Nam đứng trước tình hình khó khăn phức tạp. Tháng 3/1956, do được Mỹ

xếp đặt, với bản chất hiếu chiến, ngoan cố, chính quyền Sài Gòn tổ chức tuyển cử riêng rẽ, bầu quốc hội lập hiến, đến tháng 10 ban hành hiến pháp mới, bầu Ngô Đình Diệm làm tổng thống. Như vậy, Mỹ-Diệm đã hoàn toàn xé bỏ hiệp định Giơnevơ, phá hoại hiệp thương thống nhất, biến miền Nam thành thuộc địa và căn cứ quân sự của Mỹ.

Tại Lâm Đồng và các tỉnh Tây Nguyên, chính quyền Ngô Đình Diệm tập trung lực lượng đánh phá phong trào cách mạng, đẩy mạnh chiến dịch tổ cộng lên mức độ cao, mở rộng địa bàn hoạt động. Bằng các thủ đoạn phân loại đối tượng trong nhân dân, chúng tổ chức các lớp tổ cộng, cứ 100 người dân dịch bố trí từ 1 đến 2 cán bộ tổ cộng để tăng cường theo dõi giám sát. Đi đôi với chính sách diệt cộng, Mỹ-Diệm ra sức dụ dỗ, mua chuộc những người có tư tưởng cầu an hưởng lạc và bọn phản động trong các tôn giáo làm tay sai cho chúng. Tại ấp, dịch lập từng nhóm liên gia từ 5 đến 10 hộ để dễ kiểm soát lẫn nhau. Chúng tăng cường bắt lính bổ sung cho ngụy quân, củng cố dân vệ, lôi kéo thanh niên vào lực lượng thanh niên chiến đấu ở xã, ấp. Hệ thống hành chính ngụy quyền được sắp xếp, củng cố từ trên xuống cơ sở. Vùng dân tộc, chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện chính sách "Dùng người dân tộc trị người dân tộc". Dịch thường xuyên cần quét, lùng sục các vùng căn cứ cũ, vùng trước đây ta đứng chân hoạt động. Cán bộ, Đảng viên và quần chúng cơ sở bị bắt bớ, tù đầy, sát

hại... Hoạt động của địch gây nhiều khó khăn cho phong trào cách mạng Đôn Dương và trong tỉnh.

Trước chuyển biến của tình hình ở miền Nam và để hỗ trợ phong trào quần chúng đấu tranh chính trị chống địch đàn áp, khủng bố những người kháng chiến cũ, tháng 5/1956 Bộ chính trị trung ương Đảng đề ra nhiệm vụ, phương châm trong giai đoạn cách mạng mới. Đối với miền Nam, Bộ chính trị nêu rõ : Tuy tình hình trong toàn quốc hiện nay là đấu tranh chính trị nhưng như vậy không có nghĩa là không dùng vũ trang tự vệ trong hoàn cảnh nhất định... Vì vậy cần củng cố lực lượng vũ trang và bán vũ trang, xây dựng căn cứ làm chỗ dựa, xây dựng cơ sở quần chúng vững mạnh làm điều kiện căn bản duy trì và phát triển lực lượng vũ trang.

Riêng vị trí chiến lược Tây Nguyên, giữa năm 1958 Trung ương Đảng ra chỉ thị : Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng không những đối với miền Nam mà còn cả Nam Đông Dương... là nơi có điều kiện tốt để xây dựng căn cứ cách mạng làm chỗ dựa cho phong trào miền Nam... phải giữ gìn và phát triển lực lượng, xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ cách mạng của ta ở miền Nam, phá tan âm mưu xây dựng trung tâm căn cứ của Mỹ - Diệm... Đó là nhiệm vụ trước mắt của Tây Nguyên.

Các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng năm 1956 và 1958 có tầm quan trọng đặc biệt đối với việc

chuyển hướng đấu tranh của phong trào cách mạng ở miền Nam và Tây nguyên.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, Liên khu ủy V tăng cường công tác xây dựng phong trào cách mạng Tây Nguyên, chủ trương phát triển phổ biến hình thức tự vệ vũ trang và hoạt động du kích ở những nơi có điều kiện thuận lợi.

Dưới sự chỉ đạo của Liên khu ủy V, Thường vụ Liên tỉnh ba quyết định tăng cường đồng chí Lê Thanh Liêm⁽¹⁾ về làm Bí thư Ban cán sự Đảng Đà Lạt. Sau khi củng cố, Ban cán sự Đà Lạt điều một số cán bộ bám xây dựng cơ sở dọc theo đường 20 nhằm duy trì đường dây liên lạc với Sài Gòn. Dựa vào quần chúng và vận dụng nhiều phương thức hoạt động linh hoạt, trong một thời gian ta đã phục hồi các cơ sở cũ, phát triển thêm 10 cơ sở mới ở vùng ven từ Định An đến Hiệp Thạnh, Đại Ninh. Đường dây công tác dọc đường 20 là một trong những hướng sau này phát triển phong trào sang địa bàn Đơn Dương.

Sau khi đã tập trung đàn áp phong trào cách mạng ở các tỉnh đồng bằng miền Trung và Nam bộ, đầu năm 1957, Mỹ-Diệm mở chiến dịch “Thượng du vận”, mục đích chủ yếu là tiến hành “tố cộng” ở miền núi Tây Nguyên. Để thực hiện được mục tiêu, chính quyền Ngô

(1) Nguyên bí thư tỉnh ủy Khánh Hòa

Đình Diệm quyết định xóa bỏ chế độ “Hoàng triều cương thổ” của Bảo Đại, tăng cường chính sách tôn giáo hóa cả ở vùng kinh và dân tộc, thực hiện âm mưu chia để trị, kích động hằn thù nhằm chia rẽ khối đoàn kết kinh thượng, xây dựng bộ máy kèm kẹp chặt chẽ hơn ở nông thôn và thành thị, đẩy mạnh hoạt động quân sự, bao vây cô lập lực lượng cách mạng.

Để củng cố ranh giới hành chính đồng thời tạo thế phòng thủ cho Đà Lạt, ngày 19/5/1958 chính quyền Ngô Đình Diệm ban hành sắc lệnh số 261/NV về việc thành lập tỉnh Tuyên Đức, chia Dran thành 3 quận : Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương. Ranh giới quận Đơn Dương về phía Đông từ ấp Phú Thuận đến vùng K67 (giáp Ninh Thuận); Từ Cầu Đất (Xuân Trường) theo dọc đường 11 và 21Bis đến Thạnh Mỹ, Bắc Hội, Bồng Lai (giáp Đức Trọng)

Chính quyền Ngô Đình Diệm xây dựng hoàn chỉnh bộ máy hành chính ở quận Đơn Dương. Quận trưởng chỉ huy chung, có 2 quận phó và một sĩ quan quân sự giúp việc. Toàn quận có 7 xã được nhập lại từ các xã trước đây. Mỗi xã chúng bắt dân bầu hội đồng xã; Đại diện xã chỉ định xã phó và người giúp việc gồm cảnh sát, quân sự, dân sự, tài chính. Từng ấp có ấp trưởng và 2 ấp phó. Ngoài ra dịch còn bố trí một đại đội cơ động của quận sẵn sàng ứng cứu khi cần thiết, một chi công an bao gồm cảnh sát, an ninh; dưới ấp, xã có lực lượng nhân dân tự

vệ. Như vậy, về cơ bản địch đã tiến hành quân sự hóa bộ máy ngục quyền. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh của nhân dân Đơn Dương chống địch khủng bố những người kháng chiến, cơ sở cũ của cách mạng, đòi được yên ổn làm ăn vẫn diễn ra khắp nơi trong quận.

Trong những năm thực hiện “tố cộng” ở miền Trung, Mỹ - Diệm đã thẳng tay bắn giết, bỏ tù nhiều cán bộ kháng chiến cũ và cơ sở cách mạng. Trước tình hình khủng bố của địch, nhiều gia đình ở Quảng Nam và một số nơi khác phải lánh tránh, vào sống tập trung ở Quảng Lạc và nhiều địa phương thuộc Đơn Dương. Đây là những nơi có điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng phong trào cách mạng của Đơn Dương trong những năm chống Mỹ. Cũng thời kỳ này, sau khi củng cố nội thị, phong trào ở Đà Lạt phát triển, mở thêm nhiều cơ sở ven đô, đã có ảnh hưởng trực tiếp tác động đối với việc mở hướng đấu tranh, xây dựng cơ sở từ Đức Trọng sang Đơn Dương.

Cuối năm 1957, đồng chí Hứa Thanh Bình từ Quảng Nam vào, sau khi tạo thế sống hợp pháp đã bắt liên lạc với các đồng chí công tác đường 20 nhận nhiệm vụ móc nối cơ sở sang Quảng Lạc (Đơn Dương). Tại đây, cơ sở cách mạng được xây dựng bắt đầu hoạt động nhưng mới ở hình thức thấp như báo cáo tình hình địch cho ta, tổ chức quần chúng vào tổ vận công giúp nhau làm ăn để

từ đó từng bước củng cố, nâng cao phong trào cách mạng của quần chúng.

Tình hình miền Nam bước sang năm 1959 có những chuyển biến quan trọng. chính sách nô dịch và gây chiến của đế quốc Mỹ, hành động khủng bố bán nước của chính quyền Ngô Đình Diệm đã làm cho nhân dân miền Nam vô cùng khốn khổ. Hòa bình, thống nhất đất nước là nguyện vọng thiết tha của toàn dân tộc.

Để đáp ứng yêu cầu bức thiết đó, ngày 15/1/1959 Ban chấp hành Trung ương Đảng mở hội nghị lần thứ 15 xác định đường lối trong giai đoạn mới của cách mạng Việt Nam. Hội nghị khẳng định : Con đường của cách mạng Việt Nam là dùng bạo lực giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình và yêu cầu cụ thể thì con đường đó là dựa vào sức mạnh của quần chúng, lấy đấu tranh chính trị của quần chúng là chủ yếu kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ sự thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân. Nghị quyết 15 của trung ương Đảng đã đề ra đường lối cách mạng miền Nam là đấu tranh chính trị song song với đấu tranh vũ trang, dùng bạo lực để giành chính quyền về tay nhân dân.

Tiếp đến, tháng 5/1959 Bộ chính trị ra chỉ thị đối với Tây Nguyên nêu rõ : Xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ vững chắc của cách mạng, tạo bàn đạp nổi thông đường hành lang chiến lược từ miền Bắc vào nam Bộ;

Tây Nguyên phải xây dựng những căn cứ cách mạng, đẩy mạnh chiến tranh du kích, mở rộng và làm chủ vùng xung yếu. Hướng chính phải nỗ lực xây dựng là Nam Tây Nguyên.

Cuối năm 1959, Thường vụ liên tỉnh ba cử đồng chí Lê Văn Hiến (Tám Hiến) lên Đà Lạt phổ biến nghị quyết 15 Trung ương cho một số cán bộ, Đảng viên tại căn cứ Xuân Thành. Nghị quyết của trung ương Đảng đã giải đáp những quan điểm tư tưởng về đường lối, phương châm, phương pháp công tác, mở ra hướng đấu tranh cách mạng của địa phương trong tình hình mới.

Thực hiện nghị quyết 15, nhân dân miền Nam đã đẩy lên phong trào Đồng Khởi từ Bến tre lan ra các tỉnh Nam Bộ, Tây Nguyên và một số tỉnh miền Trung. Phối hợp với phong trào toàn miền, Ban cán sự Liên tỉnh ba phát động quần chúng nổi dậy phá các khu tập trung của địch trở về làng cũ xây dựng căn cứ kháng chiến. Trong các năm 1959- 1960, tại các tỉnh từ Khánh Hòa đến Bình Thuận vùng giải phóng được mở rộng với 23 xã, trên 30 ngàn dân thuộc các quận Bác Ái, Khánh Sơn, Vĩnh Sơn, Tánh Linh và một phần Di Linh. đồng thời Liên tỉnh ba tích cực phát triển hướng Tuyên Đức, Lâm Đồng (cũ) nhằm xóa những vùng trắng, nối thông đường hành lang chiến lược Bắc Nam và Nam Tây Nguyên với miền Đông Nam Bộ, tạo thuận lợi cho sự chi viện của hậu phương lớn miền Bắc vào Nam.

Để tăng cường hướng Tuyên Đức, Liên tỉnh ba bổ sung cán bộ chia làm 2 mũi lên làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở, phong trào.

Một bộ phận do đồng chí Đinh Sĩ Uẩn phụ trách có 5 đồng chí từ căn cứ Bắc Ai mở hướng vùng đồng bào dân tộc ở các buôn Đồng Mang, Đa Tro, K'Si phía đông bắc Đà Lạt.

Mũi khác do đồng chí Nguyễn Lâm (Nguyễn Ứng) phụ trách có 3 đồng chí từ Tây Anh Dũng bắt liên lạc với cơ sở Proh, M'lơn phát triển về phía Nam Đà Lạt. Mũi đồng chí Nguyễn Lâm tiến hành nắm tình hình vùng K'Răng chơ, K'răng gơ để làm bàn đạp tiến sang M'lơn nhưng bị địch thường xuyên lùng sục ngăn chặn, gây khó khăn không lên được. Vì vậy, giữa năm 1960, cả hai bộ phận do đồng chí Nguyễn Lâm và Đinh Sĩ Uẩn phụ trách được lệnh nhập lại một làm nhiệm vụ mở hướng phía Bắc Đầm Ròn, xây dựng cơ sở, bắt liên lạc với lực lượng của Liên tỉnh bốn từ Đắc Lắc phát triển xuống. Đầu năm 1961, đồng chí Lê Dũng và một tiểu đội vũ trang từ miền Bắc chi viện vào được tăng cường một số cán bộ của tỉnh Ninh Thuận, thành lập đội 80 đứng chân tại phía Tây huyện Anh Dũng thay mũi đồng chí Nguyễn Lâm xây dựng phong trào Đơn Dương. Nhiệm vụ của đội là diệt ác, trừ gian, củng cố cơ sở ở Proh. Từ Proh, đội vũ trang phát triển móc nối với cơ sở vùng M'lơn nhưng địch kèm kẹp khống chế gắt gao nên quần chúng không

mạnh dạn liên lạc với ta. Do phát triển vùng kinh gặp nhiều khó khăn, đội 80 tiến xuống phía Nam thuộc xã Tà Năng; ở đây ngày đêm ta vào ra được, lực lượng cách mạng tước vũ khí của một tên địch, diệt một tên khác, làm chỗ dựa cho quần chúng đấu tranh và làm bàn đạp tiến lên hướng Đức Trọng.

Đầu tháng 2/1961, một sự kiện quan trọng diễn ra : Tại phía Bắc Đà Lạt, đội công tác của Liên tỉnh ba bắt liên lạc được với đội tuyên truyền vũ trang của Liên tỉnh bốn từ Đắc Lắc phát triển xuống. Hai đội công tác tiếp tục mở rộng phong trào ở hầu hết vùng đồng bào dân tộc hướng Đông Bắc và Tây Đà Lạt, Đức Trọng, nối liền với căn cứ phía Nam Đắc Lắc. Sau bao ngày gian nan, cán bộ chiến sĩ phải chịu đựng hy sinh thiếu thốn bảm dân gây cơ sở, việc nối thông đường hành lang Liên tỉnh ba và Liên tỉnh bốn đã tạo điều kiện đẩy mạnh phong trào cách mạng của hai địa phương, hỗ trợ cho tỉnh Tuyên Đức trong đấu tranh chính trị và củng cố thực lực cách mạng tại chỗ. Kết quả đó còn là điều kiện thuận lợi để từ Đức Trọng phát triển sang xây dựng địa bàn Đơn Dương, nơi bị địch khống chế mà các hướng có khó khăn chưa lên được.

Tại Đơn Dương, cuối năm 1960 đầu năm 1961, chính quyền Diệm triển khai xây dựng thủy điện Đa Nhim. Để bảo đảm an toàn việc xây dựng, địch bố trí lực lượng mạnh và tập trung quân bảo vệ. Chúng đóng một

đại đội bảo an khu vực đồi Lạc Thiện, dựa ưu thế điểm cao khống chế toàn thị trấn; một tiểu đoàn lính cộng hòa tại Quảng Lạc có nhiệm vụ bảo vệ công trình và đốc thúc nhân công, một đại đội lính cộng hòa khác canh gác kho tàng, cơ sở vật chất, bảo vệ chuyên viên kỹ thuật người Nhật (tại cư xá Đa Nhim hiện nay). Quận lỵ Đơn Dương có lực lượng chính quyền quận và lực lượng quân sự hỗ trợ khi xảy ra tác chiến.

Để đẩy mạnh phong trào đang phát triển ở các tỉnh cực Nam, tạo thuận lợi mở mả, mở vùng tại Tuyên Đức, giữa năm 1961 Liên tỉnh ba quyết định đánh quận lỵ Đơn Dương. Việc tập kích địch ở Đơn Dương nhằm mục đích phối hợp với chiến trường toàn miền và rút kinh nghiệm mở đầu cho những trận đánh tiếp theo đạt kết quả cao hơn, tiêu diệt sinh lực địch, thu vũ khí, cơ sở vật chất trang bị cho bộ đội của ta đang khó khăn. Trận đánh thắng lợi còn để gây niềm tin cho quần chúng, tạo đà xây dựng cơ sở. Đánh điểm Đơn Dương có tác dụng làm hoang mang quân địch tại Đà Lạt, Phan Rang vì đây là vị trí ngã ba liên hoàn với thế quân sự ở các địa phương trên.

Đánh quận lỵ Đơn Dương là lực lượng vũ trang của Liên tỉnh ba do đồng chí Mười Trung ủy viên Ban Thường vụ và một số cán bộ của Liên tỉnh ba chỉ huy. Nửa đêm 15 rạng ngày 16/5/1961 ta nổ súng tấn công. Sau khoảng 30 phút ta làm chủ trận địa ở một số mũi

đánh địch, một số hướng khác do gặp khó khăn không tiếp cận được mục tiêu. Kết quả, bộ đội của Liên tỉnh ba đã tiêu diệt và làm bị thương nhiều tên, bắt sống quận trưởng, thu 1 xe Jép, 27 súng các loại, đạn dược, tài liệu, phá hỏng một số phương tiện kỹ thuật.

Trận đánh vào quận lỵ Đơn Dương tuy chưa đạt yêu cầu đề ra nhưng mang nhiều ý nghĩa quan trọng. Lần đầu tiên lực lượng vũ trang cách mạng tấn công vào cấp quận ở Tuyên Đức thắng lợi, củng cố thêm lòng tin của quần chúng đối với cách mạng, nhân dân ven Đà Lạt nhất là ở Lạc Dương rất phấn khởi, tạo đà hỗ trợ phong trào xây dựng cơ sở trong vùng. Quân địch tinh thần hoang mang, giảm sút. Mười ngày sau chúng mới tiến hành tăng cường lực lượng, cấm người vào ra quận lỵ, tổ chức càn quét ở các khu vực như Đập La, La Bá, Lâm Tuyển và đường 11 đi Đà Lạt. Bên trong, địch củng cố bộ máy, canh phòng cẩn mật hơn.

Phối hợp với cuộc tấn công vào quận lỵ, lực lượng Ninh Thuận cùng đội vũ trang tuyên truyền 80 đột nhập vào M'lon móc nối cơ sở và đón lực lượng của khu nhưng do quân địch ở đây còn mạnh, cơ sở M'lon chưa xây dựng vững, ta tiêu hao một số ít sinh lực địch rồi rút về Proh, Tà Năng. Sau một thời gian đứng chân tại căn cứ, tháng 12/1961, chấp hành mệnh lệnh của Liên tỉnh ba, đội 80 lên sát nhập với tỉnh Tuyên Đức nhận nhiệm

vụ mới, để lại một tổ 3 cán bộ làm nòng cốt xây dựng phong trào vùng Proh, Tà Năng.

Những năm đầu bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, phong trào cách mạng Đơn Dương gặp muôn vàn khó khăn thử thách. Là địa bàn bị địch khống chế, o ép, mặc dù được Liên tỉnh ba tăng cường lực lượng, các đội công tác đã tích cực mở hướng lên Đơn Dương nhưng phong trào ở vùng kinh vẫn chưa phát triển được. Không quân ngại thiếu thốn, hy sinh, cán bộ chiến sĩ hoạt động trên địa bàn Đơn Dương vẫn kiên trì bám dân xây dựng cơ sở vùng dân tộc. Những cố gắng đó đã mang lại kết quả, phong trào cách mạng của đồng bào dân tộc được củng cố, có địa bàn đứng chân tương đối vững để từng bước phát triển về sau.

Tổn thất của phong trào ở Đơn Dương những năm đầu chống Mỹ cho ta kinh nghiệm : Phải lường hết âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, không chủ quan bộc lộ lực lượng, biết kết hợp cơ sở bên trong với các đội vũ trang tuyên truyền bên ngoài để xây dựng cơ sở. Đó là những vấn đề cơ bản bảo đảm cho việc phát triển thực lực cách mạng tại chỗ, tạo điều kiện đưa phong trào từng bước đi lên.

CHƯƠNG II :

TÍCH CỰC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG, ĐẨY MẠNH ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ KẾT HỢP ĐẤU TRANH VŨ TRANG (Tháng 6/1961 - 1968)

**I. Từ phong trào đấu tranh chính trị, đẩy mạnh
phát triển cơ sở cách mạng, chống âm mưu dồn dân
lập ấp chiến lược của địch (1961 - 1964) :**

Sau phong trào Đồng Khởi của nhân dân miền nam, tình hình cách mạng chuyển biến mạnh mẽ. Thắng lợi giành được của phong trào Đồng Khởi đã làm thay đổi cục diện chiến tranh, ta từ thế giữ gìn xây dựng lực lượng đã chuyển sang tấn công địch cả về chính trị, quân sự rộng khắp toàn miền. Tại các tỉnh Tây Nguyên và cực Nam Trung bộ phong trào đang trên đà phát triển, nhiệm vụ xây dựng bàn đạp, mở hành lang chiến lược được đẩy mạnh.

Để tập trung sự chỉ đạo đối với vùng Nam Tây Nguyên, một địa bàn quan trọng nối liền miền Đông Nam bộ có tác dụng bao vây, khống chế Sài Gòn và xây dựng căn cứ phát triển lực lượng làm chỗ dựa cho cách mạng miền Nam, tháng 7/1961 Trung ương Đảng quyết định sát nhập Liên tỉnh ba với tỉnh Đắc Lắc của Liên tỉnh bốn thành lập Khu ủy 6 trực thuộc Trung ương cực miền Nam ⁽¹⁾

(1) Khu ủy 6 bao gồm các tỉnh : Đắc Lắc, Quảng Đức, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Tuyên Đức.

Tiếp đó, tháng 8/1961 Khu ủy 6 thành lập Tỉnh ủy Tuyên Đức ⁽¹⁾, lấy phiên hiệu B8, với mục đích nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đưa phong trào của Tuyên Đức - Đà Lạt phát triển lên những bước cao hơn đồng đều với phong trào của chiến trường Khu 6.

Sang năm 1961, lực lượng quân sự của ta ở chiến trường miền Nam ngày thêm phát triển, quân giải phóng càng đánh càng mạnh, đẩy địch vào thế cô lập, bị động, mất nhiều vùng làm chủ ở nông thôn. Để đối phó với tình hình và hòng làm thay đổi cục diện chiến trường, mở rộng chiến tranh xâm lược. Đế quốc Mỹ triển khai chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" mà quốc sách là lập "Áp chiến lược". Kế hoạch Stalay-Taylor ra đời với mưu đồ bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.

Quận Đơn Dương có vị trí quan trọng án ngữ phía Nam và là ngã ba nối đường hành lang từ đồng bằng Ninh Thuận, Bình Thuận lên Đà Lạt. Ở đây địch tập trung lực lượng quân sự mạnh và coi là một trong những trọng điểm bình định của chúng ở Tuyên Đức.

Sau khi lực lượng Liên tỉnh 3 đánh vào quận lỵ, cuối tháng 5/1961 địch củng cố các đơn vị chiến đấu ở Đơn Dương và những khu vực thuộc quận Dran cũ để tạo thế liên hoàn tác chiến trong vùng. Chúng đưa một tiểu

(1) Phạm vi chỉ đạo của Tỉnh ủy Tuyên Đức là thị xã Đà Lạt và các huyện Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương.

đoàn bộ binh thuộc sư đoàn 23 ngụy về chốt giữ ở Phú Thuận. Dịch tiếp tục bổ sung quân số cho tiểu đoàn, đại đội lính cộng hòa khu vực thủy điện Đa Nhim và đại đội lính bảo an trên điểm cao đồi Lạc Thiện, thành lập ty cảnh sát Đa Nhim với nhiệm vụ bảo vệ công trình thủy điện, thanh lọc đội ngũ công nhân xây dựng công trình. Tại các xã dọc đường 21 Bis, chúng tổ chức các trung đội dân vệ, đưa lực lượng bảo an tăng cường cho phân chi khu M'lon.

Từ cuối năm 1961 đầu năm 1962, dịch đồn dân khu vực La Ba, xóm giữa xóm ngoài Quảng Lạc và Ka Đô đồng thời với việc xúc tiến xây dựng thủy điện Đa Nhim. Để làm công trình, chính quyền ngụy tuyển mộ nhân công nhiều nơi nhưng đông nhất vẫn là lao động ở Đơn Dương. Thời kỳ này, công nhân và cơ sở cách mạng có tổ chức các hình thức đấu tranh, chủ yếu là đòi quyền lợi và chống bóc lột. Bọn chủ thầu công trình thủy điện ép công nhân làm việc ngày từ 9-10 giờ, trả lương thấp, kiểm soát chặt chẽ mọi sinh hoạt. Không chịu sự bất công đó, công nhân thành lập ban đại diện đấu tranh buộc chủ phải thực hiện ngày làm việc 8 giờ, trả lương và tăng lương cho những công việc nặng nhọc, độc hại trong hầm lò. Giới chủ chấp nhận một số yêu sách.

Ka Đô là vùng đất rừng chưa khai thác. Khi chuyển dân vào, dịch chia làm 3 khu vực : Quảng Hiệp, Nghĩa Hiệp, Nam Hiệp. Vùng Quảng Hiệp đa số nhân dân ấp

Quảng Lạc. Do biết ở đây có nhiều cơ sở cách mạng, là đối tượng có vấn đề, chúng phân biệt đối xử. Cơ sở quần chúng của ta đã vận động nhân dân đấu tranh buộc chính quyền ngụy phải đền bù số tiền di chuyển đúng như những nơi khác, cày ủi đủ số đất cho những hộ còn thiếu trong ấp, chống âm mưu lấy đất lập đồn điền⁽¹⁾.

Trên phạm vi của tỉnh Tuyên Đức, cũng vào thời điểm cuối năm 1961, địch hành quân bình định vùng B (Bắc Đà Lạt), ta tiến hành phát động quần chúng giữ dân. Vì vậy sang đầu năm 1962, vùng làm chủ trong Tỉnh đã mở rộng từ Đông và Bắc thị xã Đà Lạt đến phía tây Đức Trọng nối liền với phía Nam tỉnh Đắk Lắk. Phong trào đô thị và vùng ven Đà Lạt dần dần được khôi phục, đường hành lang của Tỉnh với Khu ủy 6 nối thông. Đó là điều kiện vô cùng thuận lợi cho phong trào của Tuyên Đức tiến lên những bước mới, nhất là trong việc giành dân lấn đất tranh chấp với địch.

Tuy nhiên, trong năm 1962 địch cũng tập trung thực hiện kế hoạch bình định ở thị xã Đà Lạt và cả 3 quận của Tuyên Đức. Một số nơi chúng xây dựng thí điểm ấp chiến lược như Đời Mới (Đơn Dương), Gia Thạnh (Đức Trọng), BNrA (Lạc Dương) và xây dựng ấp kiểu mẫu

(1) Chính quyền ngụy có âm mưu dồn dân Quảng Hiệp sang Nghĩa Hiệp để lấy đất lập đồn điền, nhân dân đấu tranh mạnh mẽ buộc chúng phải từ bỏ ý đồ.

trong các khu tập trung dân ở xã Lát, Du Tơ Nang (Lạc Dương). Dịch tăng cường hoạt động quân sự, sử dụng các đơn vị vũ trang càn quét sâu vào căn cứ của ta, dồn dân về vùng do chúng kiểm soát. Đi đôi với lập ấp chiến lược, chính quyền ngay tiến hành phân loại quần chúng, lập sổ đen theo dõi những gia đình tham gia kháng chiến, kiểm soát chặt chẽ các liên gia, cài cắm chỉ điểm, phân hóa chia rẽ nhân dân với cách mạng.

Trước tình hình đó, để kịp thời đánh bại âm mưu của địch, đầu tháng 3/1962, Tỉnh ủy Tuyên Đức họp mở rộng với Ban cán sự Tỉnh đội đánh giá phong trào cách mạng địa phương, xác định phương hướng trong thời gian tới. Sau khi phân tích những thuận lợi, khó khăn, hội nghị đề ra nhiệm vụ: Vừa tranh thủ củng cố vùng làm chủ, chống địch dồn dân lập ấp chiến lược đồng thời đẩy mạnh hoạt động trong vùng địch kiểm soát, mở rộng vùng ven Đà Lạt. Hội nghị chỉ rõ chủ trương cụ thể ở từng vùng, vận động quần chúng đấu tranh chính trị kết hợp với hoạt động của lực lượng vũ trang tiêu hao sinh lực địch, diệt ác trừ tề, hỗ trợ cho nhân dân đấu tranh chống dồn dân lập ấp chiến lược.

Cuộc đấu tranh chống địch bình định, dồn dân diễn ra vô cùng quyết liệt trên địa bàn tỉnh trong suốt năm 1962. Tuy nhiên, đến giữa năm 1963, địch đã xây dựng tại Đơn Dương một số ấp chiến lược kiểu mẫu, dùng lực lượng quân đội, cảnh sát, dân vệ cường bức dân rào làng

lập ấp ở Phú Thuận, Hòa Bình, Lạc Xuân, Đồng Thanh, M'lon... chúng thường xuyên có lực lượng kiểm soát hoạt động của dân trong các ấp chiến lược vùng nông thôn, phát hiện trấn áp cơ sở, ngăn chặn quần chúng liên lạc, móc nối với cách mạng. Đi đôi với chính sách dồn dân, lập ấp chiến lược, địch còn dùng nhiều thủ đoạn mua chuộc bằng vật chất, chữa bệnh không lấy tiền dưới danh nghĩa từ thiện để tranh thủ lòng dân. Trong vùng đồng bào dân tộc, chúng đào tạo hàng loạt mục sư, thầy giảng đạo tin lành, dùng thần quyền giáo lý đầu độc quần chúng, tuyên truyền xuyên tạc chia rẽ bà con dân tộc với cách mạng. Trước âm mưu thủ đoạn của địch, cuộc đấu tranh của nhân dân Đôn Dương chống quốc sách lập "Ấp chiến lược" đã diễn ra dai dẳng, quyết liệt trong nhiều năm để xây dựng cơ sở, phong trào cách mạng.

Trên phạm vi toàn tỉnh Tuyên Đức, 1963 là năm địch tập trung phản kích ác liệt, vừa gom dân chúng vừa sử dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ lương thực, thực phẩm, ngăn chặn vận chuyển từ nơi này đến nơi khác không để nhân dân tiếp tế cho cách mạng. Biện pháp triệt tiêu về kinh tế của địch làm nhiều nơi trong vùng giải phóng của tỉnh thiếu đói nghiêm trọng, các đơn vị phải ăn rau rừng thay cơm, địa bàn hoạt động của ta bị thu hẹp do địch đánh phá ác liệt.

Trước tình hình đó, tháng 5/1963 Khu ủy 6 quyết định giải thể Tỉnh ủy Tuyên Đức, rút gọn bộ máy thành

Ban cán sự Đảng Tuyên Đức - Đà Lạt. Phạm vi, nhiệm vụ chỉ đạo của ban cán sự tập trung cho phong trào Đà Lạt, trên trục đường 11, 20, 21 Bis và một số địa bàn vùng đồng bào dân tộc của tỉnh. Mạng Tây Bắc Đức Trọng giao cho tỉnh Quảng Đức chỉ đạo. Đội công tác do đồng chí Lê Dũng phụ trách từ phía Tây Bắc chuyển về hoạt động gây cơ sở Bắc đường 20, tạo thế đứng chân cho Đà Lạt. Từ địa bàn này các đồng chí phát triển sang hướng Đơn Dương tổ chức móc nối gây cơ sở.

Điểm lại sau một thời gian mở vùng xây dựng cơ sở (từ cuối 1959 đến cuối 1961), các đội vũ trang tuyên truyền do đồng chí Nguyễn Lâm, Lê Dũng phụ trách, được lệnh của Liên tỉnh 3 đã cố gắng từ phía Tây Ninh Thuận mở lên hướng Đơn Dương nhưng mới xây dựng được phong trào vùng đồng bào dân tộc, khu vực đồng vào kinh dọc đường 21Bis một mặt bị địch cản quét vòng ngoài cản trở, mặt khác do quần chúng bị theo dõi khống chế, nhiều lần lực lượng ta vào móc nối ở M'lon, Đồng Thạnh nhưng cơ sở chưa dám mạnh dạn liên lạc. Vì vậy, từ năm 1962 trở đi, việc phát triển phong trào cách mạng trong vùng kinh ở Đơn Dương đứng trước yêu cầu khẩn trương hơn. Năm 1963, được sự chỉ đạo của ban cán sự Đảng Tuyên Đức - Đà Lạt một bộ phận công tác đứng chân tại Xuân Trường ⁽¹⁾ đã liên lạc, giao nhiệm vụ cho đồng chí Đoàn Hải (Tám Hải) chấp nối xây dựng các cơ

(1) Do đồng chí Nguyễn Lâm Phụ trách.

sở ở Phú Thuận⁽¹⁾, trong đó có những cơ sở bị mất liên lạc nay trở lại hoạt động.

Đầu năm 1964, đội công tác Bắc đường 20⁽²⁾ rút đồng chí Hứa Thanh Bình thoát ly và giao nhiệm vụ móc nối liên lạc với cơ sở cách mạng ở Ka Đô, chủ yếu là ấp Quảng Hiệp. Quảng Hiệp là ấp có nhiều gia đình tham gia cách mạng từ thời kỳ chống Pháp và đầu chống Mỹ bị địch khủng bố phải lánh tránh đến Đơn Dương. Việc chọn Quảng Hiệp để xây dựng phong trào có nhiều thuận lợi, ở đây có số dân đông, địch không khống chế được quần chúng, đường liên lạc ra căn cứ thuận tiện.... Sau khi móc nối được với cơ sở tại Quảng Hiệp, đội vũ trang tuyên truyền đường 20 thành lập một mũi công tác gồm các đồng chí Nguyễn Văn Tâm (Sáu Tuấn), Hứa Thanh Bình, đồng chí Kim⁽³⁾, trực tiếp hoạt động ở vùng Ka Đô, Bắc Hội. Từ các cơ sở ở Quảng Hiệp, các đồng chí đã phát triển phong trào sang một số cơ sở ở Nghĩa Hiệp. Đường dây Đức Trọng qua Bắc Hội đến Ka Đô đã nối thông liên lạc, tạo thuận lợi cho sự chỉ đạo của Ban cán sự Đảng Tuyên Đức - Đà Lạt đối với địa bàn Đơn Dương. Phong trào cách mạng được xây dựng ngày càng phát triển, cơ sở quần chúng tích cực hoạt động, cung cấp cho ta tình hình địch, nuôi dưỡng cán bộ, dự trữ lương

(1) Như Trương Bửu, Hà Văn Phú, Cao Hòa (Cao Heo) v.v...

(2) Đội vũ trang tuyên truyền Bắc đường 20 còn gọi là đội vũ trang tuyên truyền khu Gia Lâm

(3) Đồng chí Kim là cán bộ quân sự, đã hy sinh trong chiến đấu.

thực, thực phẩm tiếp tế cho cách mạng.

Như vậy, sau khi tích cực thực hiện chủ trương của Ban cán sự Đảng Tuyên Đức - Đà Lạt, phong trào cách mạng trong vùng đồng bào kinh Đơn Dương đã có bước phát triển, ta xây dựng được cơ sở ở Quảng Hiệp, Phú Thuận, Bắc Hội và một số nơi khác, tập hợp quần chúng vào các tổ chức cách mạng, làm nhiệm vụ tiếp tế, bảo vệ cán bộ, chuẩn bị lực lượng tại chỗ cho kháng chiến những năm tiếp theo.

Nhận biết phong trào cách mạng trong huyện đang phát triển, địch thường xuyên đem quân lùng sục, kiểm tra phát hiện cơ sở và đường dây liên lạc từ trong ra căn cứ. Để tạo thế hợp pháp, một số quần chúng ở Ka Đô đấu tranh với giáo hội Phật giáo của quận để thành lập hội gia đình phật tử, thực chất là tạo điều kiện hoạt động cách mạng ⁽¹⁾. Thông qua hình thức trên và đi sâu vận động tại cơ sở ta đã tập hợp, giác ngộ một số đồng thanh niên vào tổ chức, chuẩn bị lực lượng thoát ly sau này.

Qua 4 năm (1961 - 1964) thực hiện bình định, về cơ bản địch đã gom dân lập ấp chiến lược ở các khu vực xung quanh Đà Lạt và các quận Lạc dương, Đức Trọng, Đơn Dương. Để thực hiện nhiệm vụ mở mang, giành dân

(1) Đồng chí Huỳnh Hạnh làm trưởng ban nghi lễ. Huỳnh Minh Xuyên làm huynh trưởng, những đồng chí này về sau đều thoát ly ra căn cứ. Đ/c Huỳnh Hạnh đã hy sinh.



Chùa Giác Ngộ (Kadô), nơi móc nối liên lạc của cán bộ và quần chúng cách mạng thông qua hình thức hoạt động của Hội gia đình Phật tử trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

dưới sự chỉ đạo của Ban cán sự Đảng Tuyên Đức - Đà Lạt, tháng 7/1964 lực lượng vũ trang của tỉnh đã đột nhập vào nhà máy chè Cầu Đất, ấp Đất Làng, Xuân Sơn (Xuân Trường) bắt bọn tề điệp, giải tán bộ máy kèm, phát động quần chúng gây cơ sở. Trên đường 20, đội vũ trang tuyên truyền đột ấp, tấn công vào một trung đội dân vệ và phân chi khu nguy tại FiNôm, làm cho tề điệp hoang mang, hỗ trợ tích cực phong trào cách mạng của Đơn Dương, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân vùng đồng bào kinh tự động phá vỡ hàng rào, dần dần làm mất tác dụng của ấp chiến lược.

Ở vùng đồng bào dân tộc, phong trào cách mạng được củng cố và phát triển. Tại Đrôn (Thanh Mỹ), một ấp có 35 hộ người dân tộc, nhiều lần địch dồn dân ra dọc đường 21 Bis nhưng không thực hiện được. Chúng rào ấp, phát súng cho dân, đồng bào đã dỡ bỏ rào, làm thất bại âm mưu lập ấp chiến lược ở đây. Từ phong trào đấu tranh của quần chúng, ta tuyên truyền vận động xây dựng cơ sở, nhân dân đã kịp thời thông báo tình hình địch cho cách mạng. Tại các ấp ở Lạc nghiệp, Lạc Xuân, Ka Đô, K'Đơn, Bắc Hội đồng bào đấu tranh với một số chức sắc người dân tộc bao chiếm đất đai. Cuộc đấu tranh diễn ra quyết liệt trong nhiều năm đòi quyền lợi của đồng bào đã thu được kết quả.

Vừa xây dựng vừa củng cố, kết hợp hoạt động vũ trang diệt ác trừ gian với mở mang mở vùng xây dựng cơ

sở, phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ nhiều nơi ở Tuyên Đức. tại một số ấp, đoàn thể quần chúng được thành lập và đi vào hoạt động, bảo đảm đường dây liên lạc, tiếp tế cho đơn vị ở căn cứ. Bọn tề điệp không còn hung hăng khống chế quần chúng như trước. Cùng với phong trào cách mạng trong tỉnh, cơ sở quần chúng ở Ka Đô, Lạc Nghiệp, Xuân Trường được xây dựng đã có tác động hỗ trợ lẫn nhau, tạo thành vùng đứng chân phía nam thị xã Đà Lạt, giúp cho sự phát triển phong trào cách mạng tiến lên đồng đều trong toàn tỉnh. Cuối năm 1964, thực lực tại chỗ ở Đơn Dương đã có bước phát triển mới.

II. Thành lập ban cán sự Đảng Đơn Dương, tiếp tục phát triển lực lượng và mở rộng địa bàn làm chủ (1965 - 1967) :

Đầu năm 1965 chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” đứng trước nguy cơ thất bại. Trên các chiến trường từ Quảng Trị đến Nam bộ, quân và dân ta đã tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận lớn sinh lực địch. Hồng cứu nguy cho chế độ Sài Gòn khỏi sụp đổ, đế quốc Mỹ quyết định đưa quân can thiệp trực tiếp vào miền Nam Việt nam, chuyển từ chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” sang “Chiến tranh cục bộ”. Hơn nửa triệu quân Mỹ, chư hầu ở miền Nam cùng với việc đẩy mạnh chiến tranh phá hoại miền Bắc, đế quốc Mỹ và tay sai thực sự đã đưa cuộc

chiến tranh xâm lược lên mức độ khốc liệt trên cả đất nước ta.

Tại chiến trường Tuyên Đức, địch tăng cường lực lượng, đưa các đơn vị pháo binh, biệt kích Mỹ và đại đội công binh Úc đến Đà Lạt, xây dựng trung tâm thông tin Núi Bà, đài ra đa Cầu Đất, mở rộng sân bay Cam Ly. Vùng nông thôn chúng thành lập thêm 12 đoàn bình định đưa tổng số lên 24 đoàn hỗ trợ cho bộ máy nguy quyền các cấp. Địch liên tục càn quét, kiểm soát hoạt động của nhân dân trong các ấp chiến lược hòng đẩy các đội công tác của ta ra khỏi địa bàn có cơ sở quần chúng.

Ở Đơn Dương, nguy quyền tăng cường bộ máy từ quận đến ấp. Mỗi xã chúng bố trí từ 1-2 trung đội dân vệ làm chỗ dựa cho bộ máy kèm. Trên các trục đường 11, 21 Bis và khu dân cư chúng xây dựng các cứ điểm do quân nguy chốt giữ. Ngoài hệ thống hành chính, quân sự, địch còn hình thành các tổ chức chính trị như "lực lượng cách mạng Việt nam", "Đoàn thanh niên công tác xã hội", "Đoàn cán bộ y tế" để một mặt lừa bịp, chia rẽ quần chúng với cách mạng, mặt khác dùng bọn này kết hợp với bọn an ninh các xã dò la tình hình nội bộ ta, tìm hiểu cơ sở để đánh phá phong trào cách mạng địa phương. Đi đôi với hoạt động quân sự, gián điệp, biệt kích, địch khống chế bán gạo cho dân, bỏ tiền mua vét lương thực, cấm vận chuyển hàng hóa từ nơi này đi nơi khác. Chính sách bao vây kinh tế của địch đã làm cho

đời sống nhân dân nhiều vùng thiếu đói, việc tiếp tế cho cách mạng gặp nhiều khó khăn.

Mặc dù đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn đẩy mạnh chiến tranh bằng chiến lược “chiến tranh đặc biệt” sau đó là “chiến tranh cục bộ” nhưng lực lượng vũ trang miền Nam vẫn càng đánh càng mạnh, tương quan lực lượng thay đổi có lợi cho ta. Tại chiến trường khu 6, lực lượng vũ trang mở các chiến dịch Đông Xuân và hè năm 1965 với quyết tâm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, mở rộng vùng làm chủ ở nông thôn, tạo thế và lực mới. Ban cán sự Đảng Tuyên Đức - Đà Lạt chủ trương động viên quân và dân kết hợp đấu tranh vũ trang, chính trị với binh vận, tích cực phá kềm, phá áp chiến lược, tiêu hao và làm tan rã sinh lực địch. Đối với Đơn Dương và các quận đẩy mạnh phát triển phong trào quần chúng, xây dựng cơ sở, động viên một bộ phận thanh niên thoát ly tham gia cách mạng.

Thực hiện chủ trương của tỉnh, các đơn vị vũ trang đã tập kích một số nơi, gây cho địch nhiều thiệt hại : Tháng 1/1965 đánh đồn cảnh sát Trại Mát tiêu diệt một tiểu đội, ngày 12/3 diệt gọn trung đội dân vệ và phá áp chiến lược Hoạt (Đức Trọng), tháng 9/1965 tập trung lực lượng đánh đồn và phá áp chiến lược Tiêng Liêng (Lạc Dương)... Phía Nam Đà Lạt, phong trào của Đơn Dương tiếp tục được xây dựng, phát triển thêm 30 cơ sở quần chúng ở ấp Quảng Hiệp. Đường dây liên lạc, tiếp tế luôn

bảo đảm, quần chúng dù bị địch kiểm soát, o ép nhưng vẫn tìm cách dự trữ lương thực, thực phẩm đưa ra ngoài cho cách mạng. Đợt đầu trong năm 1965, thông qua công tác vận động tại cơ sở, ta đã rút 36 thanh niên, quần chúng giác ngộ ở Ka Đô, Quảng Hiệp bổ sung cho các đội công tác, các cơ quan của tỉnh và huyện.

Để ứng sự phát triển của phong trào cách mạng và yêu cầu chỉ đạo của địa phương, tháng 10/1965 Khu ủy 6 quyết định thành lập lại Tỉnh ủy Tuyên Đức, giao mảng Đức Trọng đã cắt về Quảng Đức cho tỉnh. Đối với công tác tổ chức, đây là một sự kiện quan trọng nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở Tuyên Đức, đưa phong trào của tỉnh phát triển lên.

Sau khi thành lập, Tỉnh ủy tiến hành củng cố tổ chức, sắp xếp bộ máy nhằm bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với các địa bàn trong tỉnh. Cuối tháng 12/1965, Tỉnh ủy mở hội nghị quán triệt các nghị quyết của Trung ương Đảng, nghị quyết Trung ương cục miền Nam và Khu ủy 6 về tình hình Mỹ trực tiếp đưa quân can thiệp vào Nam. Hội nghị đánh giá, kiểm điểm sự lãnh đạo trong năm 1965 và đề ra nhiệm vụ năm 1966.

Về tình hình năm 1965, hội nghị nhận định : Phong trào cách mạng trong tỉnh có bước chuyển biến, lực lượng vũ trang đã tích cực đột áp, phá kềm, đẩy mạnh công tác xây dựng cơ sở vùng ven thị xã Đà Lạt, nhất là ở các đường quốc lộ 11, 20, 21 Bis. Tuy ta mở chưa

nhiều các trận đánh, số lượng địch bị tiêu hao, tiêu diệt còn ít so với yêu cầu của chiến trường nhưng đã có tác dụng hỗ trợ phong trào quần chúng phá ấp, diệt tề làm cho địch hoang mang lo sợ.

Đối với nhiệm vụ năm 1966, hội nghị chủ trương : Tiếp tục tiêu hao sinh lực địch, phá vỡ bộ máy kèm kết hợp với công tác xây dựng cơ sở bên trong, củng cố căn cứ vùng ven Đức Trọng, phát triển phong trào những nơi còn yếu, tạo đường hành lang phía Tây Nam nối với Đà Lạt.

Nhận thấy ở Đơn Dương phong trào tuy có phát triển nhưng chưa đồng đều với các nơi, Tỉnh ủy quyết định tăng cường cán bộ để xây dựng cơ sở, mở rộng địa bàn làm chủ. giữa năm 1966, các đồng chí Chế Đăng, Lê Dũng và một số cán bộ, chiến sĩ được tăng cường về hoạt động ở Đơn Dương. Để tập trung sự lãnh đạo, đưa phong trào phát triển, ngày 10/6/1966 hội nghị tỉnh ủy họp ở chân núi K'ré (Tây Đức Trọng), quyết định thành lập Ban cán sự Đảng Đơn Dương gồm 3 đồng chí, chỉ định đồng chí Chế Đăng làm bí thư và 2 ủy viên là đồng chí Lê Dũng, Sơn Hải. Sự ra đời của Ban cán sự Đảng có ý nghĩa rất quan trọng, sau mấy mươi năm bị gián đoạn Đơn Dương lại có tổ chức Đảng cao nhất lãnh đạo. Việc thành lập Ban cán sự Đảng là kết quả tất yếu của quá trình bền bỉ cách mạng, vượt qua gian lao thử thách, vừa xây dựng cơ sở, phong trào vừa từng bước hoàn thiện về mặt tổ chức của Đảng bộ Đơn Dương.



*Đồng chí Chế Động, Bí thư Ban cán sự Đảng
Đơn Dương (6/1966 - 4/1968) và Bí thư Huyện ủy
Đơn Dương (4/1968 - 7/1971)*

Sau khi thành lập, Ban cán sự đề ra một số chủ trương cấp bách trước mắt nhằm mở rộng địa bàn, phát triển lực lượng tại chỗ, chọn hậu cứ đứng chân bảo đảm hoạt động chỉ đạo phong trào. Ban cán sự chia làm 2 bộ phận thực hiện nhiệm vụ.

Tháng 8/1966, đồng chí Lê Dũng được ủy nhiệm của Tỉnh ủy Tuyên Đức cùng một số cán bộ xuống liên hệ nhận lại địa bàn vùng Proh, Tu Tra trước đây Liên tỉnh 3 giao cho Ninh Thuận đồng thời tiếp nhận một tiểu đội người dân tộc (Rắc Lay) có đồng chí Hoàng Trinh tăng cường cho Đơn Dương, nghiên cứu bố trí vị trí đứng chân cơ quan huyện ở vùng Ya-oa-ma-nhông. Khu vực này là căn cứ thuộc địa bàn huyện Anh Dũng giáp ranh với Đơn Dương, có điều kiện sản xuất tự túc, thuận lợi để móc nối liên lạc với đồng bào dân tộc phía Nam của huyện, từ đó phát triển lên cơ sở vùng kinh.

Đồng chí Chế Đặng phụ trách chung nắm lại toàn bộ tình hình, củng cố đường dây cơ sở. Từ Ka Đô, đồng chí Chế Đặng và một số cán bộ đi Phú Thuận móc lại các cơ sở do đồng chí Đoàn Hải xây dựng. Sau một thời gian ngắn, cơ sở cách mạng đã phát triển đến ấp Hòa Bình, cây số 3 Lạc Xuân, Lạc Bình trong đó có những quần chúng là cơ sở cũ từ thời kỳ kháng chiến chống Pháp hoặc đã hoạt động trong phong trào đòi hòa bình trước đây. Đường dây từ Bắc Hội qua Ka Đô đến Lạc

Xuân, Phú Thuận dần dần được nối thông, lực lượng quần chúng cách mạng phát triển.

Cũng vào cuối năm 1966, một bộ phận 4 đồng chí đội công tác xã Xuân Trường đã đột nhập ấp Đồng Thạnh tước vũ khí của dân vệ đóng tại ấp, cảnh cáo tên ấp trưởng trước dân, tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, hỗ trợ phong trào ở Đơn Dương.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển và mở rộng phong trào, trong năm 1966 Ban cán sự Đảng thành lập các mũi công tác từ 5 -6 đồng chí⁽¹⁾. Sang năm 1967, chính thức thành lập 4 đội công tác vùng kinh và 1 tổ công tác vùng dân tộc. Đội K1 do đồng chí Mai Thanh làm đội trưởng, từ Hồ Tiên hoạt động xây dựng cơ sở ở Thạnh Nghĩa, Hòa Lạc, M'lon, M'răng, Lạc Lâm Làng, Lạc Sơn đến Suối Thông, Bắc Hội. Đội K2 khu vực Lạc Xuân đến các ấp Quảng Lạc, Lạc Quảng, Lạc Thiện (Lạc Nghiệp). Đội K3 đồng chí Sơn Hải làm đội trưởng, chịu trách nhiệm vùng thị trấn và các ấp của Lạc Nghiệp, ấp Phú Thuận. Địa bàn Ka Đô do đội K4 đảm nhiệm, đồng chí Luận phụ trách⁽²⁾. Khu vực đồng bào dân tộc Proh, K'đơn giao cho đồng chí Hoàng Trinh đảm nhiệm.

(1) Bộ phận công tác Ka Đô do đồng chí Luận phụ trách, vùng dân tộc đồng chí Hoàng Trinh phụ trách.

(2) Tháng 11/1967, khi tăng cường về Đơn Dương, đồng chí Nguyễn Phú Hộ được chỉ định làm đội trưởng K4

Sau khi củng cố tổ chức, đề ra chủ trương và phân công địa bàn hoạt động cụ thể, Ban cán sự Đảng Đơn Dương chỉ đạo các đội công tác trên tinh thần quán triệt các nghị quyết của Đảng, nâng cao nhận thức tư tưởng, bám cơ sở, phối hợp với lực lượng của tỉnh diệt ác trừ gian, phát động quần chúng đấu tranh chống địch. Nhờ có sự chỉ đạo thống nhất, phong trào cách mạng ở Đơn Dương đã chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng. Ngoài cơ sở cũ đã xây dựng, mỗi đội công tác phát triển thêm từ 5-10 cơ sở quần chúng mới. Phong trào thanh niên gia nhập lực lượng vũ trang cách mạng và bổ sung cho các đội công tác không những chỉ ở Ka Đô mà lan rộng đến các địa bàn khác trong huyện. Từ hoạt động vũ trang kết hợp với phong trào quần chúng nổi dậy diệt ác, phá kềm đã góp phần làm thất bại âm mưu thủ đoạn của địch ở nhiều xã, ấp.

Bước vào mùa khô năm 1966 - 1967, bọn địch ở Tuyên Đức tập trung lực lượng thực hiện kế hoạch tìm diệt và bình định, trọng tâm là bình định vùng nông thôn hòng đẩy lực lượng ta ra xa đô thị và căn cứ của chúng. Để thực hiện được kế hoạch bình định đề ra, địch mở rộng càn quét vùng căn cứ, lùng sục tìm diệt các đội vũ trang, phục kích những tuyến đường có lực lượng cách mạng qua lại với sự yểm trợ của máy bay và pháo binh. Kết hợp với bao vây kinh tế, chúng đưa các đoàn bình định về nông thôn, củng cố bộ máy ngụy quân, ngụy quyền ở cơ sở.

Tại Đơn Dương, địch ráo riết mở các cuộc càn quét ở Phú Thuận, Hòa Bình, khu vực Suối Tre (Ka Đô) ngăn cản ta từ căn cứ đột nhập vào ấp xây dựng cơ sở, nhận tiếp tế. Chúng tiếp tục củng cố các ấp chiến lược, bắt đồng bào rào làng, tăng cường mật báo, gián điệp để phát hiện cơ sở, ngăn lực lượng ta vào liên lạc.

Trước tình hình địch và diễn biến của phong trào cách mạng, cuối năm 1966 Tỉnh ủy Tuyên Đức mở hội nghị kiểm điểm công tác trong năm, đề ra chủ trương đẩy mạnh tiêu diệt địch, bám dân của lực lượng vũ trang và các đội công tác, đánh vào các đoàn binh định diệt ác, phá kềm, xây dựng thực lực cách mạng tại chỗ, chú trọng ở địa bàn tranh chấp, trục giao thông, nhất là đường 20 và 11.

Để phối hợp cùng quân dân trong tỉnh, Ban cán sự Đảng Đơn Dương một mặt ổn định tổ chức, cơ sở và thực lực cách mạng, mặt khác chủ trương vũ trang đột nhập ấp tiêu diệt địch hỗ trợ phong trào quần chúng, mở rộng vùng làm chủ khi có điều kiện. Hướng Phú Nhuận, Lâm Tuyên, Ka Đô, các cơ sở quần chúng được củng cố vững chắc. Thông qua các hộp thư mật, cơ sở cách mạng thường xuyên thông báo tình hình địch để ta chủ động đánh địch hoặc kịp thời đối phó khi chúng mở các cuộc càn quét. Tại căn cứ cơ quan, Ban cán sự tổ chức cán bộ, chiến sĩ sản xuất tự túc, chăn nuôi giải quyết khó khăn về đời sống, bảo đảm công tác chiến đấu.

Sau khi trải qua thử thách trong đấu tranh, một số cốt cán ⁽¹⁾ ở Phú Thuận trưởng thành và được kết nạp vào Đảng. Nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo tại cơ sở, tháng 2/1967, chi bộ Phú Thuận thành lập, có 3 Đảng viên, do đồng chí Đoàn Hải làm bí thư. Chi bộ Phú Thuận đã hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động của các đoàn thể như Đoàn Thanh niên giải phóng ⁽²⁾, hội phụ nữ, du kích mật, động viên thanh niên địa phương thoát ly tham gia kháng chiến.... Chi bộ còn tổ chức phối hợp hoạt động của cơ sở với đội công tác và lực lượng vũ trang của huyện đánh địch bằng nhiều hình thức linh hoạt, vận động binh lính ngụy bỏ hàng ngũ địch trở về làm ăn ⁽³⁾. Hoạt động của chi bộ được nhân dân tin nhiệm và làm cho địch lúng túng, nhiều tên ác ôn lo sợ không dám ra mặt chống đối

-
- (1) Trong số 5 cơ sở do đội công tác Xuân Trường chấp nối với đồng chí Đoàn Hải xây dựng năm 1963 có 3 quần chúng được kết nạp vào Đảng.
- (2) Chi đoàn thanh niên giải phóng Phú Thuận có đồng chí Liên (Chi đoàn trưởng), Kiệt, Thắng, Minh và một số đồng chí khác.
- (3) Quá trình hoạt động, chi bộ Phú Thuận đã rút 30 Thanh niên thoát ly bổ sung cho các đơn vị của huyện và tỉnh, cùng bộ đội và đội công tác diệt ác, đánh mình phá 4 đầu máy xe lửa tuyến Tháp Chàm - Đà Lạt, làm binh vận một số lính ngụy... xây dựng tổ du kích mật 5 đồng chí.

như trước. Âm mưu lập ấp chiến lược khu vực Phú Thuận, Hòa Bình địch không thực hiện được.

Trong suốt quá trình tồn tại, mặc dù bị địch theo dõi khăng bố⁽¹⁾ nhưng chi bộ Phú Thuận đã có những đóng góp quan trọng cho phong trào cách mạng ở Đơn Dương thời kỳ chống Mỹ.

Đơn Dương còn một khu vực rộng lớn nằm về phía Đông Nam thuộc vùng Tà In, Loan, Tà năng. Ở đây là nơi có vị trí chiến lược quan trọng giáp ranh 4 tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận, Tuyên Đức, Lâm Đồng (cũ). Trong 2 cuộc kháng chiến, sự chi viện từ đồng bằng lên Tuyên Đức - Đà Lạt phải đi qua vùng Loan, Tà In. Ngoài vị trí chiến lược về mặt quân sự, Loan, Tà In còn là vùng lương thực, thực phẩm, nếu xây dựng thành căn cứ cách mạng sẽ thuận lợi cho việc tiếp tế, không phải đưa từ Ninh Thuận, Bình Thuận lên Tuyên Đức, giảm bớt khó khăn trong vận chuyển lương thực, thực phẩm.

Tuy là vùng đất thuộc Đơn Dương nhưng do lực lượng của huyện thiếu, hoạt động chủ yếu dọc đường 21Bis, 11, chưa đủ sức triển khai xây dựng phong trào khu vực Loan, Tà In. Trước đây, Tỉnh ủy Ninh Thuận

(1) Bị địch nghi ngờ nên nhiều lần bắt giam đồng chí Bí thư chi bộ, huyện phải rút đồng chí Bí thư ra hậu cứ. Chi bộ Phú Thuận hoạt động đến đầu năm 1972 thì tự giải tán vì Đảng viên bị lộ phải thoát ly không đủ điều kiện duy trì một cơ sở Đảng.



*Đồng chí Chamalê Nghêo, Ủy viên Ban cán sự
Đảng vùng K67*

giao nhiệm vụ cho huyện Anh Dũng đưa một mũi vũ trang tuyên truyền lên Tà Năng (vùng Ka giăng, Ích giăng), huyện Bắc Bình (Bình Thuận) đưa một đội vũ trang hoạt động ở Tà In, La Hoang, Sốp, Ma am, Kri gio nhưng vì Ninh Thuận, Bình Thuận cũng gặp khó khăn trong việc mở mảng, mở vùng ở đồng bằng nên các mũi công tác lên hoạt động có nhiều hạn chế.

Trước tình hình đó, khu ủy và quân khu 6 quyết định đưa lực lượng lập căn cứ, giải quyết vùng “trắng” của Đơn Dương, tạo bàn đạp nối liền Di Linh (Lâm Đồng cũ) với căn cứ Anh Dũng (Ninh Thuận) và từ Bình Thuận lên Đơn Dương, Đức Trọng, mở đường hành lang của khu từ Ninh Thuận, Bình Thuận nối với Tuyên Đức, Lâm Đồng (cũ).

Để thực hiện chủ trương trên, Thường vụ Khu ủy 6 động viên lực lượng của các tỉnh giáp ranh tập trung xây dựng căn cứ vùng Loan, Tà Năng, Tà In. Di Linh cử đồng chí Hai Trương thường vụ Huyện ủy phụ trách cùng một tiểu đội vũ trang người K’Ho và các đồng chí Rổng Lin, K’Quéo tham gia. Lực lượng của Bác Ái (Ninh Thuận) có đồng chí Cha Ma Lé Nghèo, Võ Văn Danh (Tám Thiết) và một số đồng chí khác. Bộ phận của huyện Anh Dũng do đồng chí Xuân phụ trách và các đồng chí Phong, Bích cùng một tiểu đội bộ đội địa phương. Huyện Bắc Bình (Bình Thuận) cử một tiểu đội là anh em người Hàm Thuận. Quân khu tăng cường một

trung đội quân chủ lực do đồng chí Kinh (đại đội trưởng), Sự, Thọ (trung đội trưởng) chỉ huy. Tổng số lực lượng của quân khu và các tỉnh tập hợp lại có 60 đồng chí. Tháng 12/1966 về tại Bắc Bình chuẩn bị mọi mặt để lên đường làm nhiệm vụ.

Sau khi tập trung, lực lượng làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở vùng Đông Nam Đơn Dương chia thành 3 đội vũ trang tuyên truyền và phân công địa bàn hoạt động.

Đội do đồng chí Thọ chỉ huy, đồng chí Thắng chính trị viên mở hướng lên vùng Loạn. Hoạt động ở Tà Năng là đội của các đồng chí Hai Trương, Xuân, Phong, Bích, Ha Lúc. Khu vực K'Đơn, Tu Tra do đồng chí Cha Ma Lé Nghèo, Võ Văn Danh phụ trách và một số bộ đội địa phương, chủ yếu ở vùng Ma Đan, Cầm Pốt, K'răng gọ, K'răng chơ lên sát Phú Hội, Phú An (Đức Trọng).

Tháng 10/1967, Khu ủy 6 quyết định thành lập Ban cán sự, đặt tên khu vực Đông Nam Đơn Dương là vùng K67, chỉ định đồng chí Lưu Minh Nghiệp cán bộ Ban Dân vận khu ủy làm bí thư; các đồng chí Cha Ma Lé Nghèo, Võ Văn Danh, Hai Trương, Kinh làm ủy viên Ban cán sự K67.

Sau một năm hoạt động, các đội công tác vùng K67 đã xây dựng cơ sở trong vùng đồng bào dân tộc ở các ấp từ Loạn đến Tu Tra, K'Đơn, mỗi ấp có 2 - 3 cơ sở cốt cán, 5 - 7 cơ sở cảm tình. Riêng Tà In và R'Lơn

chưa vào được vì ở đây có đồn địch do một đại đội chốt giữ, khống chế. Những nơi khác, kể cả đêm và ngày lực lượng ta đều bám trụ để phát động quần chúng. Đồng bào các dân tộc ít người sau khi đã giác ngộ đều tích cực ủng hộ cách mạng lương thực, thực phẩm, cùng cán bộ chiến sĩ vận động một số binh lính đồn Tà In giao nộp vũ khí, trở về buôn làng sinh sống. Trong vùng ta làm chủ, nhiều quần chúng người dân tộc đã tình nguyện tham gia cách mạng, có người phấn đấu trở thành cán bộ, Đảng viên hoặc được đào tạo chuyên môn y tế phục vụ nhân dân địa phương. Vừa tích cực xây dựng cơ sở, hoạt động vũ trang tiêu diệt bọn ác ôn hỗ trợ cho phong trào, các đội công tác vùng K67 vừa vận động quần chúng xóa bỏ các tập tục lạc hậu, giúp nhân dân từng bước xây dựng cuộc sống mới cả về tinh thần, vật chất.

Vùng K67 là nơi tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch. Trong thời gian hoạt động ở đây, nhiều cán bộ chiến sĩ của các đội công tác đã anh dũng hy sinh lúc làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở hoặc bị địch tập kích vào căn cứ⁽¹⁾. Do vị trí giáp ranh, thời gian đầu mới thành lập, K67 được sự chỉ đạo trực tiếp của Khu ủy, sau đó giao lại cho tỉnh Bình Thuận rồi tỉnh Tuyên Đức. Thời kỳ thuộc huyện Đơn Dương, đồng chí Võ Văn Danh, Cha

(1) Như các đồng chí Rổng Lin (của Di Linh), đồng chí An, Bình hoặc một số anh em người Hàm Thuận Bắc là Tiến, Đăng.

Ma Lé Nghèo trực tiếp phụ trách vùng K67⁽¹⁾.

Cũng trong năm 1967, hướng phía Bắc dọc đường 11 và 21 Bis, Ban cán sự Đảng Đơn Dương chủ trương tích cực dùng lực lượng vũ trang đột nhập ấp, đẩy mạnh hơn nữa phong trào xây dựng cơ sở. Thực hiện sự chỉ đạo của Ban cán sự, các đội công tác đã đột nhập vào Lâm Tuyển, Lạc Xuân, Suối Thông B, Bắc Hội gây cho lực lượng nguy quân, nguy quyền nhiều thiệt hại, trừng trị bọn ác ôn, bắt một số tên cải tạo. Ngày 19/5/1967, đơn vị 870 chặn đánh đại đội 304 của địch trên đường hành quân, tiêu diệt 21 tên, làm bị thương nhiều tên khác, số còn lại bỏ chạy tán loạn. Suốt trong năm 1967, đại đội 830 công binh của tỉnh liên tục bám đường 11 và đường xe lửa Phan Rang - Đà Lạt dùng mìn đánh các đoàn tàu và xe vận tải ở cả đường sắt, đường bộ gây thiệt hại lớn về binh lực và vật chất cho địch. Trước sức tấn công của ta, bọn địch nhất là lực lượng bình định nông thôn, dân vệ rất hoang mang, giao động.

Cuối năm 1967, Khu ủy và Quân khu 6 chủ trương đẩy mạnh phong trào hoạt động du kích vũ trang đồng thời chỉ đạo các đơn vị bộ đội dùng chiến thuật đánh tập trung để giữ vững và phát triển thế tiến công địch, phá

(1) Cuối năm 1966 đầu năm 1967 Khu ủy chỉ đạo, tháng 3 đến tháng 7/1967 giao cho tỉnh Bình Thuận, sau đó là Tuyên Đức quản lý, đầu năm 1970 giao về Đơn Dương.

kế hoạch càn quét và bình định của chúng. Khu ủy chọn tỉnh Lâm Đồng (cũ) làm điểm nên tăng cường tiểu đoàn 145 và 186 hoạt động dọc đường 20 từ B' Lao đến Di linh. Nhiệm vụ của 2 tiểu đoàn chủ lực là bảo vệ căn cứ quân khu, đường hành lang Ninh Thuận, Bình Thuận đến Lâm Đồng (cũ) nối với Tuyên Đức.

Từ chủ trương trên, Khu ủy và Quân khu quyết định tiêu diệt đồn Tà In, một cứ điểm mạnh án ngữ đường chi viện của Khu 6 lên Tuyên Đức, Lâm Đồng (cũ). Sau khi đã nghiên cứu tình hình địch, cán bộ quân khu, ban chỉ huy tiểu đoàn 186 và Ban cán sự Đảng K67 họp bàn phương án tác chiến, phối hợp hiệp đồng. Đêm 9/12/1967, tiểu đoàn 186 nổ súng tập kích cứ điểm Tà In tiêu diệt gọn một đại đội bảo an và được lệnh trụ lại đánh chặn viện binh địch.

Cay cú vì bị mất cứ điểm quan trọng, sáng ngày 10/12, địch dùng trực thăng chở một đại đội biệt kích đổ quân tái chiếm Tà In. Tiểu đoàn 186 đánh trả, bắn rơi một máy bay trực thăng chở 4 tên chỉ huy, trong đó có tên tỉnh phó nội an tỉnh Tuyên Đức, trước đây là Quận trưởng Đơn Dương mới để bại.

Bị thua đau, ngày 1/1/1968, địch dùng lực lượng quân Mỹ tiến đánh núi Pô, nơi trú quân của tiểu đoàn 186 hùng tiêu diệt lực lượng ta. Với công sự, hầm hào đã chuẩn bị, củng cố, tiểu đoàn đánh lui nhiều đợt tấn công

của địch, gây tổn thất nặng nề cho quân Mỹ, buộc chúng phải rút lui.

Tiếp đến, với khí thế chiến thắng, được lệnh quân khu, trong tháng 1/1968 tiểu đoàn 186 đánh đồn R'Lom, tiêu diệt cứ điểm. Vùng K67 gồm 3 xã với 6000 dân đã hoàn toàn giải phóng. Đường hành lang từ khu 6 lên Đơn Dương - Tuyên Đức nối thông.

Việc giải phóng K67 có ý nghĩa quan trọng là tạo điều kiện để Khu ủy và quân khu tăng cường chi viện cho các tỉnh miền núi thuận lợi, đưa cán bộ lên công tác dễ dàng, tiện việc tiếp tế lương thực, thực phẩm từ đồng bằng Ninh Thuận, Bình Thuận cho Tuyên Đức, Lâm Đồng (cũ).

Tính đến cuối năm 1967, sau một năm rưỡi kể từ khi thành lập Ban cán sự Đảng Đơn Dương, phong trào cách mạng đã phát triển rộng từ Xuân trường đến Lạc Nghiệp, Lạc Xuân, Ka Đô, Thạnh Mỹ, Bắc Hội. Các đội công tác và cơ sở quần chúng tích cực đưa phong trào tiến lên những bước mới, thực lực cách mạng được củng cố ở cả vùng đồng bào kinh và dân tộc; từ K67 đến dọc đường 21Bis nối với tỉnh đã thông suốt về giao thông liên lạc. Những chủ trương, nhiệm vụ mà hội nghị tỉnh ủy Tuyên Đức đề ra cuối năm 1966 đã được Ban cán sự Đảng, quân và dân Đơn Dương triển khai

có kết quả. Tại hội nghị Tỉnh ủy họp cuối năm 1967 ở căn cứ Đức Trọng, sau khi đồng chí Chế Đặng bí thư Ban cán sự Đảng Đơn Dương báo cáo tình hình, đồng chí Trần Lê bí thư Khu ủy nhận xét : “Tuy Đơn Dương mở phong trào sau nhưng mạnh mẽ, phát triển nhanh chóng, bảo đảm chất lượng, tạo thế tấn công đồng đều trong toàn tỉnh Tuyên Đức”. Cùng với quân dân tỉnh nhà, quân dân Đơn Dương đã sẵn sàng bước vào cuộc tấn công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.

III. Quân và dân Đơn Dương trong cuộc tấn công và nổi dậy mùa xuân 1968.

Trước khi nhân dân miền nam bước vào cuộc tấn công và nổi dậy mùa Xuân 1968, đế quốc Mỹ đã đưa chiến lược “chiến tranh cục bộ” lên đỉnh cao, tăng cường đánh phá miền Bắc bằng không quân, hải quân, ồ ạt đưa lính Mỹ, chư hầu vào miền nam Việt Nam, nâng tổng số quân Mỹ - Ngụy lên hơn 1 triệu tên. Nhưng với ý chí và quyết tâm của nhân dân ta, địch liên tiếp bị đánh những đòn đau. Thất bại nặng nề buộc Mỹ - Ngụy phải chuyển từ thế tiến công sang phòng ngự bị động.

Cuối năm 1967, Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng họp và nhận định : Địch đã bị thất bại cả về chiến lược, chiến thuật; lực lượng chính trị ở miền Nam lớn mạnh hơn bất kỳ thời kỳ nào; ta đang nắm quyền chủ

động trên các chiến trường... Từ cơ sở nhận định đó, Bộ chính trị quyết định mở cuộc tấn công và nổi dậy đồng loạt ở miền Nam, đánh mạnh vào ý đồ xâm lược của đế quốc Mỹ.

Tại Tuyên Đức, tuy lực lượng địch đông hơn gấp nhiều lần nhưng ta vẫn có điều kiện phối hợp cùng toàn miền nổi dậy tấn công đầu xuân Mậu Thân ⁽¹⁾. Về hướng Tây, tỉnh đã xây dựng Đức Trọng thành địa bàn đứng chân, giải quyết được vấn đề tiếp tế, bảo đảm hành lang, tạo điều kiện giao thông liên lạc giúp cho sự chỉ đạo của tỉnh thông suốt đối với Đà Lạt và các huyện. Tình hình nội thị Đà Lạt có những thuận lợi cơ bản, nhất là phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ của quần chúng trong các năm 1966, 1967 và hoạt động của lực lượng vũ trang có hiệu quả, gây cho địch nhiều thiệt hại, làm cho chúng hoang mang giao động.

(1) *Lực lượng địch trong tỉnh có khoảng 600 lính cộng hòa, 3500 tên phòng vệ dân sự, 18 đoàn bình định nông thôn. Về ta : 2 đại đội bộ binh, 1 trung đội công binh, 1 trung đội đặc công và 2 đại đội biệt động của Đà Lạt, 2 đại đội bộ binh của Đức Trọng, Lạc Dương (theo sơ thảo lịch sử Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng 1954 - 1975 xuất bản năm 1990 trang 102).*

. Ở Đơn Dương, với phương châm kiên trì bám dân xây dựng cơ sở, tích cực tiêu hao sinh lực địch, phát động quần chúng đấu tranh phá kềm, phong trào cách mạng phát triển đều khắp các xã. Phía Đông và Đông Bắc, cơ sở quần chúng ở Phú Thuận, Hòa Bình, xã Xuân Trường phối hợp với hoạt động của các đội công tác, các đơn vị bộ đội của tỉnh và quân khu đã tạo khả năng khống chế địch trên đường 11; phía Đông Nam lực lượng cách mạng làm chủ vùng K67 giáp giới từ Di Linh kéo dài đến xã K'đơn. Chuẩn bị bước vào chiến dịch, ngoài các đội công tác, quân khu tăng cường thêm đại đội 815 hoạt động trên địa bàn huyện ⁽¹⁾. Những thuận lợi đó là điều kiện để quân dân Đơn Dương bước vào cuộc tấn công nổi dậy Xuân 1968.

Thực hiện kế hoạch phối hợp cùng toàn miền Nam, Khu ủy và Quân khu chọn 2 thị xã Phan Thiết, Đà Lạt làm trọng điểm của Khu 6 trong cuộc tấn công, nổi dậy. Căn cứ vào nhiệm vụ, Khu ủy 6 quyết định thành lập Đảng ủy mặt trận do đồng chí Vũ Anh Ba Thường vụ Khu ủy làm bí thư, đồng thời tăng cường tiểu đoàn 186 và 145 cho chiến trường Đà Lạt. Dưới sự chỉ đạo của Khu ủy, Tỉnh ủy Tuyên Đức chủ trương tập trung lực lượng vũ trang của tỉnh và huyện cùng các đơn vị tăng cường tấn công vào thị xã Đà Lạt, phân công cán

(1) Trên cơ sở C3 D610 ở miền Bắc bổ sung cho Quân khu sát nhập với lực lượng vũ trang huyện thành đại đội 815.

bộ tỉnh xuống chỉ đạo các hướng, giao vùng nông thôn cho các đội công tác đảm nhiệm. Thời gian cuộc tấn công ấn định vào đêm 30-01-1968 (tức đêm giao thừa tết Mậu Thân). Mục tiêu đánh địch là tiểu khu Tuyên Đức, dinh Tỉnh trưởng, Tỉnh đoàn bảo an, Ty công an, Trường Võ bị Đà Lạt...

Trong lúc triển khai chiếm lĩnh các hướng, công tác chuẩn bị diễn ra khẩn trương nhưng do thời gian gấp, các đơn vị 186, 145 tăng cường cho Đà Lạt chưa hành quân đến kịp, Đảng ủy mặt trận quyết tâm bằng bất cứ giá nào cũng phải huy động lực lượng tập trung đánh địch, hoàn thành nhiệm vụ trên giao. Tỉnh đã điều động bộ đội địa phương các huyện bổ sung, kiên quyết thực hiện phương án tác chiến đã định. Đơn vị 815 của Đơn Dương khẩn trương hành quân tăng cường cho thị xã Đà Lạt, phối hợp cùng đội biệt động 850, trung đội 870 có nhiệm vụ tấn công hướng Đông Nam đánh vào khu vực Trại Hầm, Nha địa dư, ga xe lửa... Do công tác hiệp đồng tác chiến chưa chặt, đúng thời gian dự kiến lực lượng ở các hướng chưa vào được phải rút ra củng cố, đêm 31-01-1968 các đơn vị mới tiếp tục đột nhập, đồng loạt nổ súng đánh chiếm các mục tiêu trong nội thị.

Được quán triệt trước ý đồ tác chiến và trên tinh thần sẵn sàng thực hiện cuộc tấn công nổi dậy theo kế hoạch của tỉnh ⁽¹⁾, Ban cán sự Đảng Đơn Dương chỉ đạo các đội công tác nhanh chóng triển khai trên các hướng. Đồng chí bí thư Ban cán sự Đảng trực tiếp phổ biến nhiệm vụ cho đội K1, K2 hoạt động khu vực Thạnh Mỹ, Lạc Xuân; viết thư giao cho cơ sở theo đường hợp pháp xuống chỉ đạo đội K3 phối hợp với chi bộ Phú Thuận phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, chủ động tấn công địch theo thời gian quy định.

Địa bàn tập trung tấn công địch chủ yếu là Ka Đô, Quảng Hiệp, nơi đây có phong trào cách mạng phát triển lại gần hậu cứ đứng chân của huyện. Chiều 30 tết (30/1), đội công tác K4 do đồng chí Nguyễn Phú Hộ phụ trách đã triển khai lực lượng chốt giữ và đốt cầu cây số 13, đường xuống bến phà cây số 14 để phòng địch từ quận lỵ Đơn Dương, phân chi khu M'Lơn (Thạnh Mỹ) theo đường 21 Bis vào giải tỏa Ka Đô. Đồng thời với việc triển khai phương án tác chiến, Ban cán sự Đảng chỉ đạo

(1) Trước giờ tấn công, đồng chí Chế Đặng về nhận lệnh, gặp đồng chí Nguyễn Lâm bí thư Lạc Dương, được phổ biến, lại tinh thần của Tỉnh ủy: Thời cơ đã đến, kế hoạch triển khai như đã bàn ở hội nghị lần trước (cuối 1967), các địa phương tổ chức lực lượng cùng toàn tỉnh nổi dậy.

đội công tác K4 phát động quần chúng nổi dậy thành lập Chính quyền cách mạng Lâm thời, tổ chức quyền góp lương thực, thực phẩm, sẵn sàng cung cấp hậu cần cho lực lượng vũ trang chiến đấu ở chiến trường Đà Lạt.

Phối hợp cùng quân dân trong tỉnh, đúng thời điểm giao thừa Tết Mậu Thân, nhân dân Quảng Hiệp nổi dậy giành chính quyền. Sáng mùng 1 tết (31/1/1968), thôn Nghĩa Hiệp và những nơi khác ở Ka Đô được giải phóng. Ủy ban nhân cách mạng lâm thời xã Ka Đô được thành lập, cử đồng chí Phan Văn Ngọc làm chủ tịch, Lê Thị Dưỡng phó chủ tịch. Một cuộc mít tinh tổ chức tại ấp Quảng Hiệp để chính quyền ra mắt quần chúng trong khí thế hào hứng, phấn khởi của nhân dân Ka Đô.

Đồng loạt nổi dậy cùng Ka Đô, nhiều nơi khác như Phú Thuận (Lạc Nghiệp), Lạc Xuân các đội công tác đã vũ trang đánh địch, tổ chức quần chúng và giao nhiệm vụ cho cơ sở treo cờ Mặt trận dân tộc giải phóng, rải truyền đơn, vận động binh lính bỏ hàng ngũ địch trở về với cách mạng.

Trước khí thế của cuộc tấn công và nổi dậy, bọn địch ở quận Đơn Dương vô cùng hoang mang giao động. Tại Thạnh Mỹ, chúng bỏ đồn rút về thị trấn quận lỵ, chỉ để lại một số tên trông coi doanh trại. Bọn địch ở quận co cụm không dám phản ứng. Tuy nhận biết tình hình địch đang vô cùng hoảng hốt nhưng do nhiệm vụ chủ yếu là tập trung cho chiến trường Đà Lạt, lực lượng ta có hạn

không thể tấn công giải phóng toàn quận nên Ban cán sự Đảng Đơn Dương chỉ gửi thư kêu gọi địch đầu hàng, giao chính quyền cho cách mạng ⁽¹⁾. Mặc dù trong tâm trạng hoang mang cực độ nhưng vì ở Đà Lạt và một số nơi khác chiến sự giữa ta và địch diễn ra giằng co, quyết liệt, bọn địch ở Đơn Dương vẫn ngoan cố chần chừ, chưa tỏ rõ thái độ.

Sau khi đánh giải phóng Tà In và R'Lom, tiểu đoàn 186 của Quân khu nhận nhiệm vụ tăng cường cho chiến trường Đà Lạt, khoảng 17 giờ chiều ngày mùng 2 tết đơn vị hành quân qua Ka Đô. Chính quyền xã và đội công tác đã vận động nhân dân tiếp tế lương thực, thực phẩm cho bộ đội. Do yêu cầu nhiệm vụ và thời gian quá gấp tiểu đoàn không dừng lại đóng quân, nhân dân bày sẵn hoa quả, lương khô, bánh tét, thuốc lá... ở các bàn để từ đường số 0 đến đường số 7 để anh em mang theo. Tuy thời gian ngắn ngủi nhưng hơn 400 cán bộ, chiến sĩ tiểu đoàn đã được sống trong tình quân dân cá nước. Thật vô cùng cảm động khi các mẹ, các chị động

(1) Thư do đồng chí Hộ, đội trưởng đội K4 viết ngày mùng 2 tết, nội dung chủ yếu : Quân đội cách mạng đã về giải phóng Đơn Dương và tỉnh Tuyên Đức, yêu cầu bọn địch ở quận gấp lực lượng cách mạng để tỏ rõ thái độ... ý nói là phải đầu hàng, giao chính quyền lại cho cách mạng.

viên bộ đội nhận quà bánh trên đường đi đánh giặc. Tình cảm đó biểu hiện tấm lòng của người dân Đơn Dương đối với cán bộ, chiến sĩ cách mạng đang chiến đấu trên mảnh đất Tuyên Đức, Khu 6 gian lao mà anh dũng.

Hòa cùng khí thế tiến công và nổi dậy, hưởng ứng cuộc vận động của Ban cán sự Đảng, thanh niên Ka Đô và nhiều xã đã tham gia lực lượng vũ trang, lên đường nhập ngũ. Đầu xuân 1968, riêng Ka Đô có 120 người thoát ly, Phú Thuận và một số xã khác nhiều quần chúng gia nhập lực lượng vũ trang hoặc vào căn cứ đi kháng chiến. Tại chiến trường Đà Lạt, mặc dù chưa được huấn luyện nhưng anh em Đơn Dương đã chiến đấu rất dũng cảm, lập thành tích xuất sắc.

Để kịp thời phục vụ bộ đội đang chiến đấu ở Đà Lạt, chính quyền xã Ka Đô và đội công tác K4 đã vận động quần chúng ủng hộ hàng chục tấn lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu; Dân công của xã đã không nề hà gian lao, nguy hiểm vận tải gạo, hàng hóa, chuyển lên khu vực Hồ Tiên dự trữ cho chiến trường đánh giặc. Trong đoàn dân công, ngoài lực lượng thanh niên còn có các mẹ, các bác mặc dù tuổi già sức yếu vẫn thi đua cùng con cháu phục vụ, nêu tấm gương nhiệt tình cho lớp trẻ noi theo.

Sau 12 ngày đêm chiến đấu, lực lượng vũ trang của tỉnh đã tấn công nhiều vị trí quan trọng và cơ quan đầu não của địch ở Đà Lạt. Chiến sự diễn ra ngày càng quyết

liệt, các đơn vị bộ đội, đội công tác được sự tiếp tế, nuôi dưỡng, chăm sóc của nhân dân đã bám trụ đánh trả nhiều đợt phản kích của địch. Bị bất ngờ và hoảng sợ trước sức tấn công của quân dân Tuyên Đức, Đà Lạt, địch vội điều động một tiểu đoàn cộng hòa, một tiểu đoàn biệt động, một biệt đoàn cảnh sát phối hợp cùng lực lượng tại chỗ tăng cường phòng thủ xung quanh thị xã và bảo vệ chặt chẽ vị trí xung yếu trong nội thị.

Với ý chí tiến công liên tục, quyết tâm tiêu diệt địch, đêm 17/2/1968 các đơn vị bước vào đợt 2 của chiến dịch, đồng loạt nổ súng tấn công mục tiêu trên các hướng ở Đà Lạt. Tuy vậy, trong 5 ngày đánh vào thị xã, quân ta không chiếm được các mục tiêu đã định vì địch tăng cường lực lượng phản kích. Trước tình hình đó, cuối tháng 02/1968, Đảng ủy mặt trận và Tỉnh ủy Tuyên Đức chủ trương để lại một phần ba lực lượng tiếp tục đánh địch trong thị xã, đưa phần lớn các đơn vị vũ trang ra hoạt động vùng nông thôn nhằm thu hút, phân tán địch khỏi Đà Lạt để tiêu diệt, Đại hội 815 rút về Đơn Dương, tiếp tục công tác, huấn luyện và chiến đấu.

Sau khi được thành lập, chính quyền cách mạng xã Ka Đô cùng đội công tác K4 tích cực xây dựng các phương án phòng thủ, tổ chức canh gác, cài mìn, đặt chông, chuẩn bị đánh địch. Những cố gắng đó cùng với việc bảo đảm bí mật lực lượng đã giúp ta giữ vững vùng giải phóng Ka Đô một tháng, là nơi giữ chính quyền

cách mạng lâu nhất của tỉnh Tuyên Đức trong cuộc nổi dậy mùa Xuân 1968. Trên đà thắng lợi, cơ sở quần chúng ở Ka Đô, Lạc Xuân, ấp Phú Thuận, Hòa Bình, Quảng Lạc (Lạc Nghiệp)... được củng cố, hoạt động dưới hình thức công khai nửa hợp pháp. Phong trào chiến tranh du kích phát triển, đã phối hợp cùng bộ đội, các đội công tác đánh địch có hiệu quả.

Cùng quân dân trong tỉnh, cuộc tấn công nổi dậy xuân Mậu Thân ở Đơn Dương đã góp phần làm nên nhiều chiến công. Dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự Đảng huyện, phong trào quần chúng kết hợp với tấn công quân sự đã tạo ra sức mạnh tổng hợp, làm cơ sở để nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ, xây dựng chính quyền cách mạng. Phong trào của Đơn Dương qua cuộc tấn công và nổi dậy mùa Xuân 1968 đã phát triển lên một bước mới, cơ sở quần chúng được củng cố vững vàng hơn trước. Những đóng góp to lớn về sức người, sức của của nhân dân Đơn Dương đầu xuân Mậu Thân đã góp phần cùng cả nước và tỉnh nhà làm nên chiến thắng vẻ vang, đập tan chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ.

Sau khi quân chủ lực của ta rút về vùng nông thôn, địch củng cố lực lượng tiến hành lấn chiếm những nơi đã mất. Giữa tháng 2/1968, chúng đem quân đánh chiếm Xuân Trường; cuối tháng, tướng hực lượng ta đông, địch

tập trung một tiểu đoàn bộ binh có 2 xe bọc thép và pháo binh yểm trợ từ đường 20 tấn công vào Ka Đô ⁽¹⁾. Do quân địch đông gấp nhiều lần, trang bị vũ khí đầy đủ, chính quyền và cơ sở cách mạng ở Ka Đô tạm thời rút ra ngoài tiếp tục hoạt động. Chiếm được Ka Đô, địch để lại một đại đội bảo an và một đoàn binh định nông thôn. Cùng thời gian đó, tại Lạc Xuân và một số nơi khác địch cũng tăng cường các đoàn binh định, tiến hành gom dân, phân loại đối tượng, khống chế, khủng bố quần chúng và cơ sở.

Tại vùng K67, địch dùng bộ binh, máy bay, pháo binh bắn phá khu giải phóng, dồn hầu hết đồng bào dân tộc ra ven đường 20, 21 Bis, thực hiện vùng trắng ở các xã Loan, Tà Năng. Chúng mở các cuộc càn quét giáp ranh giữa Ninh Thuận, Bình Thuận với Đơn Dương, rải bom cháy phá hoa màu ở hậu cứ của ta. Cuộc chiến đấu giữa ta và địch sau xuân Mậu Thân tấn công và nổi dậy diễn ra quyết liệt, địch đánh chiếm lấy lại một số nơi do lực lượng ta ít không giữ được. Ban cán sự Đảng K67 vừa làm công tác vận động nhân dân, vừa đấu tranh với địch nên đã giữ lại vài chục hộ dân ở Chà Rạc, K'ri Do bám

(1) Trận đánh diễn ra ở cầu cây số 13, đồng chí Cang tiểu đội trưởng của Đại đội 815 bị một tên địch nép vào thành ta ly bắn, đã hy sinh anh dũng.

t. ư làm chỗ dựa cho lực lượng cách mạng

Để tăng cường sự lãnh đạo của huyện, tháng 4/1968 Tỉnh ủy quyết định chuyển Ban cán sự Đảng Đơn Dương lên thành lập Huyện ủy, bổ sung đồng chí Nguyễn Phú Hộ, Trần Hà, Lê Tạc vào Ban chấp hành. Số lượng Huyện ủy viên có 7 đồng chí do đồng chí Chế Đặng làm bí thư ⁽¹⁾. Cùng thời gian này huyện đội Đơn Dương được thành lập, đồng chí Trần Hà làm huyện đội trưởng, đồng chí Lê Tạc chính trị viên. Việc thành lập huyện đội Đơn Dương đã tạo sự thống nhất chỉ đạo về mặt quân sự, giúp cho lực lượng vũ trang có điều kiện đánh địch tập trung, có hiệu quả. Huyện ủy cũng điều chỉnh, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, tăng cường cán bộ chủ chốt cho các đội công tác để phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới ⁽²⁾.

Trong năm 1968, tiểu đoàn 186 từ Di Linh chuyển quân về Ka Đô đã phối hợp với lực lượng của huyện tập kích đồn Quảng Hiệp, tiêu diệt đại bộ phận địch đóng ở đây, thu toàn bộ vũ khí. Thắng lợi của ta làm cho địch rất hoang mang, lòng tin của nhân dân vào lực lượng vũ trang càng tăng thêm. Sau khi đồn Quảng Hiệp bị đánh,

(1) Đồng chí Chế Đặng, Lê Dũng, Hoàng Trinh, Sơn Hải, Nguyễn Phú Hộ, Trần Hà, Lê Tạc.

(2) Đồng chí Hộ về làm đội trưởng đội công tác K1 + K2

địch sử dụng 3 tiểu đoàn trong đó có 1 tiểu đoàn lính Mỹ càn vào hậu cứ của cơ quan huyện. Chúng kết hợp các cụm pháo 105 ly ở M'Lơn, Đa Nhim và pháo 175 ly ở Đức Trọng, đưa đại đội pháo 105 ly có 3 khẩu di chuyển đến Proh bắn cấp tập vào khu vực hậu cứ rồi dùng bộ binh tấn công. Tiểu đoàn 186 kết hợp với lực lượng của huyện chống càn thắng lợi, tiêu diệt nhiều tên địch. Cũng trong đợt hoạt động mùa hè, đại đội 815 tổ chức đánh địch tại cây số 3 cầu Lạc Xuân, tiêu diệt nhiều tên khiến chúng chỉ dám hoạt động ban ngày, đêm rút về thị trấn ẩn náu. Tiểu đội công binh (A17) tăng cường chặn địch trên đường hành quân. Các đội công tác đột nhập ấp, vừa xây dựng cơ sở, vừa trừng trị bọn ác ôn, bắt một số tên đưa về căn cứ giáo dục. Khi địch đưa đoàn binh định về bắt dân lập ấp chiến lược, các đội công tác đã vận động quần chúng đấu tranh, cùng đơn vị 815 dùng súng bắn tỉa tiêu diệt địch, tạo cơ sở để quần chúng chống lại âm mưu rào làng lập ấp của chúng. Để thuận tiện liên lạc với Khu ủy và giải quyết vấn đề lương thực đang gặp khó khăn, tháng 9/1968 cơ quan tỉnh và một số đơn vị vũ trang chuyển về đóng tại hậu cứ của Đơn Dương. Trong tháng này, Huyện ủy mở hội nghị kiểm điểm, đánh giá tình hình và đề ra phương hướng hoạt động mới. Sau khi phân tích âm mưu thủ đoạn của địch, Huyện ủy chủ trương : tiếp tục tấn công địch ở căn cứ và trên đường chúng hành quân càn quét, đẩy mạnh công tác diệt ác, phá kềm, tấn công bọn binh định nông thôn,

phòng vệ dân sự, tạo thế cho quần chúng ở các ấp nổi dậy đấu tranh chống địch.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, lực lượng vũ trang được cơ sở cung cấp tình hình đã liên tục tấn công gây cho địch nhiều thiệt hại. Tháng 10/1968 đại đội 815 đột nhập ấp Ta ly, ta phải dùng xà gạc (dao của đồng bào dân tộc) chặt đứt hàng rào thứ ba ở cửa mở, đánh vào trung đội nghĩa quân diệt 16 tên, bắt sống 10 tên, thu một số vũ khí. Tiếp đến tấn công tiêu diệt trung đội khác ở Suối Thông A. Tháng 12/1968, cùng đội công tác K2, đơn vị 815 lại đột nhập, đánh trung đội bình định ở cây số 3 cầu Lạc Xuân, tiêu diệt 10 tên, thu vũ khí⁽¹⁾.

Vào những tháng cuối năm 1968, bên cạnh việc tăng cường hoạt động có hiệu quả của quân và dân trong huyện, địch đã tập trung lực lượng chống trả quyết liệt. Chúng bổ sung quân, mở nhiều cuộc càn quét, tổ chức tuần tra canh gác nghiêm ngặt, phát triển lực lượng dân vệ, thám báo biệt kích, dùng phổ biến chiến thuật biệt kích cài mìn trên những tuyến đường ta thường qua lại, phục đánh tĩa từng bộ phận nhỏ, gây khó khăn và thiệt hại khi lực lượng bộ đội, các đội công tác vào ấp liên lạc,

(1) Bên ta, đồng chí Tuy - xạ thủ B40 bị hy sinh

móc nối cơ sở.

Tuy vậy, trong năm 1968, vượt qua khó khăn thử thách, quân và dân Đôn Dương vận dụng sáng tạo sát hợp chủ trương của Đảng vào thực tiễn tình hình, giành được những thành tích quan trọng, phá vỡ thế ổn định của địch làm cho hàng ngũ chúng hoang mang giao động, gây niềm tin cho quần chúng và cơ sở, thay đổi cơ bản tương quan lực lượng có lợi cho ta. Chất lượng hoạt động của lực lượng vũ trang và phong trào quần chúng cả bên trong, bên ngoài đều được nâng lên và có phát triển mới.

Điểm tình hình sau 4 năm (1965-1968) chống chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ ngụy, Đảng bộ, quân và dân Đôn Dương mặc dù phải trải qua một thời kỳ đấu tranh gay go, gian khổ, ác liệt nhưng đã giành được những thắng lợi to lớn, lực lượng cách mạng từng bước trưởng thành, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra. Trong thời gian đó, trên toàn chiến trường miền Nam, địch tập trung quân Mỹ, chư hầu, ngụy quân, trang bị vũ khí hiện đại, với nỗ lực cao nhất hòng làm thay đổi cục diện chiến tranh, sử dụng nhiều âm mưu thâm độc nhằm đạt cho được những mục tiêu của chúng. Bằng phương châm lấy ít đánh nhiều, lấy yếu chống mạnh, kết hợp

đấu tranh vũ trang với chính trị, binh vận, quần dân trong huyện đã không ngừng phát triển thực lực cách mạng, giải quyết nhiều vấn đề cơ bản về hậu cần tại chỗ, xây dựng củng cố tổ chức và phong trào. Vận dụng chiến thuật đánh địch linh hoạt, bộ đội địa phương kết hợp với các đội công tác, cơ sở quần chúng tổ chức đánh nhỏ tiến đến đánh lớn, tấn công vào các cứ điểm kiên cố của địch, buộc chúng phải giữ thế phòng ngự nhiều nơi, làm cho bộ máy kèm ở cơ sở mất khả năng khống chế, o ép quần chúng, tạo điều kiện để nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ.

CHƯƠNG III

QUÂN VÀ DÂN ĐƠN DƯƠNG ĐẤU TRANH CHỐNG LẠI CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH” CỦA ĐỊCH, NẮM VỮNG THỜI CƠ TIẾN LÊN GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG (1969-1975)

I/ Củng cố thực lực cách mạng tại chỗ, làm thất bại chương trình bình định ở địa phương (1969-1972)

Thất bại trong chiến lược “chiến tranh cục bộ” đã buộc đế quốc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chấm dứt không điều kiện việc đánh phá miền Bắc, chấp nhận đàm phán với ta tại hội nghị Paris. Thắng lợi to lớn và toàn diện của nhân dân 2 miền Nam Bắc năm 1968, nhất là của quân dân miền nam xuân Mậu Thân đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới, thúc đẩy phong trào đòi chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình, rút quân Mỹ về nước của nhân dân tiến bộ Mỹ. Bị động, lúng túng và để gở thế lún sâu vào “đường hầm không lối thoát”, đầu năm 1969 đế quốc Mỹ triển khai học thuyết Ních-xơn và tiến hành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”

Bản chất của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” là bằng viện trợ vũ khí, trang bị hiện đại cộng với bộ máy ngụy quân, ngụy quyền thay thế, Mỹ tìm cách rút quân khỏi miền Nam Việt Nam nhưng vẫn duy trì được chủ nghĩa thực mới ở nước ta. Để thực hiện thành công mục tiêu chiến lược, chính quyền Mỹ chú trọng triển khai kế hoạch “bình định và phát triển”, coi đó là “trụ cột”, “xương sống” của chiến lược “Việt Nam hóa”.

Tuy đây là chính sách đầy tham vọng của Mỹ, một âm mưu thâm độc, xảo quyệt và phản động nhưng chính nó đã bộc lộ nhiều nhược điểm và chứa đựng những mâu thuẫn không thể giải quyết⁽¹⁾.

Thắng lợi của quân và dân ta ở chiến trường khu 6, nhất là sau cuộc tấn công nổi dậy mùa xuân 1968 đã thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển có nhiều thuận lợi. Để triển khai hướng hoạt động mới, tháng 11/1968

(1) Hội nghị lần thứ 8 (khóa 3) BCH Trung ương Đảng chỉ rõ mâu thuẫn đó :

- Vì thất bại, suy yếu Mỹ buộc phải xuống thang chiến tranh nhưng lại muốn rút lui trong thế mạnh và thoát ra trong danh dự.

- Quân Mỹ là chỗ dựa của ngụy quân, nay rút quân, Mỹ lại muốn quân Ngụy mạnh lên thay thế quân Mỹ là khó có thể làm được.

- Mỹ muốn rút quân sớm nhưng do phải tăng cường lực lượng quân Ngụy buộc Mỹ phải kéo dài sự có mặt của quân Mỹ tức là kéo dài cuộc chiến tranh thêm nữa ngoài ý muốn của Mỹ.

- Nếu Mỹ không sớm rút quân, mâu thuẫn giữa giới cầm quyền với nhân dân Mỹ ngày càng sâu sắc. Nếu Mỹ rút quân thì chính thể ngụy quyền chống sụp đổ, mâu thuẫn Mỹ - Ngụy càng thêm gay gắt.

Khu ủy mở hội nghị kiểm điểm tình hình và đề ra chủ trương : Nắm vững thời cơ, đẩy mạnh tấn công địch ở cả thành phố, vùng ven, vùng yếu nông thôn, phá tan âm mưu “quét và giữ” của chúng, quyết tâm giành cho được vùng ven thị, vùng yếu nông thôn.

Tại Đơn Dương và các địa phương khác trong tỉnh, đầu năm 1969 địch tiếp tục dồn dân vào vùng sâu, vùng xa đường giao thông, đồn bót về nơi tập trung do chúng kiểm soát, âm mưu cắt đứt liên lạc giữa lực lượng bên ngoài với cơ sở cách mạng bên trong. Để củng cố bộ máy kềm, tăng cường lực lượng bổ sung cho những nơi yếu, địch đưa các đoàn bình định, các đơn vị lính bảo an xuống ấp, sử dụng bọn mật báo, điệp ngầm theo dõi hoạt động của cơ sở và lực lượng ta từ bên ngoài vào móc nối nhận tiếp tế. Chúng tiến hành bình định có trọng điểm các xã trên đường 11, các ấp Lạc Xuân, Lạc Bình dọc đường 21 Bis, Quảng Hiệp, Nghĩa Hiệp (Ka Đô). Đây là những nơi tranh chấp giữa ta và địch, trong đó có một số ấp đã được đưa lên giành quyền làm chủ. Tại vùng K67, địch dồn toàn bộ đồng bào dân tộc về các khu tập trung ở Ka Đô, Proh, Thạnh Mỹ. Ngoài ra chúng còn tổ chức lực lượng cơ động chuyên đánh phá vùng ven, sử dụng biệt kích, thám báo tập kích hậu cứ, kho tàng, gài mìn phục kích nơi ta thường qua lại. Thủ đoạn của địch đã

gây thương vong cho cán bộ, chiến sĩ trên đường đi làm nhiệm vụ ⁽¹⁾.

Quyết tâm thực hiện nghị quyết của Khu ủy (11/1968) về nắm vững thời cơ tập trung lực lượng tấn công địch vùng nông thôn, bước sang năm 1969 quân dân Đơn Dương liên tiếp đánh địch ở các địa bàn Lạc Nghiệp, Lạc Xuân, Thạnh Mỹ. Bằng nhiều hình thức linh hoạt như phục kích, diệt đồn, bắn tỉa, dùng nhiều loại vũ khí, bom mìn tự tạo, chiến sĩ lực lượng vũ trang đã tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch ⁽²⁾.

Ngày 16/1/1969, đại đội 5 tiểu đoàn 145 ⁽³⁾ đánh đồn Thạnh Mỹ để hỗ trợ phong trào quần chúng và cơ sở cách mạng còn mỏng do địch kèm kẹp. Khu vực Thạnh Mỹ là một vị trí quân sự quan trọng, địch đóng một đại

(1) Đầu năm 1969, đồng chí Cao Hòa (Cao Heo) bị thương khi địch bao vây dữ dội kẹp lựu đạn cho nổ, hy sinh vẫn tiêu diệt địch. Tấm gương đó để lại trong lòng đồng đội sự cảm phục vô cùng sâu sắc.

(2) Đồng chí Trần Sướng ở đội công tác K3 là người tập nhiều chiến công về đánh bom mìn và vũ khí tự tạo, đã hy sinh năm 1971 trong lúc làm nhiệm vụ.

(3) Tiểu đoàn 145 quân chủ lực quân khu về thay tiểu đoàn 186; tiểu đoàn có 3 đại đội bộ binh, 1 đại đội đặc công, 1 trung đội hỏa lực.

đội bảo an có nhiệm vụ khống chế đường FiNôm đi quản lý Đơn Dương, sẵn sàng cơ động ứng cứu vùng xung quanh khi cần thiết. Do dùng súng DKZ bắn 3 quả, đạn không trúng mục tiêu nên bị lộ, địch chủ động phản kích, ta đánh không dứt điểm. Trận này, địch bị tiêu diệt một số tên, bộ đội thu một số súng nhưng 9 đồng chí cán bộ, chiến sĩ của đơn vị đã hy sinh.

Phối hợp với tiểu đoàn 145, đại đội 815 đột áp Lợn Mít diệt 5 dân vệ, thu vũ khí. Tiếp đến, tháng 2 năm 1969 đại đội 815 đánh ấp Lạc Sơn; đơn vị chia 2 mũi tấn công vào khu vực nhà thờ, diệt 16 tên bảo an, thu 6 súng⁽¹⁾.

Tháng 3/1969, tiểu đoàn 145 dùng mìn Clây mìn kết hợp với binh lực đánh vào trận địa pháo Đa Nhím, đại đội bảo an bảo vệ công trình thủy điện, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Cùng thời gian này, đại đội 815 đánh đồn Eo Gió, đội công tác K3 đột áp Phú Thuận, các đội công tác hoạt động trên đường 21 Bis tiến hành đột nhập các ấp Lạc Bình, Lạc Xuân, Quảng Hiệp, Bắc Hội rải truyền đơn, diệt ác ôn, hỗ trợ và tạo thế làm chủ cho phong trào quần chúng.

Trên đà thắng lợi của những hoạt động vũ trang đầu năm đạt được, tháng 4/1969 Tỉnh ủy Tuyên Đức mở

(1) Trận này ta hy sinh 3 đồng chí, bị thương 6 đồng chí khác.

hội nghị kiểm điểm rút kinh nghiệm, kịp thời khắc phục mặt tồn tại, nêu quyết tâm mở rộng địa bàn vùng ven Đà Lạt và nông thôn, gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang của tỉnh lớn mạnh, sẵn sàng phối hợp với chiến trường khu 6 đưa phong trào quần chúng tiến lên giành quyền làm chủ toàn diện về mọi mặt.

Quán triệt tinh thần hội nghị Tỉnh ủy, các đơn vị vũ trang của huyện vừa chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, khắc phục khó khăn trong hoàn cảnh chiến trường ác liệt, vừa khẩn trương củng cố lực lượng, huấn luyện nâng cao trình độ kỹ chiến thuật, sẵn sàng chiến đấu.

Sang tháng 5/1969, ta tấn công phân chi khu Thạnh Mỹ lần thứ 2. Do bị đánh lần trước địch rút kinh nghiệm chuyển vị trí đóng quân lên đồi cao (nay gọi là đồi 82), tăng cường thêm pháo, cối, hỏa lực bộ binh. Tiểu đoàn 145 chia 3 mũi chiếm lĩnh trận địa pháo, phân chi khu và đại đội đóng dã ngoại khu vực dốc (Bà Ký). Do tiếp cận mục tiêu bị lộ, địch chủ động đề phòng, mũi đánh vào đại đội dã ngoại diễn ra ác liệt. Trận đánh vào phân chi khu Thạnh Mỹ đạt hiệu quả không cao, ta bị tổn thất, quân địch đông, có xe bọc thép yểm trợ, đơn vị rút lui để bảo toàn lực lượng.

Trong năm 1969, cục diện chiến-trường ở miền nam có lợi cho cách mạng, Mỹ và tay sai buộc phải thừa nhận Mặt trận dân tộc giải phóng, chấp nhận đàm phán 4 bên tại Paris ⁽¹⁾. Để tạo thế hợp pháp đấu tranh chính trị với địch, Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt nam ra đời, thay mặt nhân dân miền Nam đàm phán tại hội nghị Paris. Ngày 6/6/1969, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời của tỉnh Tuyên Đức và huyện Đơn Dương được thành lập trên địa bàn huyện. Ông Tou tiang Đôn ⁽²⁾, một nhân sĩ yêu nước người dân tộc được bầu làm phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng Lâm thời Tỉnh. Tuy chính quyền chỉ là hình thức nhưng đã làm cơ sở pháp lý để tiến hành đấu tranh chính trị với

(1) 4 bên gồm : Chính phủ nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, Chính phủ cách mạng Lâm Thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, Chính phủ Mỹ và Việt Nam cộng hòa (Ngụy Sài Gòn).

(2) Ông Đôn là cơ sở cách mạng hoạt động trong bộ máy của địch, làm quận phó Đơn Dương (1946-1954), bị địch bắt bỏ tù do hoạt động trong phong trào đòi hòa bình, sau khi ra tù mất liên lạc về ở Proh. Năm 1968 ta vận động đưa ra căn cứ tiếp tục tham gia kháng chiến, chuẩn bị nhân sự thành lập Chính quyền cách mạng lâm thời của Tỉnh.

địch tại địa phương ⁽¹⁾.

Những tháng giữa năm 1969, nhân dân và lực lượng vũ trang Đơn Dương liên tục tấn công các ấp chiến lược gây cho địch nhiều thiệt hại. Đêm 12/6/1969, tiểu đoàn 145 đột ấp Suối Thông A, là nơi có đường hào sâu và hàng rào bao quanh, đánh vào đoàn bình định nông thôn và bọn phòng vệ dân sự. Do có khó khăn vì địch phòng thủ kiên cố, trận đánh không dứt điểm nhưng đơn vị đã bảo vệ được cho đội công tác K1 tuyên truyền vận động quần chúng, khống chế bọn ác ôn. Trong tháng 7/1969, khi vào ấp Thạnh Nghĩa, 6 đồng chí của đại đội 815 gặp địch đang chuẩn bị hành quân càn quét khu vực Hồ Tiên đã nổ súng đánh đại đội bảo an. Nhờ giữ được yếu tố bí mật bất ngờ, trận này ta tiêu diệt 12 tên, buộc địch phải hủy bỏ cuộc hành quân. Liên tiếp trong tháng 7 và 8, lực lượng vũ trang phối hợp với các đội công tác đột ấp Nam Hiệp, Nghĩa Hiệp, Suối Thông B, Thạnh Nghĩa, Lạc Xuân, Phú Thuận vừa tuyên truyền phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, vừa diệt ác trừ gian, bắt giáo dục một số tề điệp làm cho địch vô cùng hoang mang, nhiều tên đêm phải lên ngủ ở quận lỵ hoặc dựa vào đồn bót để tránh sự trừng trị của ta.

(1) Đồng chí Chế Đặng, bí thư Huyện ủy, thay mặt ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời của Huyện, thường ký tên Kiều Đông Ba trong các giấy tờ giao dịch với địch.

Cùng từ năm 1969, để giải quyết khó khăn về đời sống bảo đảm cho hoạt động lâu dài, Huyện ủy chủ trương vận động một số tư sản, chủ xưởng, đồn điền, nhà thờ đóng góp hoặc bán lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu của cơ quan huyện, các đội công tác, đơn vị vũ trang ⁽¹⁾.

Trong lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đang trên đà thắng lợi thì ngày 2/9/1969 Bác Hồ kính yêu của dân tộc ta từ trần. Toàn Đảng, quân và dân với niềm tiếc thương vô hạn đã dấy lên phong trào biếu đau thương thành hành động cách mạng. Đảng bộ, nhân dân các dân tộc Đơn Dương bằng nhiều hình thức đã tổ chức lễ tang. Không những ở căn cứ cách mạng mà ngay cả trong vùng địch kiểm soát đồng bào cũng lập bàn thờ truy điệu Bác.

Tưởng nhớ công ơn Bác Hồ và hưởng ứng lời kêu gọi của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Huyện ủy phát động phong trào thi đua giết giặc lập công. Các đơn vị vũ trang và đội công tác tích cực hoạt động đánh địch bằng nhiều hình thức tập kích, đột áp, chặn các đoàn xe,

(1) Đa số chủ xưởng, như xưởng của Lạc Xuân, Lâm Tuyển, nhà thờ Châu Sơn, sở Trà Cầu Đất ủng hộ nhưng có nơi gây khó dễ buộc ta phải dùng áp lực như đồn điền cà phê Fì Vàng của Tôn Thất Lễ.

dùng vũ khí tự tạo, gài mìn đường bộ, đường sắt gây cho chúng nhiều thiệt hại. Ngày 16/9, tiểu đoàn 145 tấn công đồn K'răng gọ, đánh vào đại đội hỗn hợp gồm lính bảo an và dân vệ, thu một số súng cối, M79, trung liên, một máy PRC 25. Đầu tháng 10, đại đội 815 và huyện đội phối hợp đánh ấp Suối Thông A. Ở đây do nhiều lần bị tập kích, địch canh gác cẩn mật và phòng thủ kiên cố. Trận đánh diễn ra ác liệt, địch tập trung pháo bắn chi viện. Kết quả ta đã tiêu diệt, làm bị thương khoảng 40-50 tên, gây tổn thất cho đại đội bảo an, trung đội pháo. Trận đánh được đánh giá đạt hiệu quả cao.⁽¹⁾

Cùng với việc tăng cường hoạt động vũ trang, giữa năm 1969, thực hiện chỉ thị của Trung ương cục miền Nam, Đảng bộ huyện đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chi bộ 4 tốt, nâng cao năng lực lãnh đạo của cơ sở Đảng và Đảng viên. Qua thử thách, đấu tranh cách mạng, Đảng bộ ngày càng được củng cố. Vì vậy, tuy địch tập trung đánh phá, phản ứng quyết liệt trên địa bàn xã, ấp nhưng phong trào trong huyện vẫn đứng vững, hiệu quả tấn công địch đạt cao. Hoạt động của quân dân Đơn Dương trong năm 1969 đã đẩy lùi âm mưu bình định cấp tốc, làm thất bại kế hoạch "quét và giữ" của địch. Ở

(1) Vào thời điểm này, địch huấn luyện dân vệ toàn tỉnh nên tập trung quân đông ở ấp Suối Thông A, đã bị ta đánh thiệt hại nặng.

nhiều nơi như Lạc Xuân, Lạc Bình, Đồng Thanh, Lạc Lâm Làng, Phú Thuận... địch không thực hiện được ý đồ đồn quân bắt lính, bộ máy nguy quyền ở cơ sở mất tác dụng khống chế nhân dân, binh lính và bọn ác ôn, tề điệp hoang mang, giảm sút tinh thần.

Đầu năm 1970, Khu ủy 6 quyết định sát nhập Ban cán sự K67 vào Huyện ủy Đơn Dương và tăng cường tiểu đoàn 200C⁽¹⁾ của quân khu cho huyện. Đêm 31/1/1970 tiểu đoàn 200C phối hợp với đại đội 815 đánh chi khu, chi cảnh sát quận Đơn Dương và Hội đồng xã Lạc Nghiệp⁽²⁾. Kết quả, ta phá hủy chi cảnh sát, tiêu diệt gần 100 tên gồm bảo an, cảnh sát và 1 tên thiếu tá cố vấn Mỹ. Số địch sống sót bỏ chạy, trong đó có tên quận trưởng. Cũng trong đêm 31/3, đội công tác K2 vũ trang vào ấp Lạc Thiện đánh bọn phòng vệ dân sự, thu 10 súng các loại; Đội công tác K1 vũ trang vào ấp Bắc Hội thuyết phục bọn dân vệ bỏ súng và vận động tiểu đội bảo an gác cầu Fì vàng trở về gia đình làm ăn.

Thực hiện chỉ thị 36 của Trung ương Cục và nghị quyết đầu năm 1970 của Khu ủy, Tỉnh ủy Tuyên Đức quyết định mở đợt hoạt động Xuân hè (lấy tên là đợt

(1) Thay thế tiểu đoàn 145 điều sang hoạt động ở địa bàn Đức Trọng

(2) Những vị trí đó đều ở thị trấn Dran hiện nay.

TK)⁽¹⁾, quyết tâm đẩy mạnh hoạt động quân sự, chính trị, mở rộng vùng làm chủ ở nông thôn, vùng ven thị xã.

Phối hợp cùng quân dân trong tỉnh, lực lượng vũ trang và các đội công tác liên tiếp tổ chức đánh địch trên địa bàn huyện. Ngày 30/4/1970, đại đội 815 tập kích trung đội bảo an tại Suối Thông B, diệt 10 tên. Tiếp đó, từ cuối tháng 5 đến đầu tháng 6 đội công tác K1 và đơn vị 815 liên tục đánh vào các ấp Suối Thông B, bắt bọn tề điệp, tuyên truyền vận động quần chúng, xây dựng cơ sở cách mạng. Để giải tỏa cho phân chi khu Thạnh Mỹ, địch phải đưa lính ở chi khu Đơn Dương vào viện trợ và để lại một đại đội bảo an chốt giữ. Trong những tháng tiếp theo, các đội công tác phối hợp tác chiến chặt chẽ với bộ đội địa phương đột nhập vào ấp Phú Thuận, Lạc Xuân, Nghĩa Hiệp, Thạnh Nghĩa đánh bọn bình định nông thôn, phòng vệ dân sự.

Trong chiến dịch TK, quân và dân tỉnh Tuyên Đức đã tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phần lớn bộ máy kèm ở cơ sở tan rã⁽²⁾. Các đơn vị vũ trang với cách

(1) TK là chiến dịch tập kích chiến lược. Chiến dịch được mở từ cuối tháng 3 đến tháng 6/1970.

(2) Tổng kết chiến dịch, ta tấn công 23 mục tiêu, diệt gần 1000 tên địch, phá hủy 17 xe quân sự (Theo sơ thảo lịch sử Đảng tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 1954-1975 xuất bản năm 1990 trang 134).

đánh đặc công, có quyết tâm cao, hiệp đồng tác chiến chặt chẽ, phối hợp giữa tấn công quân sự và phong trào nổi dậy của quần chúng, đã giành được thắng lợi to lớn, có ảnh hưởng không những đối với phong trào cách mạng địa phương mà lan rộng đến các chiến trường trong khu và toàn miền.

Sau thắng lợi của đợt hoạt động Xuân hè 1970, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Đức lần thứ nhất được tiến hành từ ngày 10 đến 13/7. Trong báo cáo kiểm điểm, Đại hội nhất trí nhận định : Qua 9 năm kể từ ngày thành lập, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, quân và dân tỉnh nhà đã nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, vượt qua gian khổ ác liệt, giữ vững phong trào, chủ động tấn công, góp phần cùng nhân dân miền Nam tiêu diệt nhiều sinh lực địch, đánh bại âm mưu bình định của chúng.

Theo yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, Đại hội đề ra phương hướng : Đẩy mạnh tấn công vũ trang, chính trị, binh vận của tất cả các lực lượng bên trong và bên ngoài, ở cả thành thị và nông thôn, trọng tâm là phá ấp, phá kèm, giành dân, mở vùng, làm thất bại chương trình bình định của địch.

Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh là một sự kiện chính trị có ảnh hưởng trực tiếp đến phong trào cách mạng của các địa phương, trong đó có phong trào ở Đơn Dương.

Sau Đại hội Đảng bộ Tỉnh, Đảng bộ Huyện Đơn Dương mở Đại hội đại biểu lần thứ nhất tại hậu cứ. Về dự Đại hội có gần 50 đại biểu đại diện cho các chi bộ của lực lượng vũ trang, đội công tác, chi bộ trong vùng địch tạm chiếm. Đại hội huyện Đảng bộ đã kiểm điểm công tác thời gian qua, kể từ khi thành lập Ban cán sự ở huyện, đề ra phương hướng nhiệm vụ trong những năm tới. Đại hội bầu Ban chấp hành mới do đồng chí Chế Đặng làm bí thư, đồng chí Nguyễn Phú Hộ ủy viên Ban thường vụ làm thường trực Đảng ⁽¹⁾.

Trước phong trào quần chúng ngày càng phát triển, để tập hợp lực lượng thanh niên, Huyện ủy quyết định thành lập Huyện Đoàn thanh niên giải phóng. Huyện đoàn Đơn Dương thời kỳ này có khoảng 60 đoàn viên ở các đội công tác và cơ sở xã. Ban chấp hành có 7 đồng chí do đồng chí Trần Kim Nhật làm bí thư ⁽²⁾.

Kể từ khi tiến hành Đại hội Đảng 2 cấp, tình hình mọi mặt ở huyện nhà có bước chuyển biến. Về quân sự, được tỉnh bổ sung quân số, đơn vị 185 có 80 đồng chí,

(1) Thời kỳ này, Huyện ủy có các đồng chí Chế Đặng, Nguyễn Phú Hộ, Trần Hà, Lê Tạc, Hoàng Trinh, Mai Thanh, Phùng Quốc Tịnh (tức Bình).

(2) Đồng chí Trần Kim Nhật làm bí thư huyện đoàn kiêm đội trưởng đội công tác, đã hy sinh trong chiến đấu.

theo yêu cầu nhiệm vụ mới đã tách thành đại đội 814 và 815. Về chính trị, chỉ đạo của Huyện ủy từ K67 đến các xã Nam sông, dọc đường 21 Bis đã có sự tập trung, thống nhất tạo sức mạnh cho quần chúng đấu tranh chống địch, củng cố thực lực cách mạng ở cơ sở.

Nhằm xúc tiến chương trình bình định đặc biệt, kể từ sau chiến dịch TK của ta tấn công vào Đà Lạt, địch tăng cường các thủ đoạn đánh phá phong trào cách mạng bên trong. Ở nông thôn, chúng tiến hành bình định có trọng điểm, sau đó mở rộng ra các vùng xung quanh theo phương thức vết dầu loang. Tại Đơn Dương, địch đẩy mạnh vũ trang cho lực lượng phòng vệ dân sự, đưa thám báo, biệt kích lùng sục hậu cứ, phá nương rẫy sản xuất của cơ quan huyện. Chúng dùng máy cưa, xe be có lính đi kèm cây ủi sâu vào khu vực Tam Giác (Hồ Tiên), vào địa bàn trú quân của các đội công tác, tạo vành đai trắng ngăn cách ta đột nhập vào ấp, chặn nguồn tiếp tế của quần chúng và cơ sở cách mạng. Địch phát triển hệ thống mật vụ, dân vệ kèm chặt, kiểm soát việc đi lại làm ăn của nhân dân. Hoạt động của địch gây nhiều khó khăn cho ta.

Trước tình hình đó và để chủ động nguồn hậu cần tại chỗ, huyện ủy tổ chức lực lượng sản xuất ở hậu cứ, có lúc lên đến 25 người, gồm các đồng chí ở các đơn vị bộ đội và đội công tác chuyển về tuyến sau. Bên cạnh đó ta còn tiếp tục vận động đồng bào các dân tộc trong huyện

ủng hộ lương thực, thực phẩm, thu thuế của các đồn điền, nhà thầu khai thác thác gỗ. Vì vậy, các đơn vị có điều kiện vượt qua khó khăn, thiếu thốn, bám địa bàn thực hiện nhiệm vụ trên giao.

Thực hiện chỉ thị 01 của Trung ương cục miền Nam và nghị quyết 14 của Khu ủy 6, tháng 3/1971 Tỉnh ủy họp và ra nghị quyết nêu rõ : Tập trung mọi khả năng, đẩy mạnh đánh phá kế hoạch bình định của địch, trước mắt đánh sụp lực lượng kèm cơ sở, giành quyền làm chủ ở ấp, xã, phá vỡ hệ thống phòng thủ của địch ở nông thôn... tạo thế và lực mới cả 3 vùng, tiến tới cao trào tấn công, nổi dậy rộng khắp, cùng toàn khu, toàn miền thay đổi cục diện chiến trường. Hội nghị quyết định điều chỉnh, sắp xếp lực lượng vũ trang trong tỉnh cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ tác chiến. Huyện Đơn Dương có các đại đội 814, 815, 830 công binh ⁽¹⁾. Ngoài các đơn vị bộ đội, lực lượng trên địa bàn huyện còn có các đội công tác và cơ quan ở hậu cứ.

Sau khi được củng cố và tăng cường, Huyện ủy phân công hoạt động của các đơn vị như sau : Đại đội 815 đứng chân khu vực Tam Giác (Hồ Tiên) chịu trách nhiệm tuyến đường 21 Bis và 11, đại đội 814 phía Nam sông Đa Nhim, đơn vị 830 vùng Cần Rang, Eo Gió, Phú

(1) Đại đội 830 là đại đội công binh của Tỉnh hoạt động trên địa bàn huyện.

Thuận lên Xuân Trường. Cùng phối hợp với các đơn vị vũ trang, các đội công tác đẩy mạnh hoạt động móc nối xây dựng cơ sở, củng cố những nơi bị mất liên lạc.

Những tháng đầu năm 1971, đại đội 814, 815 liên tục vũ trang vào các ấp Nam Hiệp, Nghĩa Hiệp (Ka Đô), Phú Thuận, Hòa Bình (Lạc Nghiệp) vừa tiêu diệt lực lượng kèm, tề điệp, mật báo vừa phục kích đánh bọn dân vệ trong ấp. Ngoài ra, các đơn vị còn vận dụng cách đánh theo phân đội nhỏ, tháo gỡ bom mìn địch cài để đánh lại chúng. Tháng 5/1971, địch tập trung một đại đội bảo an của chi khu, có 2 pháo 105 yểm trợ, đóng quân ở ấp Nghĩa Hiệp chuẩn bị càn quét vùng hậu cứ cơ quan huyện. Để phá vỡ ý đồ của chúng, đại đội 815 dùng một tiểu đội bí mật tập kích bào ban đêm phá hỏng một khẩu pháo, diệt 5 tên, buộc địch phải bỏ dở cuộc càn.

Tháng 7/1971, theo yêu cầu nhiệm vụ, đồng chí Nguyễn Nghĩa Phương được điều về làm bí thư Huyện ủy, đồng chí Chế Đặng chuyển lên Tỉnh ủy. Cũng vào cuối năm 1971 đầu năm 1972, đồng chí Trần Mười (Mười Bạc) về làm huyện đội trưởng và đồng chí Quý chính trị viên thay các đồng chí đã hy sinh ⁽¹⁾.

(1) Do yêu cầu nhiệm vụ, đồng chí Trần Hà chuyển công tác khác, đồng chí Loát thay làm Huyện đội trưởng, trong chiến đấu bị hy sinh. Đồng chí Lê Tạc chính trị viên trên đường công tác bị mìn địch cài nổ gây 2 chân, chúng bắt lên đồn và xử bắn.

Những tháng cuối năm 1971, các đơn vị vũ trang phối hợp với các đội công tác tiếp tục tấn công địch, gây cho chúng hoang mang, thối động. Tháng 11/1971, đại đội 815 sử dụng một trung đội đánh vào ấp Nghĩa Hiệp do trung đội dân vệ người Nùng đóng giữ, tiêu diệt 1 tiểu đội, đại đội 830 cùng đội công tác K2 đột nhập ấp Hòa Bình vũ trang tuyên truyền và diệt một ác ôn, bắt một số nhân dân tự vệ cảm hóa tại chỗ rồi thả về, tạo điều kiện cho cơ sở cách mạng hoạt động.

Mặc dù trong năm 1971 địch tăng cường nòng ra đánh phá hậu cứ ác liệt hơn trước nhưng lực lượng vũ trang của huyện vẫn tích cực chủ động tấn công, phá hỏng 24 xe be, 3 máy ủi, tiêu diệt sinh lực, không cho chúng tạo vành đai trắng ngăn lực lượng cách mạng vào tiếp xúc, móc nối với dân, bảo vệ hành lang thông suốt. Hoạt động mạnh về quân sự đã tạo điều kiện cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. Nhiều nơi nhân dân không để địch gài mìn, đòi bồi thường thiệt hại do chúng gây ra.

Bước sang năm 1972, địch chủ trương quân sự hóa bộ máy nguy quyền đến ấp. Chúng tập trung lực lượng ngoan cố thực hiện chương trình bình định với nhiều âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt. Ở cơ sở, địch ráo riết củng cố bộ máy kèm, đưa một số tên ác ôn về làm ấp trưởng những nơi xung yếu mà chúng cho là có "ổ Việt cộng" như Quảng Hiệp, Nghĩa Hiệp (Ka Đô), Bắc Hội (Thanh

Mỹ), xây dựng ở mỗi ấp một tiểu đội dân vệ xung kích có trang bị vũ khí mạnh. Từng ấp địch sắp xếp một ấp trưởng và 2 ấp phó, nắm chắc lực lượng dân vệ, an ninh, mật báo, quản lý chặt chẽ nhân hộ khẩu, giám sát việc đi lại của nhân dân. Chúng tiến hành phân loại đối tượng, thực hiện nhiều thủ đoạn thâm độc như ghi tên vào danh sách đảng dân chủ, gán danh hiệu mật báo có bí số nhằm bôi đen và ly gián quần chúng với cách mạng, phân hóa nội bộ nhân dân.

Địch mở những cuộc càn quét có phi cơ, pháo binh yểm trợ đánh phá hậu cứ ta. Tại Thạnh Mỹ, chúng sử dụng đại đội 4 tiểu đoàn 266 địa phương quân và 3 trung đội dân vệ hành quân thăm dò vùng giáp ranh. Ban đêm, địch đưa các nhóm dân vệ xung kích ém phục, gài mìn xung quanh ấp. Những thủ đoạn hoạt động của địch gây nhiều khó khăn cho ta, một số đội công tác tổn thất khi đang làm nhiệm vụ, cơ sở bên trong không liên lạc trực tiếp được với bên ngoài mà phải thông qua hộp thư mật.

Càng thất bại trên chiến trường Mỹ - Ngụy càng lỏng lẻo đánh phá phong trào cách mạng tại địa phương, đơn quân bắt lính bổ sung cho các đơn vị chủ lực ngụy, kiểm soát chặt chẽ hoạt động của quần chúng. Trong năm 1972, nhiều đợt bắt lính diễn ra ở các xã, có nơi như Lạc Lâm địch bao vây trong suốt 3 ngày, một số thanh niên vào nhà thờ trốn lính đã bị bắn chết một người.

Nhân dân ấp Lạc Bình, Lạc Xuân đấu tranh kiên quyết không để địch dồn dân, kiểm soát và khống chế cơ sở.

Để thực hiện nhiệm vụ chiến lược của Đảng trong năm 1972, cuối năm 1971 Tỉnh ủy Tuyên Đức mở hội nghị đánh giá tình hình và đề ra phương hướng cụ thể : Tăng cường hoạt động của lực lượng vũ trang kết chặt với đấu tranh chính trị, binh vận, đẩy mạnh tấn công trên diện rộng, làm thất bại một bước quan trọng âm mưu bình định, làm tan rã bộ máy kèm ở cơ sở của địch, khôi phục các ấp làm chủ của ta.

Thực hiện chủ trương đánh phá kế hoạch bình định, Huyện ủy một mặt tiến hành củng cố lực lượng vũ trang, khắc phục khó khăn sẵn sàng chiến đấu; mặt khác tập trung các đơn vị và đội công tác đánh vào bộ máy kèm của địch ở các ấp dọc đường 21 Bis, khu vực Nam sông.

Ngày 22/4/1972, tổ 8 đồng chí của đại đội 815 đón đánh bọn dân vệ đi càn và gỡ mìn do chúng cài quanh ấp, diệt gọn một tổp địch ở Quảng Hiệp. Đêm 7/5, các đơn vị vũ trang và đội công tác đột nhập ấp Hòa Bình, Phú Thuận rải truyền đơn, dùng cơ sở cách mạng vận động chuyển hóa bộ máy ngụy quyền. Cũng trong tháng 5, đội K1, K2 bí mật liên lạc với cơ sở và xây dựng thêm cơ sở mới ở ấp Lạc Xuân, Bắc Hội, Đròn.

Cuối năm 1972, chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ đứng trước nguy cơ bị phá sản. Cuộc

chiến tranh xâm lược kéo dài đã đẩy nước Mỹ lâm vào tình trạng thiếu hụt về kinh tế, rối ren về chính trị, xã hội. Trong lúc đó, phong trào đấu tranh của nhân dân Mỹ, nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới đòi chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam phát triển rộng khắp. Không còn con đường nào khác, đế quốc Mỹ buộc phải chấp nhận dự thảo hiệp định do chính phủ ta đưa ra tại hội nghị Paris (ngày 8/10/1972).

Nhưng với bản chất hiếu chiến ngoan cố, bọn địch ở Đôn Dương vẫn đẩy mạnh các hoạt động nhằm thực hiện âm mưu chiếm đất, giành dân, mở rộng vùng chúng kiểm soát. Địch tập trung củng cố đồn bót, tăng cường hành quân càn quét lấn chiếm vùng ta làm chủ. Chúng đặt các trạm quân sự trên trục lộ, củng cố chi khu Đôn Dương, thành lập các phân chi khu ở mỗi xã.

Thực hiện “Kế hoạch thời cơ” ⁽¹⁾ của toàn miền Nam, từ tháng 10/1972 lực lượng vũ trang liên tục đột nhập ấp, cấm cờ Mặt trận dân tộc giải phóng ở các địa bàn trong toàn huyện, vận động quần chúng đấu tranh giành đất giành dân, nổi bật là hoạt động của các đơn vị

(1) “Kế hoạch thời cơ” là tranh thủ vận động nhân dân cùng các lực lượng vũ trang nổi dậy giành đất, giành dân, tranh chấp với địch.

814, 815, 830 kết hợp với các đội công tác đột vào ở ấp Phú Nhuận, Nam Hiệp, Suối Thông A, B.

Đêm 28/10/1972, đại đội 815, đội công tác K4 và lực lượng cơ quan huyện ở hậu cứ vũ trang vào Ka Đô cầm cờ, xây dựng cơ sở, thực hiện chủ trương giành đất với địch. Quân nguy có pháo binh ở phân chi khu Thạnh Mỹ bắn chi viện bao vây đánh trả quyết liệt. Do lực lượng vũ trang của ta quá ít đã được lệnh rút lui, bộ phận ở hậu cứ và đội K4 không ra kịp bị địch chặn đường phải trụ lại. Chúng đưa thêm quân vây chặt gọi hàng nhưng cán bộ, chiến sĩ đã dũng cảm chiến đấu. Trận này ta hy sinh 8 đồng chí, đây là một tổn thất lớn của phong trào cách mạng địa phương.

Điểm lại sau 4 năm (1969-1972) chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, Mỹ - Ngụy đã đẩy mạnh chương trình bình định lên mức độ cao trên địa bàn huyện, liên tiếp hành quân càn quét ra vùng ta làm chủ, kèm chặt xã ấp, ngăn chặn tiếp tế và liên lạc từ trong ra ngoài. Trước tình hình đó, lực lượng ta ít lại phải trải ra đánh địch trên diện rộng nên đã gặp không ít khó khăn, tổn thất. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, quân dân Đơn Dương không ngừng phấn đấu vượt qua thử thách, cùng nhân dân trong tỉnh và toàn miền Nam đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, buộc đế quốc Mỹ phải ký kết hiệp định Paris chấm dứt sự can thiệp trực tiếp vào miền Nam Việt Nam.

II/ Chống địch lấn chiếm, chuẩn bị lực lượng, đón thời cơ giải phóng huyện đơn dương (1973-1975) :

Chiến thắng to lớn và liên tiếp về quân sự ở cả 2 miền Nam, Bắc buộc đế quốc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, ký kết Hiệp định Paris vào ngày 27/1/1973. Thắng lợi của Hiệp định Paris đánh dấu bước ngoặt lịch sử làm thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho cách mạng nước ta, tạo ra khả năng sớm hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Chờ đón hiệp định được chính thức ký kết và có hiệu lực thi hành, các tầng lớp nhân dân lao động ở Đơn Dương rất phấn khởi, không khí hòa bình lan rộng. Qua báo đài công khai, nhân dân biết rõ thất bại của Mỹ và tay sai; công tác tuyên truyền kịp thời của ta làm cho đồng bào hiểu thêm chính sách hòa giải, hoà hợp dân tộc của Đảng, của mặt trận dân tộc giải phóng, niềm tin càng được củng cố. Trong khí thế đó, đêm 27/1/1973 quân và dân Đơn Dương đồng loạt vũ trang tuyên truyền chiến thắng, cấm cờ giành đất, đơn vị 815, đội công tác K3, K2, K4 đã rải truyền đơn ở Phú Thuận, Lạc Xuân, Ka Đô.

Nhưng với bản chất hiếu chiến và xâm lược, đế quốc Mỹ vẫn không cam chịu thất bại, ngoan cố tiếp tục sử dụng nguy quyền Sài Gòn làm công cụ hòng thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, duy trì chủ nghĩa thực dân mới. Được viện trợ vũ khí, phương tiện chiến

tranh và tiền của, nguy quyền Sài Gòn tiếp tục kế hoạch bình định lấn chiếm, tạo vành đai phân tuyến nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng.

Cũng như các chiến trường khác của Khu 6 và Tuyên Đức, sau ngày ký kết hiệp định Paris, bọn địch ở Đơn Dương ra sức đẩy mạnh các hoạt động quân sự, lấn chiếm đất đai, thanh lọc kèm kẹp nhân dân. Chúng củng cố chi khu quận lỵ Đơn Dương, phân chi khu Thạnh Mỹ, đồn M'Lơn, tăng khả năng khống chế khu vực Ka Đô và vùng Nam sông, liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét cơ quan hậu cứ của huyện, cày ủi địa hình khu Tam Giác Hồ Tiên tạo vành đai ngăn lực lượng bên ngoài với cơ sở bên trong. Địch đưa thêm nhiều tên ác ôn về làm ở ấp, xã, liên gia trưởng với mưu đồ ổn định nội bộ, sắp xếp lực lượng để kèm kẹp nhân dân, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý.

Trong năm 1973, các đơn vị vũ trang và đội công tác trên địa bàn huyện gặp không ít khó khăn do quân số giảm sút qua các trận chiến đấu chưa có điều kiện bổ sung. Bên cạnh đó, địch tăng cường khủng bố, bắt bớ cơ sở gây tổn thất cho phong trào. Các đơn vị vũ trang và đội công tác nhiều lần đột nhập vào ấp bị phục kích, vướng mìn. Ngày 5/3/1973 đội công tác K3 và một tổ vũ trang của đại đội 814 vào ấp Phú Thuận, khi hoàn thành nhiệm vụ trên đường trở về căn cứ bị địch phục đánh, một số hy sinh.

Trước tình hình đó, tháng 3/1973 Huyện ủy triệu tập các đơn vị vũ trang, đội công tác về hậu cứ học tập, phổ biến nhiệm vụ của Khu ủy, Tỉnh ủy. Sau khi quán triệt tinh thần phải đề cao cảnh giác, chống hữu khuynh, máy móc trong việc thi hành hiệp định, hội nghị đề ra một số nhiệm vụ cụ thể là tiếp tục tấn công địch về chính trị, binh vận, có vũ trang hỗ trợ; Đồng thời đẩy mạnh sản xuất ở hậu cứ, chuẩn bị lương thực, thực phẩm bảo đảm cho công tác, chiến đấu và hỗ trợ đồng bào vùng hậu cứ đang bị mất mùa, thiếu muối, vải mặc...

Thực hiện chủ trương của huyện, lực lượng vũ trang đã đẩy mạnh các hoạt động tấn công địch. Trong tháng 9 và 10/1973, đại đội 815 liên tục đánh chặn, ngăn không cho lực lượng địch ở phân chi khu Thạnh Mỹ vào chặt cây, cày ủi địa hình, bảo vệ hành lang khu vực Tam Giác (Hồ Tiên), phá một số phương tiện xe be, máy ủi. Tại căn cứ, phong trào sản xuất tự túc phát triển, sản phẩm thu được cùng với lương thực, thực phẩm của cơ sở bên trong tiếp tế tạm thời bảo đảm đời sống của cơ quan, đơn vị công tác, chiến đấu và trợ giúp một phần cho dân ở hậu cứ vượt qua nạn đói.

Cũng từ đầu năm 1973, do yêu cầu nhiệm vụ, Tỉnh ủy điều động đồng chí Vũ Tâm, Tỉnh ủy viên dự khuyết về làm Bí thư Huyện ủy. Đơn Dương thay đồng chí Nguyễn Nghĩa Phương. Suốt trong năm 1973 và 1974, địch liên tiếp càn quét hậu cứ, đánh vào cơ quan lãnh

đạo của Huyện và nơi trú quân của các đơn vị. Tháng 6/1974, trong một trận càn của địch, đồng chí Vũ Tâm hy sinh. Trước tình hình trên và để củng cố về tổ chức cho phù hợp, Tỉnh ủy quyết định thu gọn Huyện ủy Đơn Dương thành Ban cán sự Đảng, chỉ định đồng chí Nguyễn Phú Hộ làm quyền bí thư.

Do quân số giảm sút, cán bộ của huyện còn lại rất ít, địch càn quét đánh phá ác liệt, huyện tiến hành sáp nhập các đơn vị 814 và 815 thành đại đội 815, chuyển vị trí đóng quân về khu Tam giác Hồ Tiên. Nhân dân vùng hậu cứ và một số đồng chí ở các đơn vị được đưa về khu Nam Sơn, căn cứ của Quân khu 6. Các đội công tác cũng chuyển về bám địa bàn Hồ Tiên hoạt động. Sau khi ổn định tổ chức, lực lượng vũ trang tiếp tục công tác đánh địch lấn chiếm, bảo vệ cơ quan Ban cán sự.

Để phù hợp với sự chỉ đạo và tình hình chung trong tỉnh, cuối năm 1974, Tỉnh ủy quyết định giải thể Ban cán sự Đảng Đơn Dương, thành lập Ban cán sự Đảng khu Tam Giác trực thuộc thị ủy Đà Lạt, chỉ định đồng chí Nguyễn Lâm, ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm bí thư Ban cán sự⁽¹⁾. Đồng thời sáp nhập các đội công tác thành

(1) Ban cán sự Đảng thời kỳ này có các đồng chí Nguyễn Lâm, Nguyễn Phú Hộ (phó bí thư), Phạm Công Chúng, Trần Mười, Quý.

3 đội; đội K1 do đồng chí Huỳnh Minh Xuyên làm đội trưởng, đồng chí Phạm Công Chúng làm đội trưởng K2 và Phạm Báng đội trưởng đội công tác Xuân Trường ⁽¹⁾.

Vào thời kỳ này, thủ đoạn đánh phá của địch chủ yếu là phát quang vùng Tam Giác, dùng lực lượng xe be ủi phá có hỗ trợ của các đơn vị vũ trang đi kèm. Ban cán sự Đảng khu Tam Giác chủ trương đẩy mạnh các hoạt động quân sự, chống âm mưu phát quang địa hình của địch, cấm xe be vào rừng lấy gỗ, đồng thời tiến hành diệt ác, phá kềm, đánh địch bung ra lấn chiếm. Thực hiện chủ trương đó, đại đội 815 kết hợp với các đội công tác liên tục bám địa bàn ở các ấp Lạc Bình, Lạc Xuân, Quảng Hiệp, Suối Thông B, Đ'ron đánh bọn phòng vệ dân sự, làm hạn chế việc chúng bung ra gài mìn, phục kích. Cũng thời gian trên, ta xây dựng được một số cơ sở trong hàng ngũ địch ở Lạc Xuân, móc nối hoạt động một số cơ sở bị mất liên lạc ở Lạc Lâm Làng, đội công tác Xuân Trường đột nhập diệt tên ấp trưởng ở Xuân Sơn.

Sau 2 năm kể từ khi hiệp định Paris được ký kết (1973-1974), địch tăng cường lực lượng đẩy mạnh đánh phá cơ sở bên trong và càn quét ra hậu cứ, gây cho ta nhiều tổn thất. Thực lực cách mạng tại chỗ bị thu hẹp,

(1) *Đội K1 được sát nhập từ đội K1 và K2; đội K2 từ đội K3 và K4; đội Xuân Trường là của thị ủy Đà Lạt.*

đơn vị vũ trang, đội công tác sát nhập lại, ban cán sự của huyện giải thể do cán bộ chủ chốt còn lại ít, vị trí đóng quân phải di chuyển. Tuy gặp những khó khăn đó nhưng dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Tuyên Đức, quân dân Đơn Dương đã vượt qua thử thách, tiếp tục củng cố tổ chức và duy trì phong trào cách mạng, bảo vệ hậu cứ và hành lang, giữ vững đường dây liên lạc giữa huyện với tỉnh, tạo thế và lực sẵn sàng cùng nhân dân trong tỉnh thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn mới của cách mạng.

Bước vào Đông-xuân 1974-1975, quân dân 2 miền liên tiếp giành được những thắng lợi to lớn. Tại miền Nam, địch mất nhiều vị trí chiến lược quan trọng, kế hoạch lấn chiếm bình định cơ bản bị thất bại. Về lực lượng quân sự, ta đã xây dựng các quân đoàn cơ động chiến đấu, sẵn sàng đánh những đòn quyết định trên chiến trường. Công tác hậu cần và mạng giao thông chiến lược từ Bắc vào Nam đã kéo dài đến Tây Nam bộ. Những thuận lợi đó làm cho khả năng giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc đang trở thành hiện thực.

Trong thời điểm lịch sử đó, hội nghị Bộ chính trị họp từ ngày 30/9 đến ngày 8/10/1974 đã đánh giá tình hình và đề ra chủ trương mới. Bộ chính trị nhận định : Chúng ta đã tạo nên những yếu tố chiến lược quan trọng để tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn, thời cơ chiến lược đã chín muồi để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ

ở miền Nam. Hội nghị quyết định phương án giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975-1976, động viên lực lượng và sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, phấn đấu với tinh thần quyết chiến, quyết thắng cao nhất để hoàn thành nhiệm vụ.

Tiếp đến, trên cơ sở nghị quyết tháng 10, cuối tháng 12/1974 đầu tháng 1/1975 Bộ chính trị tiếp tục bổ sung phương án giải phóng miền Nam. Hội nghị khẳng định : Ta đã có điều kiện đầy đủ về quân sự, chính trị và thời cơ chiến lược thuận lợi để giải phóng miền Nam; Đồng thời dự kiến phương án tranh thủ thời cơ quyết tâm giải phóng miền nam trong năm 1975.

Ở chiến trường khu 6, Khu ủy chủ trương tập trung lực lượng tấn công nhằm tạo ra bước ngoặt đánh bại kế hoạch lấn chiếm của địch, xây dựng và phát triển phong trào đô thị lên một bước, tạo sự tương quan lực lượng có lợi cho ta.

Vào thời gian cuối năm 1974 đầu năm 1975, tình hình chung trong toàn tỉnh Tuyên Đức còn nhiều khó khăn, lực lượng ta ít lại phải trải ra hoạt động trên diện rộng, trong lúc địch tập trung càn quét, lấn chiếm vùng căn cứ, gây trở ngại cho việc liên lạc, tiếp tế.

Quyết tâm thực hiện nhiệm vụ chiến lược của Đảng, cuối năm 1974, Tỉnh ủy họp và xác định : Khắc phục khó khăn, xây dựng sự đoàn kết nhất trí cao, tập

trung sức đánh bại một bước quan trọng kế hoạch bình định của địch, giữ vững địa bàn làm chủ, kết hợp chặt chẽ hoạt động vũ trang với công tác binh vận và phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng trên cơ sở tấn công bóc gỡ các đồn bót địch, phát triển lõm chính trị, tiến lên đánh yếu khu, chi chu giành quyền làm chủ những vị trí quan trọng.

Thực hiện chiến dịch Đông Xuân 1974-1975, kế hoạch của tỉnh chia ra 2 giai đoạn : từ cuối năm 1974 đến 2/1975 và từ tháng 3 đến tháng 4/1975. Đồng thời theo nhiệm vụ trên giao, phối hợp với Lâm Đồng cũ, tỉnh Tuyên Đức tập trung lực lượng giải phóng khu vực từ Đa Me đến Phú Sơn trên đường 21 Bis, tạo điều kiện cho chủ lực làm bàn đạp tiến lên giải phóng Tuyên Đức.

Cũng thời gian này tại Đơn Dương, chiến thắng của ta ở các chiến trường tuy có làm cho địch hoang mang nhưng chúng vẫn ngoan cố tìm cách đối phó. Ở các ấp Nam Hiệp, Quảng Hiệp, vùng 3 thôn dân tộc Ka Đô địch đưa lực lượng chi khu về nắm bộ máy kèm cơ sở. Ở Thạnh Mỹ, đại đội 4 địa phương quân có nhiệm vụ càn quét khu vực Hồ Tiên. Các nơi khác trong quận, địch tăng cường lùng sục, gài mìn, đôn đốc việc tuần tra canh gác, bố trí lực lượng cơ động chiến đấu. Chúng cố tình bưng bít tin chiến thắng của ta, bắt bớ những người nghi vấn, cấm đi lại vào ban đêm, thực hiện lệnh giới nghiêm.

Để khắc phục tình hình địch khống chế, o ép quần chúng, đồng thời phối hợp với kế hoạch của tỉnh, Ban cán sự Đảng khu Tam Giác chỉ đạo các đội công tác và đơn vị vũ trang của Đơn Dương bám địa bàn, chủ động đánh địch đi lẩn chiếm. Ngoài ra, lực lượng vũ trang còn tiến hành đặt chướng ngại vật cản trở giao thông, treo cờ mặt trận dân tộc giải phóng, dán áp phích, rải truyền đơn với nội dung kêu gọi sĩ quan, binh lính Việt Nam cộng hòa quay súng trở về với nhân dân.

Cuối đợt 2 theo kế hoạch hoạt động của tỉnh, ngày 26/3/1975, Ban cán sự Đảng khu Tam Giác triệu tập cuộc họp gồm các đồng chí đội trưởng đội công tác, chỉ huy đơn vị vũ trang về căn cứ phổ biến nhiệm vụ. Hội nghị được quán triệt : Thời cơ có nhiều thuận lợi cho ta, địch đang thất bại ở chiến trường toàn miền Nam, phương châm hành động lúc này là khẩn trương triển khai lực lượng bám địa bàn, bằng mọi hình thức tuyên truyền, vận động nhân dân đấu tranh không để chống, con, em là ngụy quân tham gia tiếp viện cho các chiến trường. Đại đội 815 cùng đội công tác K1, K2 tiếp cận địa bàn ở các khu vực Phú Thuận, Hòa Bình, Lạc Xuân, Ka Đô đến Đ'ron (Thanh Mỹ), Bắc Hội; Đại đội 810 được tỉnh điều về cùng đội công tác Xuân Trường hoạt động ở Xuân Sơn, Đất Làng dọc đường 11.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, diễn biến sôi động của chiến trường ở Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng... có ảnh

hưởng trực tiếp đến tình hình của Đơn Dương và tình hình trong tỉnh. Sáng ngày 28/3/1975, ta giải phóng Bảo Lộc. Tiếp đến, các đơn vị bộ đội của tỉnh phối hợp với bộ phận chuẩn bị chiến trường của Quân khu 6 giải phóng hoàn toàn tỉnh Lâm Đồng (cũ) vào ngày 31/3/1975.

Trong tâm trạng hoang mang cực độ và ở vào thế bị bao vây cô lập, tối ngày 31/3/1975 toàn bộ lực lượng địch tại Đà Lạt rút chạy theo đường 11 xuống Phan Rang, trước khi quân chủ lực của ta kịp đến. Theo chân bọn địch Đà Lạt, sáng ngày 1/4/1975, binh lính ngụy quyền ở Đơn Dương cũng theo đường 11 di tản xuống Phan Rang.

Trước tình huống khẩn trương và phát triển nhanh chóng của chiến trường, lực lượng ta ở khu Tam Giác dù chưa nhận được sự chỉ đạo trực tiếp của tỉnh nhưng vẫn theo kế hoạch bám địa bàn chờ lệnh. Sáng 1/4/1975, đại đội địa phương quân và bộ phận nhân dân tự vệ Cầu Đất bỏ súng không chiến đấu. Đội công tác Xuân Trường, đại đội 810 đã kịp thời phát triển chiếm ấp Xuân Sơn và chiều hôm đó có thêm lực lượng thanh niên tham gia đã chiếm và làm chủ toàn bộ xã Xuân Trường, khống chế đường 11 từ Xuân Thọ xuống, quận lỵ Đơn Dương lên.

Sau khi địch rút chạy khỏi Đơn Dương, địa bàn bỏ trống, chưa có đơn vị vũ trang đến giải phóng, cơ sở cách mạng ở Lạc Xuân đã kịp thời liên lạc với bộ phận của Ban cán sự Đảng khu Tam Giác thông báo tình hình. Được tin, ta nhanh chóng tổ chức tiếp quản. Phối hợp với Lạc Xuân, cơ sở quần chúng tại Lạc Nghiệp dùng xe ô tô đón lực lượng cách mạng tiến vào quận lỵ Đơn Dương. Đúng 8 giờ sáng ngày 2/4/1975, tại trung tâm quận cờ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được kéo lên, báo hiệu ngày giải phóng quê hương, đánh dấu bước đường đấu tranh cách mạng đầy hy sinh gian khổ của nhân dân Đơn Dương đã hoàn toàn thắng lợi.

Sáng ngày 3/4/1975, các đội công tác triển khai tiếp quản Ka Đô, Thạnh Mỹ. Chính quyền cách mạng được thành lập ở các địa phương trong huyện. Riêng xã Lạc Lâm do đồng bào di tản mấy ngày sau mới trở về nên ngày 5/4 chính quyền mới được thành lập. Thực hiện nhiệm vụ trước mắt, chính quyền cách mạng tổ chức lực lượng bảo đảm an ninh, kêu gọi binh lính và ngụy quyền trình diện, hướng dẫn nhân dân từng bước ổn định sản xuất, đời sống, triển khai lực lượng du kích bảo vệ các công trình quốc gia như thủy điện Đa Nhim, nhà máy điện, cầu cống trên đường quốc lộ... không để các phần tử gây rối phá hoại, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đầy gian khổ hy sinh của dân tộc ta đã kết thúc thắng lợi. Qua 21 năm cùng nhân dân cả nước bền bỉ đấu tranh, ngày 2/4/1975 quân và dân Đôn Dương hân hoan chào đón giờ phút giải phóng quê hương, bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới trong hòa bình hạnh phúc.



KẾT LUẬN

Bốn mươi lăm năm, một chặng đường dài đấu tranh cách mạng đầy gian nan thử thách, nhân dân các dân tộc Đôn Dương đã không ngừng phấn đấu lập nên nhiều thành tích. Trong quá trình hình thành và phát triển, đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của các tầng lớp nhân dân ở Đôn Dương trải qua nhiều biến đổi sâu sắc nhưng chỉ từ khi có Đảng lãnh đạo, nhân dân Đôn Dương mới ý thức đầy đủ sức mạnh của mình, tin tưởng vào đường lối đúng đắn của Đảng, quyết tâm vượt qua mọi gian khổ hy sinh, cùng nhân dân cả nước hoàn thành công cuộc chống thực dân, đế quốc, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng quê hương, đất nước.

Là vùng đất tiếp giáp giữa các tỉnh đồng bằng cực Nam với miền núi Tây Nguyên, có vị trí quan trọng về chiến lược quân sự nên từ thực dân Pháp đến đế quốc Mỹ, địch tập trung lực lượng xây dựng Đôn Dương thành cứ điểm mạnh nhằm kèm kẹp nhân dân, phong tỏa phong trào cách mạng. Vì vậy cuộc đấu tranh của nhân dân Đôn Dương chống kẻ thù xâm lược diễn ra quyết liệt, dai dẳng trong tất cả các thời kỳ. Để tiến hành đấu tranh cách mạng, Đảng bộ, quân và dân Đôn Dương đã tích cực vận dụng sáng tạo, linh hoạt phương châm, phương thức hoạt động thích hợp nhằm xây dựng, củng cố lực lượng, bảo đảm đánh địch trong mọi tình huống.

Ở vào hoàn cảnh bị địch bao vây, xa sự chi viện của hậu phương lớn, từ thực tiễn chiến trường, phương châm phương pháp đó là biết kết hợp đấu tranh chính trị, lấy sức mạnh quần chúng làm động lực chính, lấy dân làm gốc kết hợp với vận dụng đúng đắn đường lối của Đảng trong xây dựng cơ sở, phát triển từ vùng dân tộc đến vùng kinh, củng cố lực lượng từ ít đến nhiều, từ yếu đến mạnh, dùng các đội vũ trang tuyên truyền mở hướng mốc nối xây dựng cơ sở bên trong và đưa lực lượng vào bên trong xây dựng cơ sở ngay trong lòng hậu phương của địch. Chính nhờ kết hợp đúng đắn phương châm phương pháp công tác thích hợp nên phong trào cách mạng ở Đôn Dương đã liên tiếp giành được thắng lợi, dù kẻ thù có lực lượng đông và thực hiện nhiều âm mưu thâm độc.

Đôn Dương xưa và nay là nơi hội tụ cư dân của nhiều vùng đất nước, đồng bào kinh và đồng bào các dân tộc ít người. Tuy mang nét riêng về phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo nhưng đều là những người nghèo khổ, bị chế độ phong kiến, thực dân, đế quốc đè nén, áp bức nên trong họ luôn có sẵn truyền thống yêu quê hương, đất nước, chí căm thù, tinh thần chống áp bức, bất công. Quá trình đấu tranh cải tạo thiên nhiên và chống kẻ thù xâm lược, nhân dân Đôn Dương luôn nêu cao tình đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, kiên cường, bất khuất đấu tranh chống kẻ thù chung. Khối đoàn kết các dân tộc của nhân dân Đôn Dương là nhân tố tạo nên sức mạnh vững chắc, không thể lực phản động

nào có thể tìm cách chia rẽ. Khối đoàn kết đó qua thử thách, đấu tranh cách mạng càng thêm bền vững.

Trong khối đại đoàn kết toàn dân, đồng bào các dân tộc ít người ở Đơn Dương luôn một lòng hướng theo Đảng, các dân tộc anh em và đồng bào kinh cùng nhau sát cánh chống lại sự tàn bạo của ngoại bang xâm lược. Từ khi thực dân Pháp đặt chân lên mảnh đất này cho đến ngày toàn thắng, đồng bào các dân tộc ít người luôn là chỗ dựa của các chiến sĩ cách mạng, là bàn đạp xây dựng cơ sở của Đơn Dương để từ đó tiến lên phát triển phong trào rộng khắp trong toàn huyện. Cuộc đấu tranh của đồng bào các dân tộc ít người diễn ra dai dẳng quyết liệt với thực dân đế quốc để giữ gìn bản sắc dân tộc, giữ gìn đất đai do ông bà để lại, chống mọi sự áp bức bất công. Tinh thần bất khuất của đồng bào không những tiêu biểu cho tuyến thống chung của các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam mà còn là truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân các dân tộc ít người ở Đơn Dương. Đó là một trong những yếu tố tạo nên sức mạnh đánh bại mọi thế lực phản động ở địa phương.

Trải qua hai cuộc kháng chiến gian lao mà anh dũng ở vùng đất thuộc chiến trường khu 6, nơi kẻ thù tập trung lực lượng và phương tiện chiến tranh đánh phá ác liệt phong trào cách mạng, quân và dân Đơn Dương luôn giữ vững tình đoàn kết gắn bó, thủy chung. Được dân chở che, đùm bọc, sống trong tình thương của dân với cách

mạng, biết bao thế hệ cán bộ, chiến sĩ hoạt động ở chiến trường Đôn Dương đã nêu cao tinh thần hy sinh, vượt khó, quyết tâm bám địa bàn, dựa vào dân xây dựng cơ sở, tạo thế và lực tại chỗ phát triển mạnh mẽ. Tinh đoàn kết quân dân đã động viên, cổ vũ cán bộ, chiến sĩ sẵn sàng vượt qua gian khổ hoàn thành nhiệm vụ được giao, là cơ sở để đề ra phương châm phù hợp, vận dụng nhiều cách đánh địch có hiệu quả, giành thắng lợi trong hoàn cảnh khó khăn của chiến trường.

Do đặc điểm và nhiều yếu tố khách quan, tổ chức Đảng ở Đôn Dương có thời gian dài bị gián đoạn. Trước năm 1945, tuy số lượng Đảng viên ít, chỉ đạo phong trào trên địa bàn rộng, cơ sở Đảng đầu tiên của huyện đã đi sâu vào quần chúng phát động phong trào, nắm vững thời cơ, lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền thành công trong cách mạng tháng Tám. Tổ chức Đảng tuy còn nhỏ bé nhưng uy tín của Đảng đã sâu đậm trong lòng dân. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và thời kỳ đầu chống đế quốc Mỹ xâm lược, tuy không hình thành được tổ chức Đảng nhưng luôn có các đồng chí Đảng viên hoạt động ở Đôn Dương, đưa đường lối, chủ trương của Đảng đến với quần chúng. Khi có điều kiện, Đảng bộ Đôn Dương được nhanh chóng thành lập để lãnh đạo phong trào. Đảng luôn là ngọn cờ dẫn đường, là niềm tin của nhân dân trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng.

Sự nghiệp chống thực dân, chống đế quốc cho đến ngày toàn thắng đã ghi nhận công lao to lớn của nhân dân các dân tộc huyện nhà. Trải qua chiến tranh tàn khốc với biết bao mất mát nhưng đồng bào vẫn kiên trì chịu đựng gian khổ, hy sinh, không quản ngại hiểm nguy chở che nuôi dưỡng cách mạng. Những đồng chí, người mẹ, người chị bị địch bắt bỏ tù đầy song thà hy sinh thân mình để bảo vệ cán bộ, cơ sở, kiên quyết không khai báo trước kẻ thù. Những tấm gương cao cả đó đã tiêu biểu cho tinh thần cách mạng của nhân dân các dân tộc trong huyện.

Ngày nay, tiếp tục phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện nhà quyết vượt qua khó khăn, thử thách trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng trước mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, giữ vững khối đoàn kết toàn dân, xây dựng quê hương Đơn Dương ngày càng giàu đẹp, xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc.



PHỤ LỤC

I/ THÀNH TÍCH KHEN THƯỞNG ⁽¹⁾ :

A/ Hội đồng Nhà nước phong tặng :

- Anh hùng lực lượng vũ trang (năm 1985) : 1 đơn vị.
- Bà mẹ Việt Nam anh hùng : 2 người.

B/ Khen thưởng thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ :

1/ Thời kỳ chống Pháp :

- Huân chương kháng chiến hạng nhất : 1 người
- Huân chương kháng chiến hạng nhì : 1 người
- Huân chương kháng chiến hạng ba : 2 người
- Huy chương kháng chiến hạng nhất : 7 người
- Huy chương kháng chiến hạng nhì : 5 người
- Bằng khen của Chính phủ : 3 người
- Bằng có công với nước : 1 người

(1) Theo số liệu của bộ phận thi đua khen thưởng huyện Đơn Dương, chưa có số liệu của lực lượng vũ trang và chưa thống kê được thành tích khen thưởng của các liệt sĩ.

2/ Thời kỳ chống Mỹ :

- Huân chương kháng chiến hạng nhất : 45 người
- Huân chương kháng chiến hạng nhì : 78 người
- Huân chương kháng chiến hạng ba : 175 người
- Huy chương kháng chiến hạng nhất : 75 người
- Huy chương kháng chiến hạng nhì : 70 người
- Bằng khen của Chính phủ : 48 người
- Bằng có công với nước : 1 người

3/ Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam khen tặng :

- Huân chương quyết thắng hạng nhất : 48 người
- Huân chương quyết thắng hạng nhì : 20 người
- Huân chương quyết thắng hạng ba : 11 người

III/ VỀ ĐỌC VÀ CÁCH VIẾT MỘT SỐ TỪ THEO TIẾNG DÂN TỘC ĐÃ SỬ DỤNG TRONG “SƠ THẢO TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG”.

ĐỌC	VIẾT
Mờ Lợn	M'Lon
Loan	Lwoan
K'đen (Ka Đơn)	K'Deunt
Tà in	Ta ing
Langbiang (Lâm Viên)	Li ang bi ang
Pro	Proh
Phi Vàng	Fi vang
Tu Tra	Tu Kla
Phi Nôm (Fi Nôm)	Phi mơn
Tà Năng	Tơ năng
Kơ Ho	K'Ho
Chu Ru	Cu ru
Rắc Lay	Rg Lai
Đờ Răng	Dran
Chil (Chin)	Cill
Đại Ninh	Dà Nhim
Tôunét Hàn Đăng	Tou neh Hàn Đăn
Phi - an	Phi Yan
Liên Khương	Li ang Khang
Hoạt	Hoak

Đắc Lắc	Đăk Lăk
Tà Nung	Ta Nung
K'ri ông thồ	K'riang thồ
Phi Sua	Phi Sur
Đầm Ròn	Dam Mrong
La Bá	La Pá
B Nơ A	Bon neur A
Đròn	Drong
Tiêng Liêng	Đơn Tiêng liêng
Sộp	Sọp
Ka giăng	Ka Zang
Ích giăng	Ik Zang
Ma Đanh	M'Đan
Cầm Bốt	Kam Bout
Krăng gọ	Krangó
Krăng chớ	Krang cơ
Rơ Lôm	R'Lôm
Chà rạc	Ch Rang
Krị Do	Kor Yo
Ta Ly	
Ma Nhông	Bơ Nhong

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU

PHẦN MỞ ĐẦU

1

Đặc điểm cơ bản về thiên nhiên và quá trình phát triển của huyện Đơn Dương

I. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

1

II. Huyện Đơn Dương trong quá trình phát triển

3

PHẦN THỨ NHẤT

15

Nhân dân Đơn Dương đấu tranh chống áp bức, nổi dậy giành chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp (1930 - 1954)

CHƯƠNG I

15

Đấu tranh chống áp bức và nổi dậy giành chính quyền cách mạng (1930 - 1945)

CHƯƠNG II

36

Xây dựng, bảo vệ chính quyền nhân dân, chuẩn bị lực lượng và tiến hành kháng chiến thắng lợi (Tháng 9/1945 - tháng 7/1954)

PHẦN THỨ HAI

81

Nhân dân Đơn Dương trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)

CHƯƠNG I

81

Giữ vững và phát triển phong trào cách mạng địa phương (7/1954 - 7/1961)

CHƯƠNG II

102

Tích cực xây dựng lực lượng, đẩy mạnh đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang (Tháng 6/1961 - 1968)

CHƯƠNG III

144

Quân và dân Đơn Dương đấu tranh chống lại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của địch, nắm vững thời cơ tiến lên giải phóng hoàn toàn huyện Đơn Dương (1969 - 1975)

KẾT LUẬN

179

PHỤ LỤC

184

MỤC LỤC

188

Chịu trách nhiệm xuất bản

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY ĐƠN DƯƠNG

Chỉ đạo biên soạn

BAN TUYÊN GIÁO HUYỆN ỦY ĐƠN DƯƠNG

Sưu tầm, tập hợp tư liệu

NGUYỄN THỊ LỘC - ĐÀO NGỌC LAN

Chỉnh lý, bổ sung, biên tập

PHAN KẾT

Sửa bản in

PHAN KẾT - ĐÀO NGỌC LAN - NGUYỄN THỊ LỘC

In 1000 cuốn, khổ 13 x 19 cm, tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt. Giấy phép xuất bản số 1/GPXB do Sở Văn hóa Thông tin Lâm Đồng cấp ngày 13-1-1997. In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 1997.